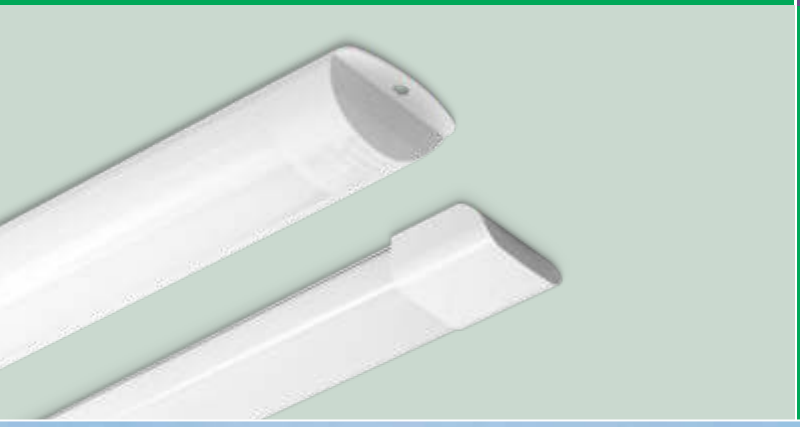
SINO LIGHTING
VANLOCK

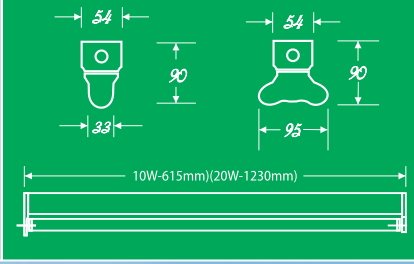
"When your business depends on light."

"Khi việc kinh doanh dựa vào chiếu sáng"





SP1010L, SP1020L
SP2010L, SP2020L
Fluorescent Battens



Thông tin cảnh báo an toàn:
- Điện áp sử dụng: **220V – 240V ~ 50Hz**
- Việc lắp đặt phải do người có chuyên môn về điện thực hiện.

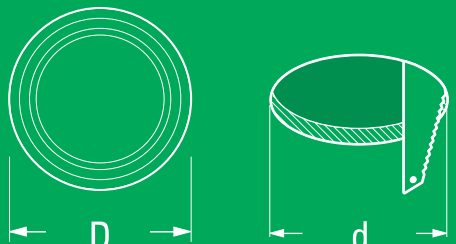
Hướng dẫn sử dụng: sử dụng đúng thông số kỹ thuật in trên bao bì hoặc sản phẩm.

Hướng dẫn bảo quản: bảo quản sản phẩm nơi khô ráo.





Ultra-thin Cri 2 Panel Led



Đèn Chiếu Sáng
Lighting Fixtures

BATTEN SERIES

All the quality features you'd expect

CÓ TẤT CẢ CÁC ƯU ĐIỂM MÀ BẠN HẰNG MONG ĐỢI

Đui đèn làm bằng chất liệu Polycarbonate bền vững, dễ dàng tháo lắp - chống mô-ve khi tiếp xúc với bóng
Readily available and replaceable standard polycarbonate lamp holder.

Dây điện chịu nhiệt độ cao (105°C) đảm bảo an toàn điện
High temperature rated (V105°) cable for electrical safely

Thân đèn được kết cấu bằng các tấm thép tạo form vững chắc làm tăng độ cứng của thân. Thân đèn còn được sơn tĩnh điện chống rỉ sét.
Sturdy formed steel casing for improved rigidity.
The entire casing is fully powder coated prior to forming, offering unsurpassed paint finish, uniformity and protection.

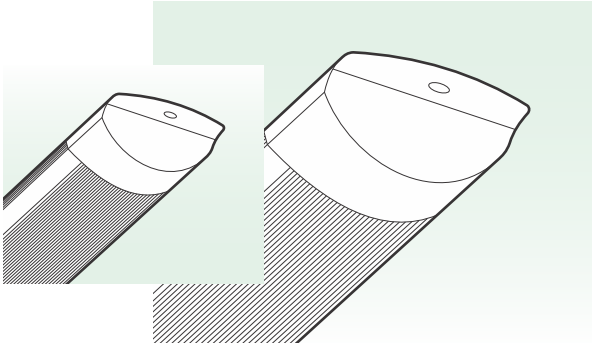
Cầu đấu chống cháy, lỗ rộng và ngõ vào 20mm cho đường ống và dây cáp có zoăng nhựa không gây trầy xước dây
High temperature large bore terminal connectors and 20mm cable entry for easy of wiring

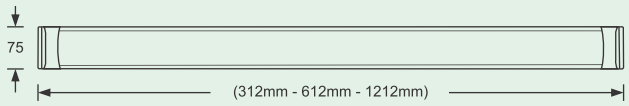
Lỗ chờ thuận tiện cho việc lắp đặt ở mọi vị trí
Preformed mounting slots for easy of installation

Bộ gá đui chịu độ va đập cao, kiểu dáng thanh nhã, phù hợp với các loại bóng đèn, đã được bảo hộ bản quyền trên toàn thế giới
High impact moulded lamp holder end cap assemblies.
Designs protected by international registration.



ĐÈN BÁN NGUYỆT
SEMICIRCULAR LED LINE

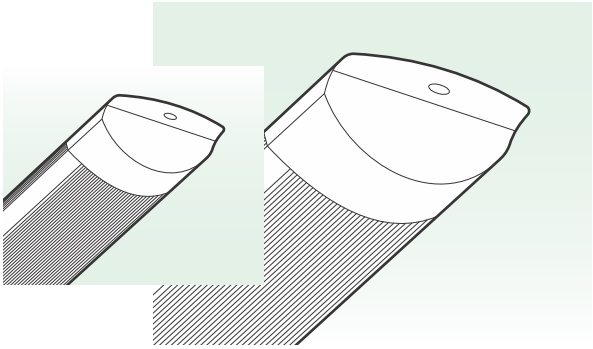


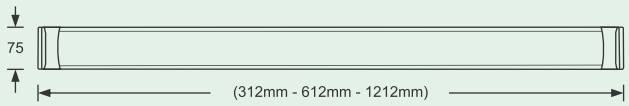


Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price 6500/4000/3000K
SPDM/30/10W/.../PT	10W	312	10	96.000
SPDM/30/15W/.../PT	15W	312	10	117.000
SPDM/30/20W/.../PT	20W	312	10	152.000
SPDM/60/20W/.../PT	20W	612	10	142.000
SPDM/60/25W/.../PT	25W	612	10	168.000
SPDM/60/36W/.../PT	36W	612	10	207.000
SPDM/120/40W/.../PT	40W	1212	10	232.000
SPDM/120/50W/.../PT	50W	1212	10	268.500
SPDM/120/75W/.../PT	75W	1212	10	318.500
SPDM/30/10W/...	10W	312	10	104.000
SPDM/30/15W/...	15W	312	10	125.000
SPDM/30/20W/...	20W	312	10	160.000
SPDM/60/20W/...	20W	612	10	150.500
SPDM/60/25W/...	25W	612	10	175.000
SPDM/60/36W/...	36W	612	10	215.000
SPDM/120/40W/...	40W	1212	10	243.200
SPDM/120/50W/...	50W	1212	10	280.000
SPDM/120/75W/...	75W	1212	10	330.000

*Sản phẩm có "**PT**" ở cuối là loại chỉ dùng đầu chụp không dùng vỏ hộp*

ĐÈN BÁN NGUYỆT ĐỘ HOÀN MÀU CAO
SEMICIRCULAR LED LINE - CRI90

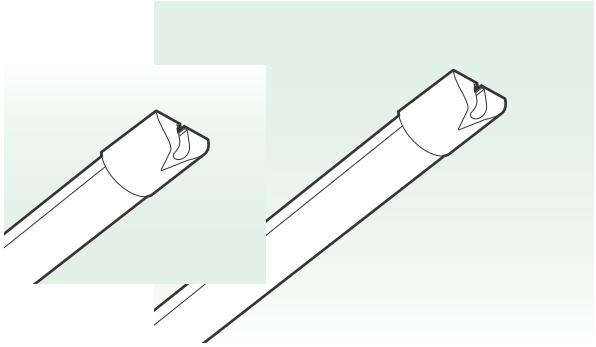


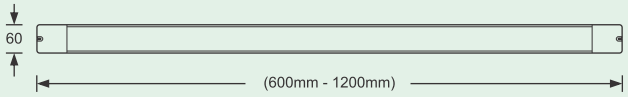


Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price 6500/5000K
SPDM/3010/.../CRI90	10W	312	10	110.000
SPDM/3015/.../CRI90	15W	312	10	132.000
SPDM/3020/.../CRI90	20W	312	10	158.000
SPDM/6020/.../CRI90	20W	612	10	168.000
SPDM/6025/.../CRI90	25W	612	10	185.000
SPDM/6036/.../CRI90	36W	612	10	226.000
SPDM/12040/.../CRI90	40W	1212	10	256.000
SPDM/12050/.../CRI90	50W	1212	10	295.000
SPDM/12075/.../CRI90	75W	1212	10	346.000

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

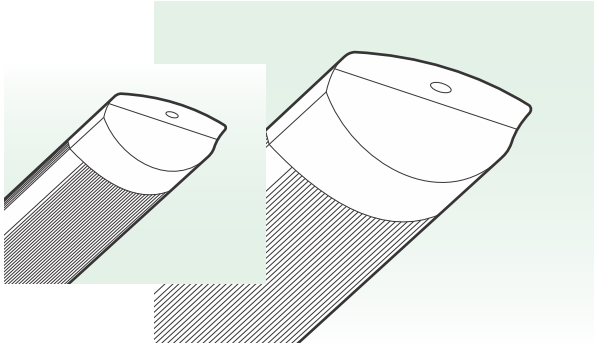
ĐÈN BÁN NGUYỆT THÂN NHỰA
SEMICIRCULAR LED LINE - PLASTIC HOUSING

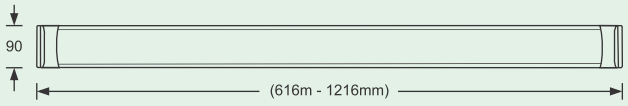




Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
				6500/4000/3000K
SPDMN/60/15W/...	15W	600	15	52.800
SPDMN/60/25W/...	25W	600	15	64.500
SPDMN/120/30W/...	30W	1200	15	86.000
SPDMN/120/50W/...	50W	1200	15	106.000

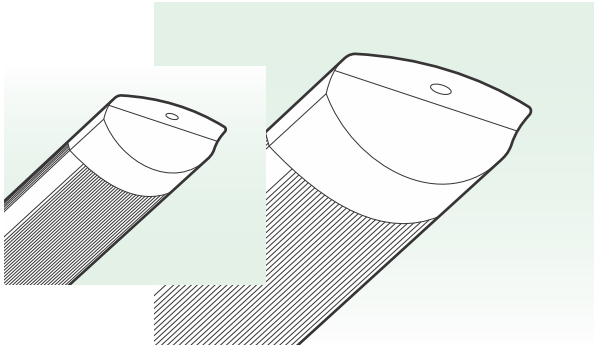
ĐÈN BÁN NGUYỆT THÂN RỘNG
SEMICIRCULAR LED LINE - WIDEBODY

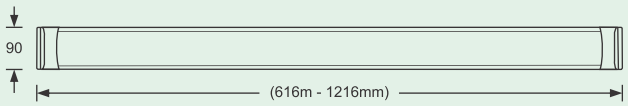




Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
				6500/4000/3000K
SPDL/60/30W/...	30W	616	10	216.000
SPDL/60/40W/...	40W	616	10	252.000
SPDL/60/50W/...	50W	616	10	286.000
SPDL/120/60W/...	60W	1216	10	310.000
SPDL/120/80W/...	80W	1216	10	360.000
SPDL/120/100W/...	100W	1216	10	410.000

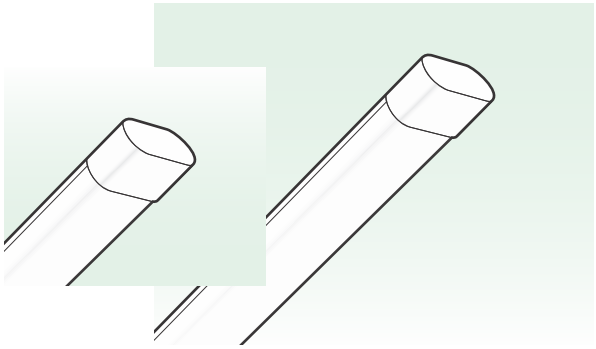
ĐÈN BÁN NGUYỆT THÂN RỘNG ĐỘ HOÀN MÀU CAO
SEMICIRCULAR LED LINE - WIDEBODY - CRI90

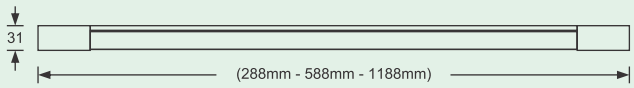




Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
				6500/5000
SPDL/60/30W/.../CRI90	30W	616	10	236.000
SPDL/60/40W/.../CRI90	40W	616	10	272.000
SPDL/60/50W/.../CRI90	50W	616	10	306.000
SPDL/120/60W/.../CRI90	60W	1216	10	326.000
SPDL/120/80W/.../CRI90	80W	1216	10	378.000
SPDL/120/100W/.../CRI90	100W	1216	10	432.000

ĐÈN HỘP BO GÓC TRÒN
ROUNDED CORNERED LED BOXLINE

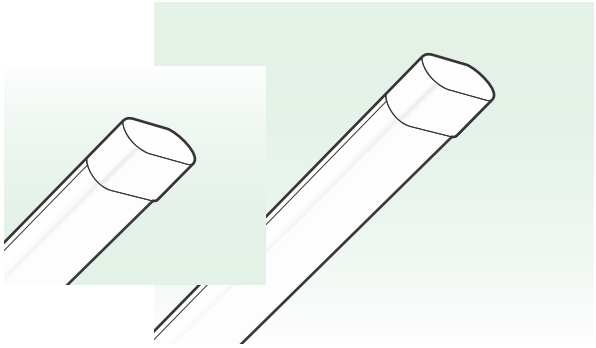


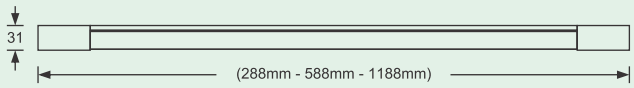


Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price 6500/4000/3000K
SPRM/30/10W/.../PT	10W	288	15	**98.000**
SPRM/30/15W/.../PT	15W	288	15	**119.000**
SPRM/30/20W/.../PT	20W	288	15	**154.000**
SPRM/60/20W/.../PT	20W	588	15	**144.000**
SPRM/60/25W/.../PT	25W	588	15	**168.500**
SPRM/60/36W/.../PT	36W	588	15	**208.500**
SPRM/120/40W/.../PT	40W	1188	15	**232.000**
SPRM/120/50W/.../PT	50W	1188	15	**268.500**
SPRM/120/75W/.../PT	75W	1188	15	**318.500**
SPRM/30/10W/...	10W	288	10	**104.000**
SPRM/30/15W/...	15W	288	10	**125.000**
SPRM/30/20W/...	20W	288	10	**160.000**
SPRM/60/20W/...	20W	588	10	**150.500**
SPRM/60/25W/...	25W	588	10	**175.000**
SPRM/60/36W/...	36W	588	10	**215.000**
SPRM/120/40W/...	40W	1188	10	**243.200**
SPRM/120/50W/...	50W	1188	10	**280.000**
SPRM/120/75W/...	75W	1188	10	**330.000**

*Sản phẩm có "**PT**" ở cuối là loại chỉ dùng đầu chụp không dùng vỏ hộp*

ĐÈN HỘP BO GÓC TRÒN ĐỘ HOÀN MÀU CAO
ROUNDED CORNERED LED BOXLINE - CRI90

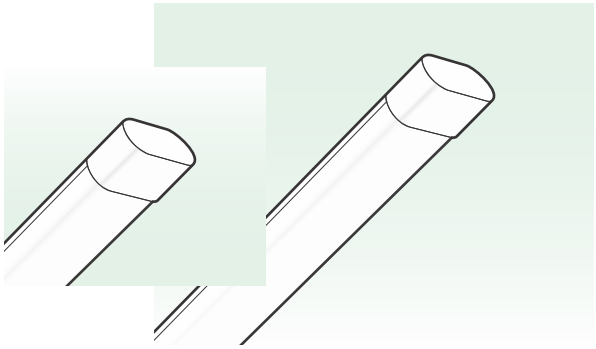


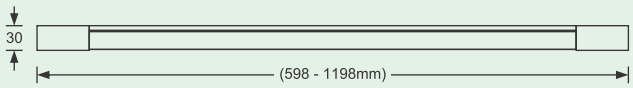


Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price 6500/5000K
SPRM/3010/.../CRI90	10W	288	10	**110.000**
SPRM/3015/.../CRI90	15W	288	10	**132.000**
SPRM/3020/.../CRI90	20W	288	10	**158.000**
SPRM/6020/.../CRI90	20W	588	10	**168.000**
SPRM/6025/.../CRI90	25W	588	10	**185.000**
SPRM/6036/.../CRI90	36W	588	10	**226.000**
SPRM/12040/.../CRI90	40W	1188	10	**256.000**
SPRM/12050/.../CRI90	50W	1188	10	**295.000**
SPRM/12075/.../CRI90	75W	1188	10	**346.000**

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

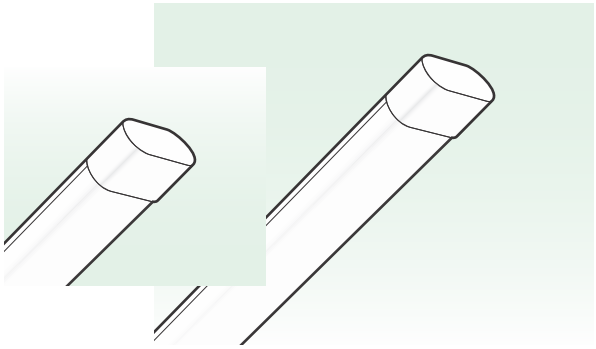
ĐÈN HỘP BO GÓC TRÒN THÂN RỘNG
ROUNDED CORNERED LED BOXLINE - WIDEBODY

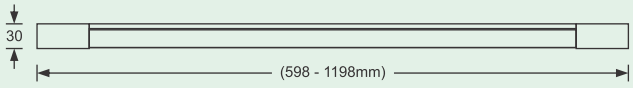




Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
				6500/4000/3000K
SPRL/60/30W/...	30W	598	10	**216.000**
SPRL/60/40W/...	40W	598	10	**252.000**
SPRL/60/50W/...	50W	598	10	**286.000**
SPRL/120/60W/...	60W	1198	10	**310.000**
SPRL/120/80W/...	80W	1198	10	**360.000**
SPRL/120/100W/...	100W	1198	10	**410.000**

ĐÈN HỘP BO GÓC TRÒN THÂN RỘNG ĐỘ HOÀN MÀU CAO
ROUNDED CORNERED LED BOXLINE - WIDEBODY - CRI90

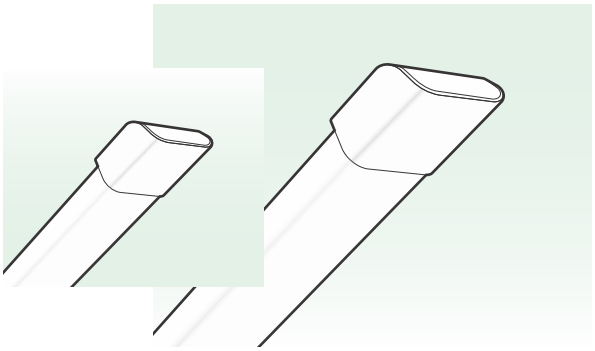


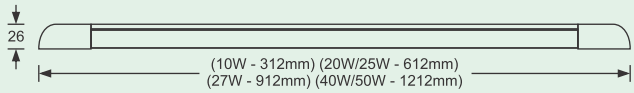


Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
				6500/5000
SPRL/60/30W/.../CRI90	30W	598	10	**236.000**
SPRL/60/40W/.../CRI90	40W	598	10	**272.000**
SPRL/60/50W/.../CRI90	50W	598	10	**306.000**
SPRL/120/60W/.../CRI90	60W	1198	10	**326.000**
SPRL/120/80W/.../CRI90	80W	1198	10	**378.000**
SPRL/120/100W/.../CRI90	100W	1198	10	**432.000**

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN HỘP
LED BOXLINE

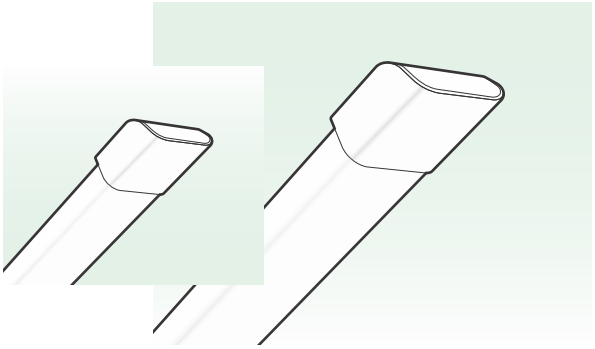


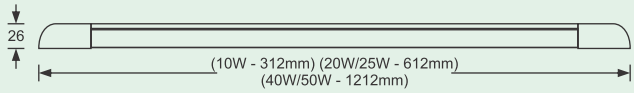


Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
				6500/4000/3000K
SPEM/30/10W/.../PT	10W	312	15	**105.000**
SPEM/60/20W/.../PT	20W	612	15	**154.000**
SPEM/60/25W/.../PT	25W	612	15	**168.000**
SPEM/120/40W/.../PT	40W	1212	15	**250.000**
SPEM/120/50W/.../PT	50W	1212	15	**288.000**

*Sản phẩm có "**PT**" ở cuối là loại chỉ dùng đầu chụp không dùng vỏ hộp*

ĐÈN HỘP ĐỘ HOÀN MÀU CAO
LED BOXLINE - CRI90



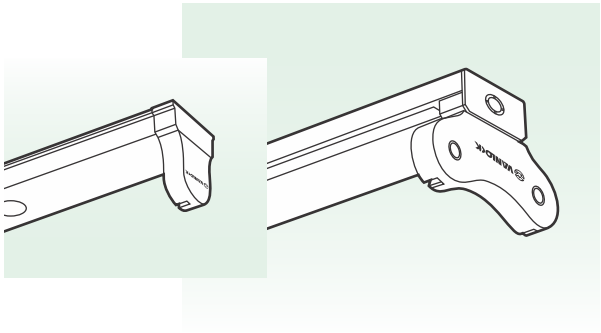


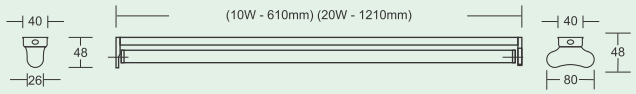
Mã số Model	Công suất Rating	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
				6500/5000K
SPEM/3010/.../CRI90/PT	10W	312	15	**113.600**
SPEM/6020/.../CRI90/PT	20W	612	15	**162.000**
SPEM/6025/.../CRI90/PT	25W	612	15	**172.000**
SPEM/12040/.../CRI90/PT	40W	1212	15	**265.000**
SPEM/12050/.../CRI90/PT	50W	1212	15	**289.000**

*Sản phẩm có "**PT**" ở cuối là loại chỉ dùng đầu chụp không dùng vỏ hộp*

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN BATTEN SPS
SPS BATTEN

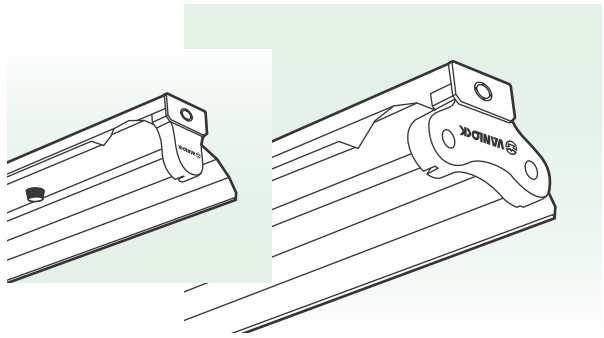


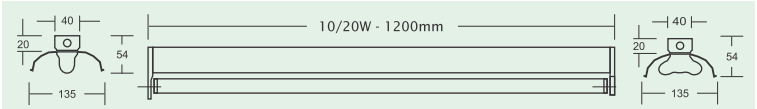


Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
SPS1010L/KO	LED	1 x 10W	20	**32.000**
SPS2010L/KO	LED	2 x 10W	6	**56.000**
SPS1020L/KO	LED	1 x 20W	20	**39.000**
SPS2020L/KO	LED	2 x 20W	6	**71.000**

Giá đèn Led không bao gồm bóng

ĐÈN SPS CÓ PHẢN QUANG TỎA RỘNG
WIDE DISTRIBUTION REFLECTOR KIT

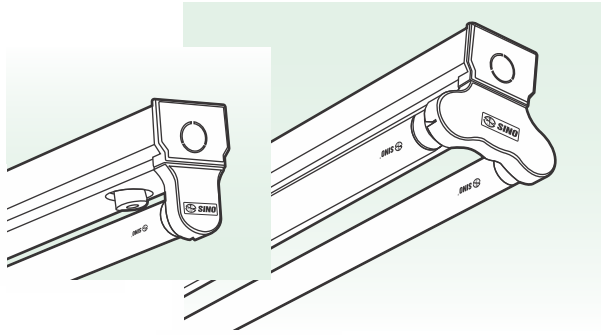


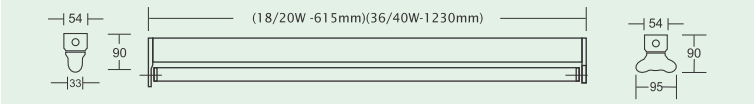


Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
SPS1020L/IN/KO	LED	1 x 20	-	**200.000**
SPS2020L/IN/KO	LED	2 x 20	-	**250.000**

Giá đèn Led không bao gồm bóng

BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG KIỂU BATTEN
FLUORESCENT BATTEN



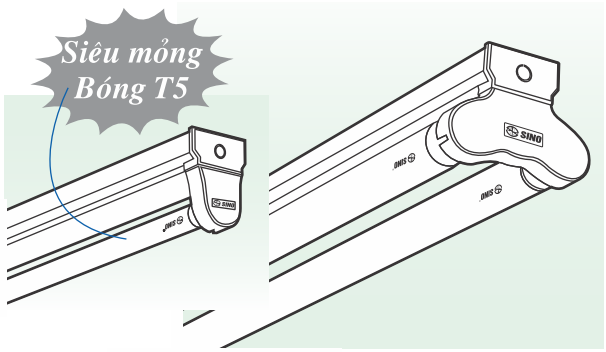


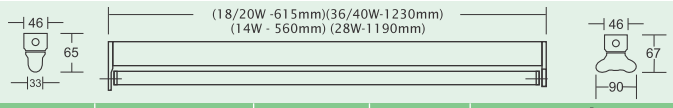
Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SP1018/KO	Huỳnh quang	1 x 18/20W	10	**120.000**	**168.000**
SP2018/KO	Huỳnh quang	2 x 18/20W	8	**156.500**	**225.000**
SP1036/KO	Huỳnh quang	1 x 36/40W	10	**152.500**	**198.000**
SP2036/KO	Huỳnh quang	2 x 36/40W	8	**195.500**	**292.000**
SP1010L/KO	LED	1 x 10W	-	**85.000**	
SP2010L/KO	LED	2 x 10W	-	**86.500**	
SP1020L/KO	LED	1 x 20W	-	**117.500**	
SP2020L/KO	LED	2 x 20W	-	**128.500**	
SP1010L	LED	1 x 10W	10	**169.000**	
SP2010L	LED	2 x 10W	8	**254.500**	
SP1020L	LED	1 x 20W	10	**237.500**	
SP2020L	LED	2 x 20W	8	**368.500**	
SP1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	10	**132.000**	
SP2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	8	**198.000**	
SP1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	10	**162.000**	
SP2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	8	**266.000**	
SP1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	10	**137.000**	
SP2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	8	**208.000**	
SP1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	10	**170.000**	
SP2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	8	**282.000**	

Sản phẩm truyền thống có đui và má ngoài màu trắng, có thể đặt màu xanh (X) = BL

*Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led & T5 đã bao gồm bóng; Mã có đuôi **/KO** là đèn không bao gồm bóng*
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG SIÊU MỎNG KIỂU BATTEN
SUPER THIN FLUORESCENT BATTEN

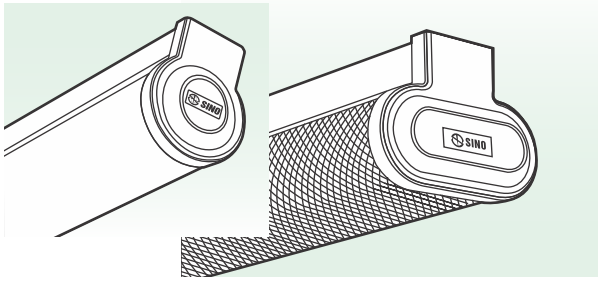


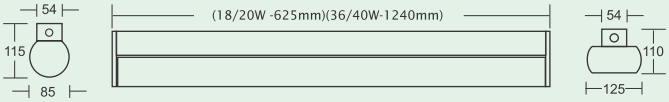


Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SPM1018/KO	Huỳnh quang	1 x 18/20W	15	**100.600**	**182.000**
SPM2018/KO	Huỳnh quang	2 x 18/20W	8	**150.000**	**242.000**
SPM1036/KO	Huỳnh quang	1 x 36/40W	15	**117.000**	**215.000**
SPM2036/KO	Huỳnh quang	2 x 36/40W	8	**165.000**	**315.000**
SPM1014	T5	1 x 14W	15	**262.000**	
SPM2014	T5	2 x 14W	8	**325.000**	
SPM1028	T5	1 x 28W	15	**329.000**	
SPM2028	T5	2 x 28W	8	**433.000**	
SPM1010L/KO	LED	1 x 10W	-	**65.600**	
SPM2010L/KO	LED	2 x 10W	-	**80.000**	
SPM1020L/KO	LED	1 x 20W	-	**82.000**	
SPM2020L/KO	LED	2 x 20W	-	**95.000**	
SPM1010L	LED	1 x 10W	15	**149.600**	
SPM2010L	LED	2 x 10W	8	**248.000**	
SPM1020L	LED	1 x 20W	15	**202.000**	
SPM2020L	LED	2 x 20W	8	**335.000**	
SPM1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	15	**126.000**	
SPM2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	8	**172.000**	
SPM1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	15	**148.000**	
SPM2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	8	**249.000**	
SPM1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	15	**131.000**	
SPM2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	8	**182.000**	
SPM1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	15	**156.000**	
SPM2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	8	**265.000**	

Sản phẩm truyền thống có đui và má ngoài màu trắng, có thể đặt màu xanh (X) = BL

BỘ ĐÈN CÓ CHỤP NHỰA DẠNG TRÒN
ROUND DIFFUSED BATTEN



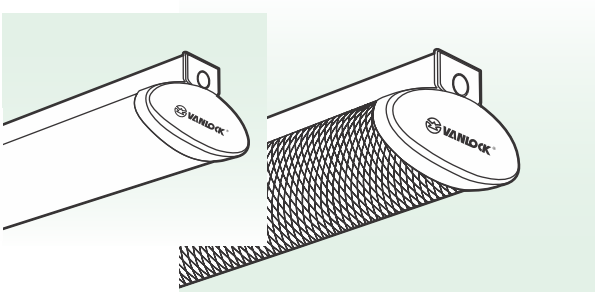


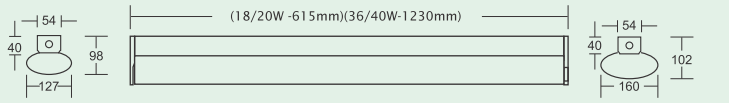
Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SPD/SOD1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	-	**325.000**	**368.000**
SPD/SOD2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	-	**388.000**	**435.000**
SPD/SOD1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	-	**358.000**	**402.000**
SPD/SOD2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	-	**505.000**	**592.000**
SPD/SOD1010L	LED	1 x 10W	-	**357.500**	
SPD/SOD2010L	LED	2 x 10W	-	**426.800**	
SPD/SOD1020L	LED	1 x 20W	-	**393.800**	
SPD/SOD2020L	LED	2 x 20W	-	**555.500**	
SPD/SOD1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	-	**338.000**	
SPD/SOD2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	-	**388.000**	
SPD/SOD1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	-	**359.000**	
SPD/SOD2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	-	**488.000**	
SPD/SOD1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	**343.000**	
SPD/SOD2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	**398.000**	
SPD/SOD1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	**367.000**	
SPD/SOD2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	**504.000**	

**SPD: Là mã của đèn có chụp hoa dâu * SOD: Là mã của đèn có chụp trơn mờ*

*Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led đã bao gồm bóng; Mã có đuôi **/KO** là đèn không bao gồm bóng*
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

BỘ ĐÈN CÓ CHỤP NHỰA DẠNG ELIP
ELIPSE DIFFUSED BATTEN

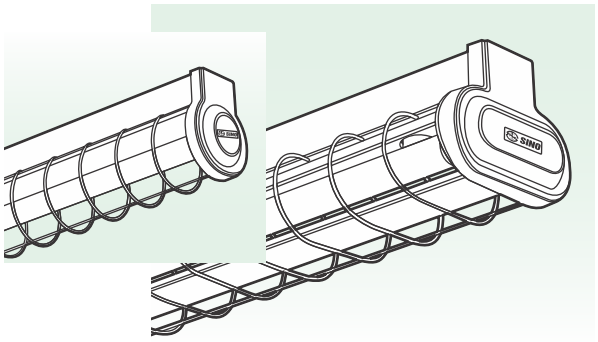


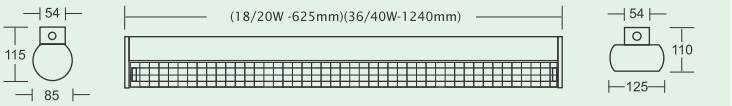


Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF (Không tụ bù)	HPF (Có tụ bù)
SPE/SOE1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	-	325.000	368.000
SPE/SOE2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	-	388.000	435.000
SPE/SOE1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	-	358.000	402.000
SPE/SOE2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	-	505.000	592.000
SPE/SOE1010L	LED	1 x 10W	-	357.500	
SPE/SOE2010L	LED	2 x 10W	-	426.800	
SPE/SOE1020L	LED	1 x 20W	-	393.800	
SPE/SOE2020L	LED	2 x 20W	-	555.500	
SPE/SOE1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	-	338.000	
SPE/SOE2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	-	388.000	
SPE/SOE1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	-	359.000	
SPE/SOE2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	-	488.000	
SPE/SOE1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	343.000	
SPE/SOE2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	398.000	
SPE/SOE1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	367.000	
SPE/SOE2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	504.000	

Sản phẩm truyền thống có đui và má ngoài màu trắng, có thể đặt màu xanh (X) = BL
**SPE: Là mã của đèn có chụp hoa dâu * SOE: Là mã của đèn có chụp trơn mờ*

BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ LƯỚI THÉP BẢO VỆ
WIRE GUARD KIT

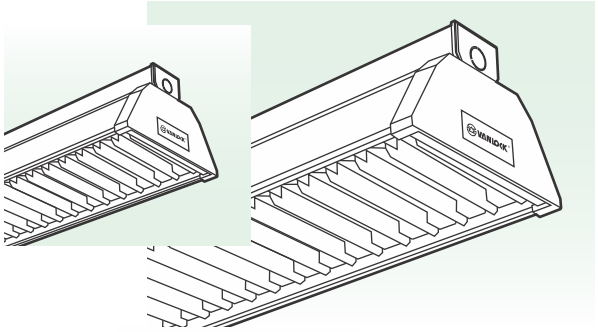


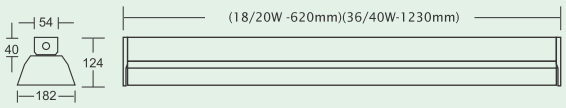


Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF (Không tụ bù)	HPF (Có tụ bù)
SWC1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	1	402.000	446.000
SWC2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	1	520.000	562.000
SWC1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	1	415.000	476.000
SWC2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	1	612.000	692.000
SWC1010L	LED	1 x10W	1	442.200	
SWC2010L	LED	2 x 10W	1	572.000	
SWC1020L	LED	1 x 20W	1	456.500	
SWC2020L	LED	2 x 20W	1	673.200	
SWC1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	1	422.200	
SWC2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	1	552.000	
SWC1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	1	436.500	
SWC2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	1	653.200	
SWC1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	1	427.200	
SWC2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	1	562.000	
SWC1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	1	444.500	
SWC2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	1	669.200	

Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led & T5 đã bao gồm bóng
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

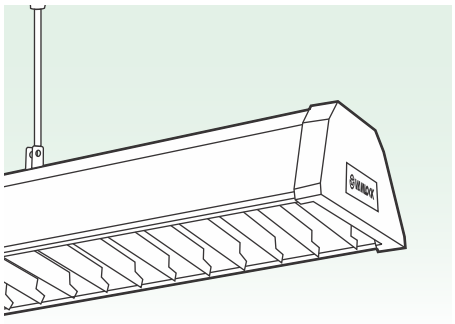
BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ LÁ NGANG TÁN XẠ
SPP - TYPE

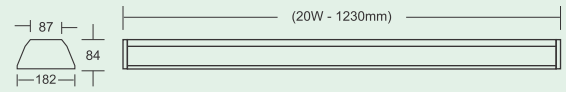




Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SPP1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	-	342.000	385.000
SPP2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	-	438.000	480.000
SPP1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	-	352.000	392.000
SPP2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	-	520.000	598.000
SPP1014	T5	1 x 14W	-	483.000	
SPP2014	T5	2 x 14W	-	556.000	
SPP1028	T5	1 x 28W	-	535.000	
SPP2028	T5	2 x 28W	-	738.000	
SPP1010L	LED	1 x 10W	2	376.200	
SPP2010L	LED	2 x 10W	2	481.800	
SPP1020L	LED	1 x 20W	1	387.200	
SPP2020L	LED	2 x 20W	1	572.000	
SPP1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	2	356.200	
SPP2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	2	461.800	
SPP1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	1	367.200	
SPP2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	1	552.000	
SPP1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	361.200	
SPP2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	471.800	
SPP1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	375.200	
SPP2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	568.000	

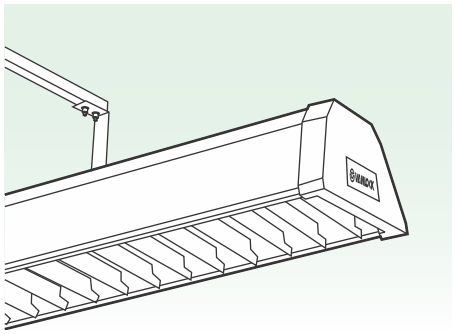
BỘ ĐÈN HỌC ĐƯỜNG CHIẾU SÁNG LỚP HỌC
SPP - TYPE

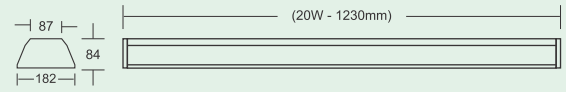




Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
SPP1020L/HD/KO	LED	1 x 20W	-	256.000
SPP2020L/HD/KO	LED	2 x 20W	-	328.000

BỘ ĐÈN HỌC ĐƯỜNG CHIẾU BẢNG
SPP - TYPE

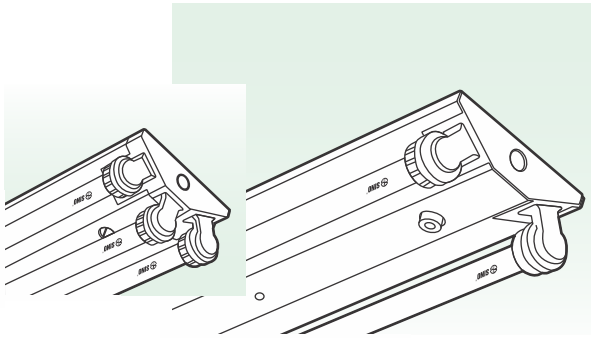


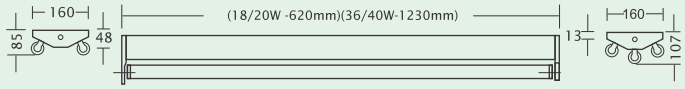


Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
SPP1020L/HD/CB/KO	LED	1 x 20W	-	256.000
SPP2020L/HD/CB/KO	LED	2 x 20W	-	328.000

*Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led đã bao gồm bóng; Mã có đuôi **/KO** là đèn không bao gồm bóng*
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

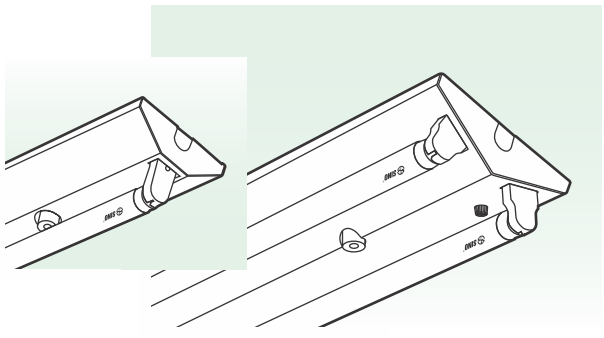
BỘ ĐÈN CHỮ V CÓ ĐUI CHỐNG RUNG, CHỐNG BỤI
MOITRURE-PROOF V-SHAPE TYPE

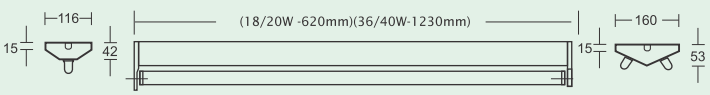




Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SVCB1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	8	338.000	385.000
SVCB2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	6	542.000	592.000
SVCB3018	Huỳnh quang	3 x 18/20W	6	658.000	722.000
SVCB1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	4	395.000	438.000
SVCB2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	3	612.000	705.000
SVCB3036	Huỳnh quang	3 x 36/40W	3	778.000	898.000
SVCB1014	T5	1 x 14W	8	481.000	
SVCB2014	T5	2 x 14W	6	687.000	
SVCB3014	T5	3 x 14W	6	898.000	
SVCB1028	T5	1 x 28W	4	600.000	
SVCB2028	T5	2 x 28W	3	866.000	
SVCB3028	T5	3 x 28W	3	1149.000	
SVCB1010L	LED	1 x 10W	8	371.800	
SVCB2010L	LED	2 x 10W	6	596.200	
SVCB3010L	LED	3 x 10W	6	723.800	
SVCB1020L	LED	1 x 20W	4	434.500	
SVCB2020L	LED	2 x 20W	3	673.200	
SVCB3020L	LED	3 x 20W	3	855.800	
SVCB1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	8	351.800	
SVCB2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	6	576.200	
SVCB3010LT	LED Thủy tinh	3 x 10W	6	703.800	
SVCB1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	4	414.500	
SVCB2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	3	653.200	
SVCB3020LT	LED Thủy tinh	3 x 20W	3	835.800	
SVCB1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	356.800	
SVCB2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	586.200	
SVCB3012LT	LED Thủy tinh	3 x 12W	-	718.800	
SVCB1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	422.500	
SVCB2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	669.200	
SVCB3024LT	LED Thủy tinh	3 x 24W	-	859.800	

BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG KIỂU CHỮ V
V-SHAPE TYPE



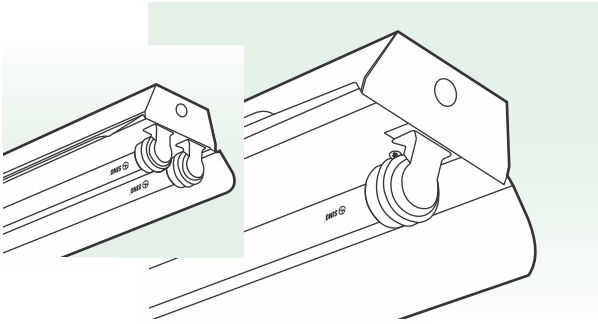


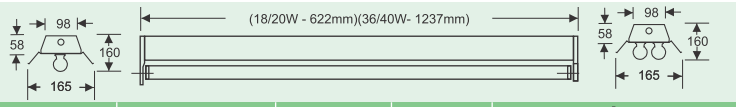
Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SVC1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	8	285.000	328.000
SVC2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	6	375.000	395.000
SVC1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	4	295.000	326.000
SVC2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	3	468.000	542.000
SVC3036	Huỳnh quang	3 x 36/40W	-	780.000	860.000
SVC1014	T5	1 x 14W	8	401.000	
SVC2014	T5	2 x 14W	6	475.000	
SVC1028	T5	1 x 28W	4	446.000	
SVC2028	T5	2 x 28W	3	665.000	
SVC1010L	LED	1 x 10W	8	313.500	
SVC2010L	LED	2 x 10W	6	412.500	
SVC1020L	LED	1 x 20W	4	324.500	
SVC2020L	LED	2 x 20W	3	514.800	
SVC1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	8	280.000	
SVC2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	6	346.000	
SVC1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	4	292.000	
SVC2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	3	448.000	
SVC1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	285.000	
SVC2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	356.000	
SVC1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	300.000	
SVC2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	464.000	

Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led & T5 đã bao gồm bóng

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

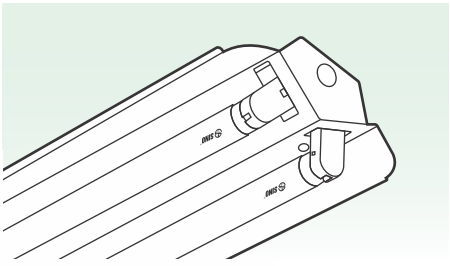
BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ PHẢN QUANG TỎA RỘNG CÓ ZOĂNG CHỐNG BỤI
MOITURE PROOF WIDE DISTRIBUTION REFLECTOR KIT

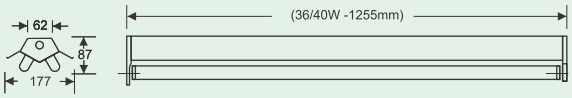




Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SQC1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	8	**342.000**	**385.000**
SQC2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	8	**438.000**	**482.000**
SQC1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	4	**352.000**	**425.000**
SQC2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	4	**518.000**	**600.000**
SQC1014	T5	1 x 14W	8	**483.000**	
SQC2014	T5	2 x 14W	8	**558.000**	
SQC1028	T5	1 x 28W	4	**535.000**	
SQC2028	T5	2 x 28W	4	**735.000**	
SQC1010L	LED	1 x 10W	8	**376.200**	
SQC2010L	LED	2 x 10W	8	**481.800**	
SQC1020L	LED	1 x 20W	4	**387.200**	
SQC2020L	LED	2 x 20W	4	**569.800**	
SQC1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	8	**343.000**	
SQC2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	8	**415.000**	
SQC1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	4	**356.000**	
SQC2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	4	**506.000**	
SQC1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	**348.000**	
SQC2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	**425.000**	
SQC1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	**364.000**	
SQC2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	**522.000**	

BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ PHẢN QUANG CHIA SÁNG
WIDE DISTRIBUTION REFLECTOR KIT - SWS TYPE



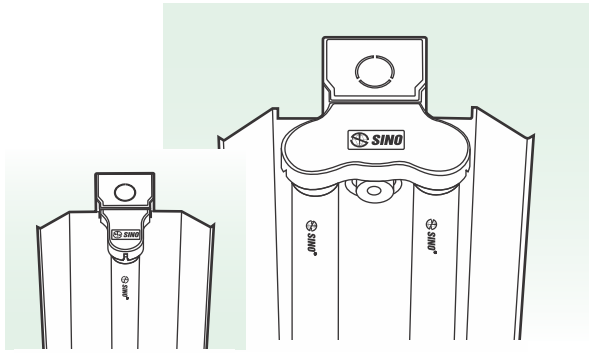


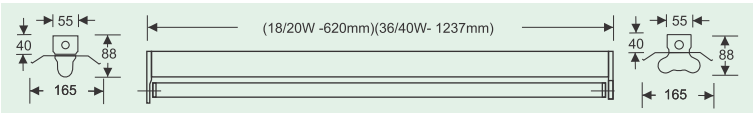
Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SWS2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	6	**438.000**	**480.000**
SWS1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	4	**456.000**	**498.000**
SWS2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	3	**520.000**	**598.000**
SWS3036	Huỳnh quang	3 x 36/40W	2	**586.000**	**698.000**
SWS2014	T5	2 x 14W	6	**558.000**	
SWS2028	T5	2 x 28W	3	**737.000**	
SWS2010L	LED	2 x 10W	6	**481.800**	
SWS1020L	LED	1 x 20W	4	**535.500**	
SWS2020L	LED	2 x 20W	3	**572.000**	
SWS3020L	LED	3 x 20W	2	**635.500**	
SWS2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	6	**461.000**	
SWS1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	4	**512.200**	
SWS2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	3	**542.000**	
SWS3020LT	LED Thủy tinh	3 x 20W	2	**602.200**	
SWS2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	**466.000**	
SWS1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	**520.200**	
SWS2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	**558.000**	
SWS3024LT	LED Thủy tinh	3 x 24W	-	**626.200**	

Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led & T5 đã bao gồm bóng

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

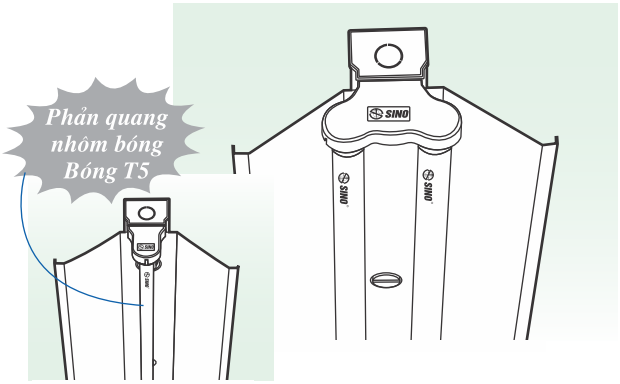
BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ PHẢN QUANG HẮT THẲNG BẢN NHỎ
WIDE DISTRIBUTION REFLECTOR KIT 2

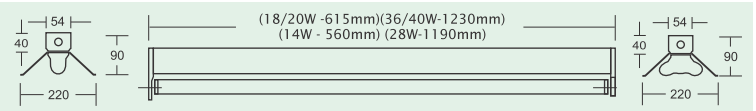




Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SSC1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	6	**225.000**	**268.000**
SSC2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	6	**312.000**	**355.000**
SSC1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	6	**268.000**	**306.000**
SSC2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	6	**360.000**	**438.000**
SSC1010L	LED	1 x 10W	6	**247.500**	
SSC2010L	LED	2 x 10W	6	**343.200**	
SSC1020L	LED	1 x 20W	6	**294.800**	
SSC2020L	LED	2 x 20W	6	**396.000**	
SSC1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	6	**227.500**	
SSC2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	6	**323.200**	
SSC1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	6	**274.800**	
SSC2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	6	**376.000**	
SSC1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	**232.500**	
SSC2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	**333.200**	
SSC1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	**282.800**	
SSC2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	**392.000**	

BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ PHẢN QUANG TỎA RỘNG
WIDE DISTRIBUTION REFLECTOR KIT

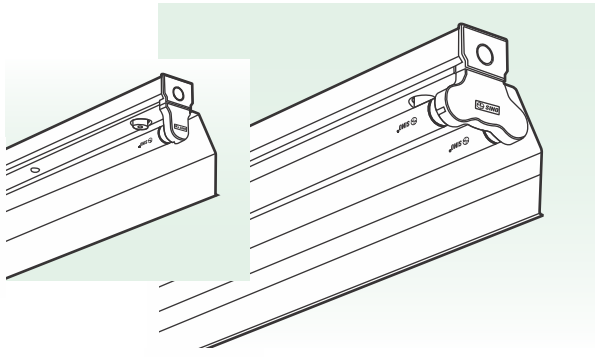


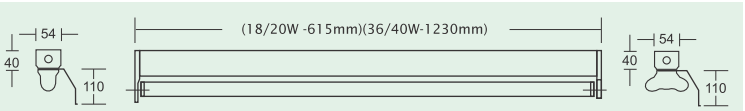


Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SRC1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	6	**258.000**	**305.000**
SRC2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	6	**398.000**	**455.000**
SRC1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	6	**288.000**	**332.000**
SRC2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	6	**442.000**	**506.000**
SRC1014	T5	1 x 14W	6	**364.000**	
SRC2014	T5	2 x 14W	6	**507.000**	
SRC1028	T5	1 x 28W	6	**439.000**	
SRC2028	T5	2 x 28W	6	**624.000**	
SRC1010L	LED	1 x 10W	6	**283.800**	
SRC2010L	LED	2 x 10W	6	**437.800**	
SRC1020L	LED	1 x 20W	6	**316.800**	
SRC2020L	LED	2 x 20W	6	**486.200**	
SRC1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	6	**263.800**	
SRC2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	6	**417.800**	
SRC1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	6	**296.800**	
SRC2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	6	**466.200**	
SRC1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	**268.800**	
SRC2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	**427.800**	
SRC1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	**304.800**	
SRC2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	**482.200**	

Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led & T5 đã bao gồm bóng
Sản phẩm truyền thống có đui và má ngoài màu trắng, có thể đặt màu xanh (X) = BL.
Có thể cung cấp loại có chóa phản quang nhôm bóng, inox theo đặt hàng
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

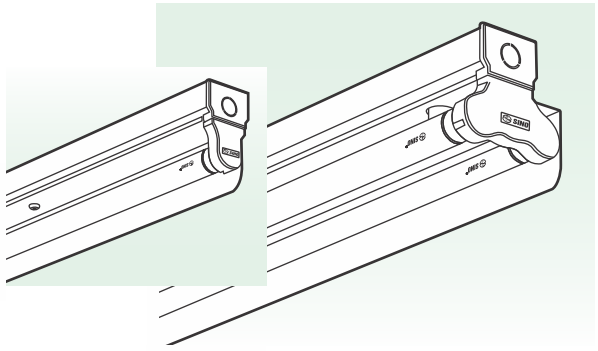
BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ PHẢN QUANG 1 PHÍA DẠNG VÁT DÙNG GẮN TƯỜNG
ANGLE SKIRT REFLECTOR KIT

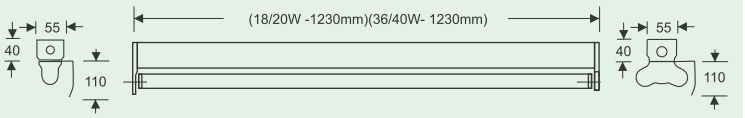




Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SAC1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	6	**212.000**	**255.000**
SAC2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	6	**312.000**	**355.000**
SAC1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	6	**242.000**	**282.000**
SAC2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	6	**360.000**	**438.000**
SAC1010L	LED	1 x 10W	6	**233.200**	
SAC2010L	LED	2 x 10W	6	**343.200**	
SAC1020L	LED	1 x 20W	6	**266.200**	
SAC2020L	LED	2 x 20W	6	**396.000**	
SAC1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	6	**231.200**	
SAC2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	6	**323.200**	
SAC1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	6	**246.200**	
SAC2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	6	**376.000**	
SAC1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	**236.200**	
SAC2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	**333.200**	
SAC1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	**254.200**	
SAC2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	**392.000**	

BỘ ĐÈN HUỲNH QUANG CÓ PHẢN QUANG 1 PHÍA HẮT XUỐNG - GẮN TƯỜNG
ANGLE SKIRT REFLECTOR KIT

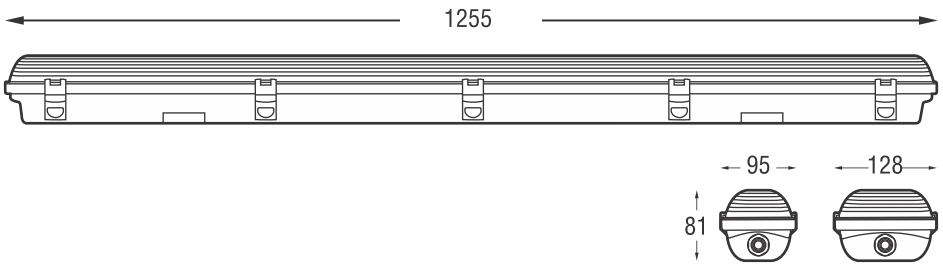




Mã số Model	Kiểu bóng Lamp type	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				LPF *(Không tụ bù)*	HPF *(Có tụ bù)*
SCC1018	Huỳnh quang	1 x 18/20W	6	**212.000**	**255.000**
SCC2018	Huỳnh quang	2 x 18/20W	6	**312.000**	**355.000**
SCC1036	Huỳnh quang	1 x 36/40W	6	**242.000**	**282.000**
SCC2036	Huỳnh quang	2 x 36/40W	6	**360.000**	**438.000**
SCC1010L	LED	1 x 10W	6	**233.200**	
SCC2010L	LED	2 x 10W	6	**343.200**	
SCC1020L	LED	1 x 20W	6	**266.200**	
SCC2020L	LED	2 x 20W	6	**396.000**	
SCC1010LT	LED Thủy tinh	1 x 10W	6	**231.200**	
SCC2010LT	LED Thủy tinh	2 x 10W	6	**323.200**	
SCC1020LT	LED Thủy tinh	1 x 20W	6	**246.200**	
SCC2020LT	LED Thủy tinh	2 x 20W	6	**376.000**	
SCC1012LT	LED Thủy tinh	1 x 12W	-	**236.200**	
SCC2012LT	LED Thủy tinh	2 x 12W	-	**333.200**	
SCC1024LT	LED Thủy tinh	1 x 24W	-	**254.200**	
SCC2024LT	LED Thủy tinh	2 x 24W	-	**392.000**	

Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang không bao gồm bóng; Giá đèn Led & T5 đã bao gồm bóng
Sản phẩm truyền thống có đui và má ngoài màu trắng, có thể đặt màu xanh (X) = BL.
Có thể cung cấp loại có chóa phản quang nhôm bóng, inox theo đặt hàng
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN CHỐNG THẤM
WATERPROOF LIGHTING



ĐẶC ĐIỂM

- Thân đèn làm từ vật liệu polyester đúc liền, có gia cường sợi thủy tinh (Tự chống cháy)
- Thân đèn siêu khỏe với độ dày trên 2.0mm
- Độ chống thấm IP65 theo Tiêu chuẩn IEC598
- Khay đựng Ballast là thép dày 0.6mm, phủ sơn tĩnh điện
- Thân đèn phẳng phù hợp lắp trên trần mà không cần gia cố thêm
- Dây điện chịu nhiệt (105^{0}C) đảm bảo an toàn điện
- Có tụ bù theo đơn đặt hàng
- Chụp đèn là nhựa Polycarbonate đúc liền trong suốt - chống cháy
- Khóa cài chụp đèn làm bằng thép không rỉ
- Có thể lắp bộ ắc quy tự hành
- Phù hợp lắp đặt dạng treo
- Đi kèm các phụ kiện điện chất lượng cao

FEATURES

- Body constructed from corrosion resistant glass reinforced injection moulded polyester (Auto-extinguishing type)
- Superior strength with body thickness greater than 2.0mm
- IP65 Rated in accordance with IEC 598
- Gear tray white powder coated 0.6mm zinc steel
- Flat body suitable for direct mounting to ceilings without modification
- High temperature rated (V105^{0}C) cable for electrical safe
- Available both LPF & HPF
- Supplied standard with polycarbonate clear injection moulded diffusers
- Stainless steel lockable toggles
- Suitable for emergency control gear
- Suitable for pendant mounting
- High quality electrical components and large bore terminal blocks

ỨNG DỤNG

Phù hợp dùng ở những nơi có thời tiết xấu, bụi bẩn như:

- Bến bãi
- Khu vực an ninh
- Trạm xăng dầu
- Nhà xưởng
- Các tòa nhà công cộng

FEATURES

Suitable in adverse weather, dust and corrosion areas such as:

- Wharves
- Security areas
- Petrol station
- Factories
- Public buildings

LOẠI IP 65 CHỤP PC - IP65, PC Diffused

Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
VWF1018	1x18W (HQ)	6	**626.000**
VWF1036	1x36W (HQ)	6	**738.000**
VWF1058	1x58W (HQ)	6	**1.007.000**
VWF2018	2x18W (HQ)	6	**760.000**
VWF2036	2x36W (HQ)	6	**1.064.000**
VWF2058	2x58W (HQ)	6	**1.524.000**
VWF1010L	1x10W (LED)	6	**741.000**
VWF1020L	1x20W (LED)	6	**898.000**
VWF2010L	2x10W (LED)	6	**990.000**
VWF2020L	2x20W (LED)	6	**1.384.000**
VWF1020L/KO/M	1x20W (LED)	10	**808.000**
VWF2020L/KO/M	2x20W (LED)	10	**1.168.000**
VWF1010LT	1x10W (LED TT)	6	**721.000**
VWF1020LT	1x20W (LED TT)	6	**878.000**
VWF2010LT	2x10W (LED TT)	6	**900.000**
VWF2020LT	2x20W (LED TT)	6	**1.300.000**

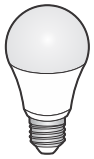
LOẠI IP 65 CHỤP PS - IP65, PS Diffused

Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
SPW1018	1x18W (HQ)	1	**517.000**
SPW1036	1x36W (HQ)	1	**623.000**
SPW2018	2x18W (HQ)	1	**622.000**
SPW2036	2x36W (HQ)	1	**852.000**
SPW1010L	1x10W (LED)	1	**632.000**
SPW1020L	1x20W (LED)	1	**783.000**
SPW2010L	2x10W (LED)	1	**852.000**
SPW2020L	2x20W (LED)	1	**1.172.000**
SPW1010LT	1x10W (LED TT)	1	**612.000**
SPW1020LT	1x20W (LED TT)	1	**763.000**
SPW2010LT	2x10W (LED TT)	1	**832.000**
SPW2020LT	2x20W (LED TT)	1	**1.152.000**

Lưu ý: Giá đèn huỳnh quang đã bao gồm chấn lưu + tắc te (không bao gồm bóng, tụ bù); Giá đèn Led đã bao gồm bóng

BÓNG ĐÈN - LAMP

BÓNG LED BULB THÂN NHÔM NHỰA - PLASTIC COVER AND ALUMINUM RADIATOR INSIDE LED LIGHT BULB

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
					6500/3000K
	**LED45/3W/...**	3W	Ø45	60	**32.000**

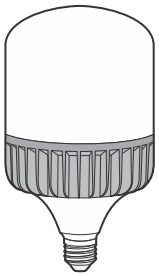
BÓNG LED BULB THÂN NHÔM ĐÚC - LED BULB - ALUMINUM BASE

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
					6500/3000K	AS3M
	**LED/TN/60/7W/...**	7W	Ø60	40	**49.000**	**84.000**
	LED/TN/65/9W/...	9W	Ø65	40	**57.000**	**88.000**
	LED/TN/70/11W/...	11W	Ø70	40	**72.000**	**92.000**

BÓNG LED BULB - LED BULB

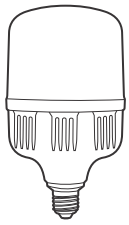
Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
					6500/3000K
	**G45/3W/...**	3W	Ø45	100	**22.000**
	A50/5W/...	5W	Ø50	100	**29.000**
	A60/8W/...	8W	Ø60	100	**35.000**
	A60/10W/...	10W	Ø60	100	**40.000**

BÓNG LED BULB TRỤ NHÔM ĐÚC MEGAMAX - ALUMINUM HOUSING LED LIGHT BULB MEGAMAX

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
					6500/3000K
	**LEDT/12W/...**	12W	Ø65	40	**70.000**
	LEDT/15W/...	15W	Ø65	40	**88.000**
	LEDT/20W/...	20W	Ø80	20	**128.000**
	LEDT/30W/...	30W	Ø100	20	**186.000**
	LEDT/40W/...	40W	Ø120	10	**228.000**
	LEDT/50W/...	50W	Ø135	10	**306.000**
	LEDT/60W/6500K	60W	Ø140	10	**390.000**
	LEDT/80W/6500K	80W	Ø140	10	**469.000**

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng vàng = **3000K**, Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M***

BÓNG LED BULB TRỤ NHÔM NHỰA MEGA-T - PLASTIC COVER AND ALUMINUM RADIATOR INSIDE LED LIGHT BULB MEGA-T

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
					6500/3000K
	**LEDT/15W/...***	15W	Ø70	40	**72.200**
	LEDT/20W/...*	20W	Ø80	20	**87.500**
	LEDT/30W/...*	30W	Ø100	20	**133.600**
	LEDT/40W/...*	40W	Ø120	10	**170.200**
	LEDT/50W/...*	50W	Ø140	10	**193.200**

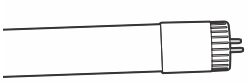
BÓNG TUÝP LED NHÔM NHỰA - PLASTIC COVER AND ALUMINUM RADIATOR INSIDE TUBE LED

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Độ dài bóng Length (m)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
					6500/4000/3000K
	**LDT6/10W/...**	10W	0.6	25	**84.000**
	LDT6/15W/...	15W	0.6	25	**90.000**
	LDT6/20W/...	20W	0.6	25	**110.000**
	LDT12/20W/...	20W	1.2	25	**120.000**
	LDT12/25W/...	25W	1.2	25	**130.000**
	LDT12/40W/...	40W	1.2	25	**190.000**

BÓNG TUÝP LED NHÔM NHỰA ĐỘ HOÀN MÀU CAO - PLASTIC COVER AND ALUMINUM RADIATOR INSIDE TUBE LED - CRI90

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Độ dài bóng Length (m)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
					6500/5000K
	**LDT6/10W/.../CRI90**	10W	0.6	25	**88.000**
	LDT6/15W/.../CRI90	15W	0.6	25	**94.500**
	LDT6/20W/.../CRI90	20W	0.6	25	**115.000**
	LDT12/20W/.../CRI90	20W	1.2	25	**126.000**
	LDT12/25W/.../CRI90	25W	1.2	25	**136.000**
	LDT12/40W/.../CRI90	40W	1.2	25	**200.000**

BÓNG TUÝP LED THỦY TINH - GLASS TUBE LED

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Độ dài bóng Length (m)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
					6500/4000/3000K
	**LED/TUBE/T8/TT01/60/10W/...**	10W	0.6	20	**65.000**
	LED/TUBE/T8/TT01/60/12W/...	12W	0.6	20	**67.000**
	LED/TUBE/T8/TT01/120/20W/...	20W	1.2	20	**86.000**
	LED/TUBE/T8/TT01/120/24W/...	24W	1.2	20	**89.000**

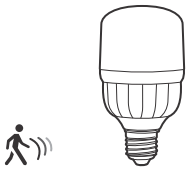
BÓNG TUÝP LED THỦY TINH (T5) - GLASS TUBE LED

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Độ dài bóng Length (m)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	**LED/TUBE/T5/TT/60/8W/6000K**	8W	0.6	-	**48.000**

BÓNG LED BULB CẢM BIẾN - LED BULB WITH SENSOR

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	**LED/S/A60/7W/6500K**	7W	Ø60	40	**132.000**
	LED/S/A60/9W/6500K	9W	Ø60	40	**139.000**

BÓNG LED BULB TRỤ CẢM BIẾN - BULB-SHAPED LED WITH SENSOR

Hình ảnh Picture	Mã số Model	Công suất Rating	Đường kính bóng Diameter (mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
	**LED/S/T70/15W/6500K**	15W	Ø70	40	**214.000**

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

HƯỚNG DẪN THAY THẾ BÓNG TUÝP HUỲNH QUANG BẰNG BÓNG TUÝP LED

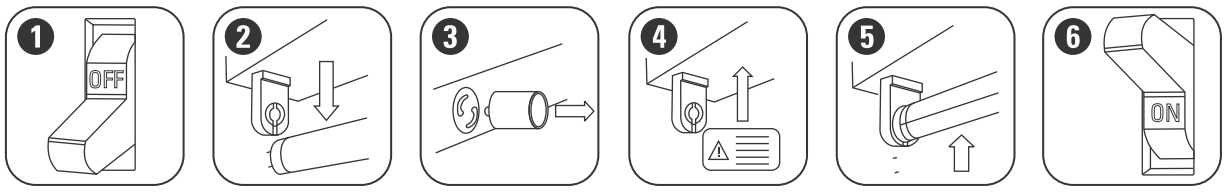
User guide to replace fluorescent lamps with led tube

Thay thế với loại bóng huỳnh quang đang sử dụng Ballast sắt từ

1. Cắt nguồn điện
2. Tháo bóng huỳnh quang đang dùng ra (xử lý theo quy định về môi trường của địa phương)
3. Tìm và tháo tắc-te (chuột) cũ ra
4. Người lắp đặt cần dán tem cảnh báo rằng bộ đèn đã được thay thế bóng huỳnh quang bằng bóng LED
5. Kiểm tra xem đuôi đèn có bị hư hỏng không, nếu hỏng phải thay ngay bằng loại tương đương và lắp bóng LED trở lại
6. Bật nguồn điện trở lại và kiểm tra xem đèn có hoạt động tốt không

Retrofit / magnetic ballast system

1. Turn power off by disconnecting the supply voltage
2. Remove current fluorescent lamps and dispose of them properly based on local regulations
3. Find and remove existing fluorescent starter
4. Installer should apply caution label provided to luminaire to state that luminaire has been modified and operates only LED lamps
5. Check fluorescent socket for damage. If damaged replace with one of the exact configuration and rating. Insert LED lamp
6. Turn power back on and check for proper operation



Đấu nối trực tiếp/ Lắp đặt mới đèn sử dụng bóng LED

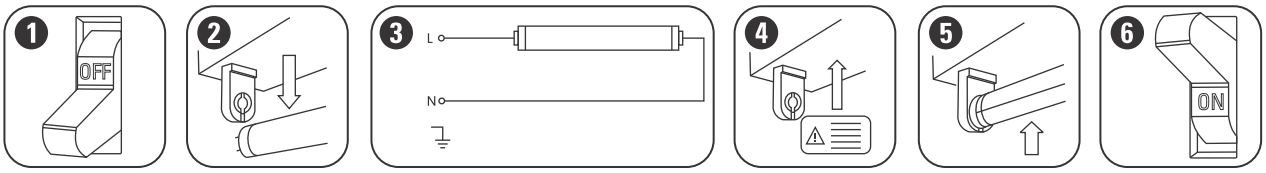
Với việc lắp đặt không sử dụng ballast vui lòng làm theo chỉ dẫn sau

1. Cắt nguồn điện
2. Tháo bóng huỳnh quang và tắc-te đang dùng ra
3. Đấu nối theo chỉ dẫn trong hình 3, sử dụng cầu chì 250V/500mA
4. Người lắp đặt cần dán tem cảnh báo rằng bộ đèn đã được thay thế bóng huỳnh quang bằng bóng LED
5. Lắp bóng LED vào.
6. Bật nguồn điện trở lại và kiểm tra xem đèn có hoạt động tốt không.

Direct wire / New luminaire

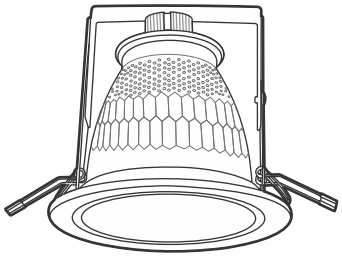
For applications where use on EM ballasts is not possible please follow the procedure below

1. Ensure power is off to luminaire by disconnecting the supply voltage
2. Remove all fluorescent lamps and starters
3. Wire luminaire to the configuration shown on drawing 3. The fuse is rated for 250V/500mA.
4. Installer should apply caution label provided to luminaire to state that luminaire has been modified and operates only LED lamps
5. Insert LED lamp
6. Turn power back on and check for proper operation



ĐÈN DOWNLIGHT - DOWNLIGHT LAMP

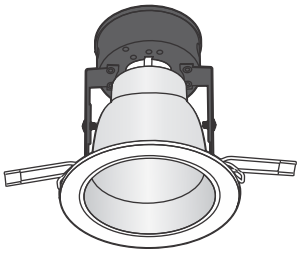
ĐÈN DOWNLIGHT - DOWNLIGHT



Mã số Model	Chủng loại Type	Lỗ khoét trần (ø ... mm)	Kiểu đui Lamp holder	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
JY20251	2½"	ø 70mm	E27		84.000
JY20301	3"	ø 80mm	E27		91.600
JY20351	3½"	ø 90mm	E27		91.600
JY20401	4"	ø 110mm	E27		102.000
JY20501	5"	ø 135mm	E27		117.000
JY20601	6"	ø 155mm	E27		174.000
JY20801	8"	ø 210mm	E27		285.500
JY20901	9"	ø 240mm	E27		355.200

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

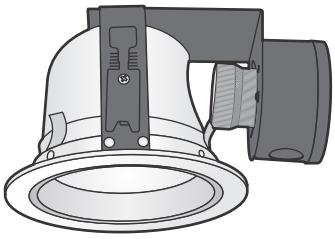
ĐÈN DOWNLIGHT CÓ HỘP NỐI DÂY - DOWNLIGHT WITH ADAPTABLE BOX



Mã số Model	Chủng loại Type	Lỗ khoét trần (ø ... mm)	Kiểu đui Lamp holder	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
LS20251	2½"	ø 70mm	E27		84.000
LS20301	3"	ø 80mm	E27		91.600
LS20351	3½"	ø 90mm	E27		91.600
LS20401	4"	ø 110mm	E27		102.000
LS20501	5"	ø 140mm	E27		117.000
LS20601	6"	ø 155mm	E27		174.000

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

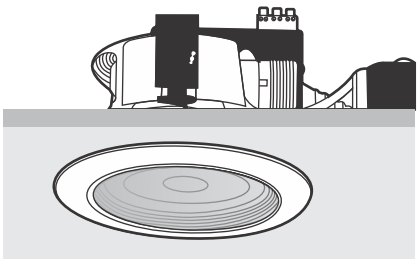
ĐÈN DOWNLIGHT LOẠI NGANG CÓ HỘP NỐI DÂY - HORIZONTAL DOWNLIGHT WITH ADAPTABLE BOX



Mã số Model	Chủng loại Type	Lỗ khoét trần (ø ... mm)	Kiểu đui Lamp holder	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
J6J/401P	4"	ø 110mm	E27		206.000

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

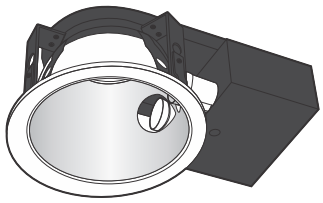
ĐÈN DOWNLIGHT LOẠI NGANG NHÔM ĐÚC, CÓ KÍNH - HORIZONTAL DOWNLIGHT WITH GLASS COVER



Chủng loại Type	Lỗ khoét trần (ø ... mm)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
TY01	ø 155mm		480.000

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm đui và bóng

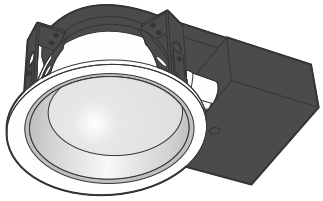
ĐÈN DOWNLIGHT LOẠI NGANG VỎ THÉP, KHÔNG KÍNH - HORIZONTAL DOWNLIGHT STEEL FRAME



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cut-out	Đui đèn Lamp holder	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HS30601	ø 160	E27		**206.000**
HS30801	ø 200	E27		**371.000**
HS31601	ø 160	E27		**216.000**
HS31801	ø 205	E27		**381.000**

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

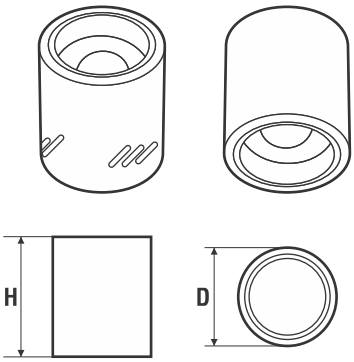
ĐÈN DOWNLIGHT LOẠI NGANG VỎ THÉP, CÓ KÍNH - HORIZONTAL DOWNLIGHT STEEL FRAME WITH GLASS COVER



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cut-out	Đui đèn Lamp holder	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HS30402	ø 117	E27		**249.000**
HS30502	ø 155	E27		**284.000**
HS30602	ø 167	E27		**340.000**
HS30802	ø 215	E27		**412.000**

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

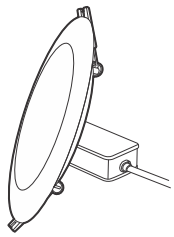
ĐÈN DOWNLIGHT GẮN NỔI - SURFACE TYPE DOWNLIGHTS



Mã số Model	Chủng loại Type	Kiểu đui Lamp holder	Kích thước (mm)		SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
			H	D		
LM20351	**3.5”**	E27	**128**	**110**		**164.000**
LM20401	**4”**	E27	**151**	**133**		**206.000**
LM20501	**5”**	E27	**176**	**169**		**288.000**

Lưu ý: Đơn giá không bao gồm bóng đèn

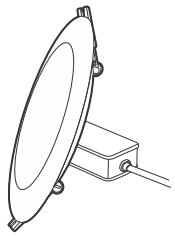
ĐÈN DOWNLIGHT LED GẮN TRẦN - MEZON-R SIÊU MỎNG - MEZON-R ULTRA-SLIM LED DOWNLIGHT



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
MZRSM90/7/...	7W	Ø120	Ø90	40	**66.000**	**95.600**
MZRSM90/8/...	8W	Ø120	Ø90	40	**68.000**	**98.000**
MZRSM90/9/...	9W	Ø120	Ø90	40	**72.000**	**101.000**
MZRSM90/10/...	10W	Ø120	Ø90	40	**75.000**	**106.000**
MZRSM110/9/...	9W	Ø130	Ø110	40	**78.000**	**112.000**
MZRSM110/10/...	10W	Ø130	Ø110	40	**82.000**	**115.000**
MZRSM110/12/...	12W	Ø130	Ø110	40	**92.000**	**126.000**
MZRSM125/11/...	11W	Ø155	Ø125	36	**108.000**	**156.000**
MZRSM125/12/...	12W	Ø155	Ø125	36	**116.000**	**168.000**
MZRSM125/15/...	15W	Ø155	Ø125	36	**128.000**	**186.000**

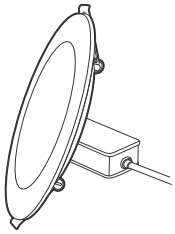
*“...” chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN DOWNLIGHT LED GẮN TRẦN - MEZON-R SIÊU MỎNG ĐỘ HOÀN MÀU CAO
MEZON-R ULTRA-SLIM LED DOWNLIGHT - CRI90



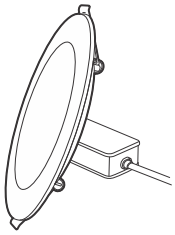
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/5000K
MZRSM90/7/.../CRI90	7W	Ø120	Ø90	40	**69.200**
MZRSM90/8/.../CRI90	8W	Ø120	Ø90	40	**72.000**
MZRSM90/9/.../CRI90	9W	Ø120	Ø90	40	**75.600**
MZRSM90/10/.../CRI90	10W	Ø120	Ø90	40	**78.000**
MZRSM110/9/.../CRI90	9W	Ø130	Ø110	40	**82.000**
MZRSM110/10/.../CRI90	10W	Ø130	Ø110	40	**85.000**
MZRSM110/12/.../CRI90	12W	Ø130	Ø110	40	**92.000**
MZRSM125/11/.../CRI90	11W	Ø155	Ø125	36	**113.500**
MZRSM125/12/.../CRI90	12W	Ø155	Ø125	36	**120.000**
MZRSM125/15/.../CRI90	15W	Ø155	Ø125	36	**136.000**

ĐÈN DOWNLIGHT LED GẮN TRẦN - MEZON-R SIÊU MỎNG VIỀN PHẲNG NEW
MEZON-R ULTRA-THIN FRAMELESS LED DOWNLIGHT



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
MZRSM/P90/7/...	7W	Ø120	Ø90	40	**66.000**	**95.600**
MZRSM/P90/8/...	8W	Ø120	Ø90	40	**68.000**	**98.000**
MZRSM/P90/9/...	9W	Ø120	Ø90	40	**72.000**	**101.000**
MZRSM/P90/10/...	10W	Ø120	Ø90	40	**75.000**	**106.000**
MZRSM/P110/9/...	9W	Ø130	Ø110	40	**78.000**	**112.000**
MZRSM/P110/10/...	10W	Ø130	Ø110	40	**82.000**	**115.000**
MZRSM/P110/12/...	12W	Ø130	Ø110	40	**92.000**	**126.000**
MZRSM/P125/12/...	12W	Ø155	Ø125	36	**116.000**	**168.000**
MZRSM/P125/15/...	15W	Ø155	Ø125	36	**128.000**	**186.000**

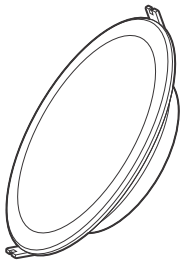
ĐÈN DOWNLIGHT LED GẮN TRẦN - MEZON-R SIÊU MỎNG VIỀN PHẲNG ĐỘ HOÀN MÀU CAO NEW
MEZON-R ULTRA-THIN FRAMELESS LED DOWNLIGHT - CRI90



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/5000K
MZRSM/P90/7/.../CRI90	7W	Ø120	Ø90	40	**69.200**
MZRSM/P90/8/.../CRI90	8W	Ø120	Ø90	40	**72.000**
MZRSM/P90/9/.../CRI90	9W	Ø120	Ø90	40	**75.600**
MZRSM/P90/10/.../CRI90	10W	Ø120	Ø90	40	**78.000**
MZRSM/P110/9/.../CRI90	9W	Ø130	Ø110	40	**82.000**
MZRSM/P110/10/.../CRI90	10W	Ø130	Ø110	40	**85.000**
MZRSM/P110/12/.../CRI90	12W	Ø130	Ø110	40	**92.000**
MZRSM/P125/12/.../CRI90	12W	Ø155	Ø125	36	**120.000**
MZRSM/P125/15/.../CRI90	15W	Ø155	Ø125	36	**136.000**

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

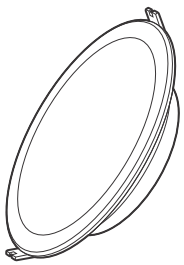
ĐÈN DOWNLIGHT LED GẮN TRẦN - MEZON-R - MEZON-R LED DOWNLIGHTS



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
MZR/S90/5/...	5W	Ø108	Ø90	40	61.800	
MZR/S90/6/...	6W	Ø108	Ø90	40	63.800	
MZR/S90/7/...	7W	Ø108	Ø90	40	66.000	
MZR90/5/...	5W	Ø115	Ø90	40	61.800	
MZR90/7/...	7W	Ø115	Ø90	40	66.000	95.600
MZR90/8/...	8W	Ø115	Ø90	40	67.500	95.800
MZR90/9/...	9W	Ø115	Ø90	40	69.000	96.000
MZR90/10/...	10W	Ø115	Ø90	40	72.000	98.000
MZR110/7/...	7W	Ø130	Ø110	40	73.600	106.000
MZR110/9/...	9W	Ø130	Ø110	40	78.000	112.000
MZR110/10/...	10W	Ø130	Ø110	40	80.000	115.000
MZR110/11/...	11W	Ø130	Ø110	40	82.000	118.000
MZR110/12/...	12W	Ø130	Ø110	40	83.000	122.000
MZR125/9/...	9W	Ø155	Ø125	36	86.000	128.000
MZR125/11/...	11W	Ø155	Ø125	36	108.000	156.000
MZR125/12/...	12W	Ø155	Ø125	36	115.000	166.000
MZR125/15/...	15W	Ø155	Ø125	36	120.000	172.000
MZR160/13/...	13W	Ø180	Ø160	36	126.000	
MZR160/15/...	15W	Ø180	Ø160	36	136.000	
MZR180/15/...	15W	Ø205	Ø180	12	146.000	
MZR180/18/...	18W	Ø205	Ø180	12	160.000	
MZR200/18/...	18W	Ø230	Ø200	12	176.000	
MZR200/23/...	23W	Ø230	Ø200	12	199.000	

MZR/S là loại lắp vừa ống Ø90

ĐÈN DOWNLIGHT LED GẮN TRẦN - MEZON-R ĐỘ HOÀN MÀU CAO - MEZON-R LED DOWNLIGHTS - CRI90

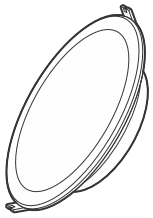


Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/5000K
MZR/S90/5/... /CRI90	5W	Ø108	Ø90	40	65.000
MZR/S90/6/... /CRI90	6W	Ø108	Ø90	40	66.800
MZR/S90/7/... /CRI90	7W	Ø108	Ø90	40	69.200
MZR90/5/.../CRI90	5W	Ø115	Ø90	40	65.000
MZR90/7/.../CRI90	7W	Ø115	Ø90	40	69.200
MZR90/8/.../CRI90	8W	Ø115	Ø90	40	70.000
MZR90/9/.../CRI90	9W	Ø115	Ø90	40	72.500
MZR90/10/.../CRI90	10W	Ø115	Ø90	40	75.000
MZR110/7/.../CRI90	7W	Ø130	Ø110	40	77.200
MZR110/9/.../CRI90	9W	Ø130	Ø110	40	82.000
MZR110/10/.../CRI90	10W	Ø130	Ø110	40	85.000
MZR110/12/.../CRI90	12W	Ø130	Ø110	40	88.000
MZR125/9/.../CRI90	9W	Ø155	Ø125	36	90.300
MZR125/11/.../CRI90	11W	Ø155	Ø125	36	113.500
MZR125/12/.../CRI90	12W	Ø155	Ø125	36	120.800
MZR125/15/.../CRI90	15W	Ø155	Ø125	36	128.000
MZR160/13/.../CRI90	13W	Ø180	Ø160	36	132.600
MZR160/15/.../CRI90	15W	Ø180	Ø160	36	142.800
MZR180/15/.../CRI90	15W	Ø205	Ø180	12	153.500
MZR180/18/.../CRI90	18W	Ø205	Ø180	12	168.000
MZR200/18/.../CRI90	18W	Ø230	Ø200	12	185.000
MZR200/23/.../CRI90	23W	Ø230	Ø200	12	208.800

MZR/S là loại lắp vừa ống Ø90

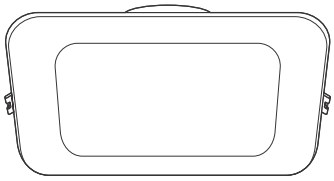
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN DOWNLIGHT LED GẮN TRẦN - MEZON-R (DOB) - MEZON-R (DOB) LED DOWNLIGHTS



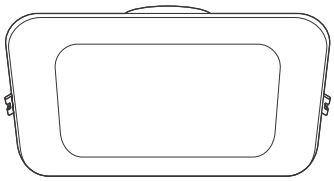
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
MZRD90/8/...	8W	Ø115	Ø90	40	**60.000**	**85.000**
MZRD90/10/...	10W	Ø115	Ø90	40	**63.000**	**88.000**
MZRD110/10/...	10W	Ø130	Ø110	40	**72.000**	**95.000**
MZRD110/12/...	12W	Ø130	Ø110	40	**75.000**	**100.000**
MZRD125/12/...	12W	Ø155	Ø125	36	**100.000**	**148.000**
MZRD125/15/...	15W	Ø155	Ø125	36	**105.000**	**158.000**

ĐÈN DOWNLIGHT LED MEZON-R VUÔNG - MEZON-R LED DOWNLIGHTS



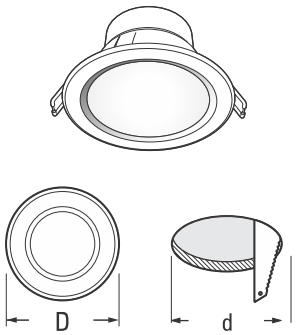
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/4000/3000K
MZRV/125/9W/...	9W	Ø135	Ø125	36	**106.000**
MZRV/125/11W/...	11W	Ø135	Ø125	36	**112.000**
MZRV/160/13W/...	13W	Ø170	Ø160	36	**162.000**
MZRV/160/15W/...	15W	Ø170	Ø160	36	**172.000**
MZRV/180/15W/...	15W	Ø190	Ø180	12	**196.000**
MZRV/180/18W/...	18W	Ø190	Ø180	12	**208.000**
MZRV/220/18W/...	18W	Ø230	Ø220	12	**256.000**
MZRV/220/23W/...	23W	Ø230	Ø220	12	**278.000**

ĐÈN DOWNLIGHT LED MEZON-R VUÔNG ĐỘ HOÀN MÀU CAO - MEZON-R LED DOWNLIGHTS - CRI90



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/5000K
MZRV/125/9W/.../CRI90	9W	Ø135	Ø125	36	**112.000**
MZRV/125/11W/.../CRI90	11W	Ø135	Ø125	36	**118.000**
MZRV/160/13W/.../CRI90	13W	Ø170	Ø160	36	**170.000**
MZRV/160/15W/.../CRI90	15W	Ø170	Ø160	36	**180.600**
MZRV/180/15W/.../CRI90	15W	Ø190	Ø180	12	**205.800**
MZRV/180/18W/.../CRI90	18W	Ø190	Ø180	12	**218.600**
MZRV/220/18W/.../CRI90	18W	Ø230	Ø220	12	**268.000**
MZRV/220/23W/.../CRI90	23W	Ø230	Ø220	12	**291.800**

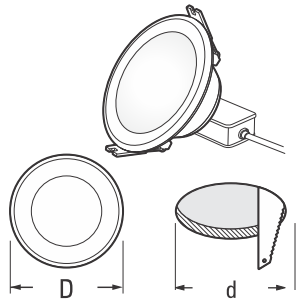
ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHỰA / NHÔM ABSOLUTE - ABSOLUTE DOWNLIGHTS LED PLASTIC / ALUMINIUM CASING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ABL/90/5/...	5W	Ø108	Ø90	30	**115.000**	
ABL/90/6/...	6W	Ø108	Ø90	30	**120.000**	
ABL/90/7/...	7W	Ø108	Ø90	30	**125.000**	**182.000**
ABL/110/7/...	7W	Ø129	Ø110	30	**143.000**	
ABL/110/8/...	8W	Ø129	Ø110	30	**148.000**	
ABL/110/9/...	9W	Ø129	Ø110	30	**150.000**	**192.000**
ABL/125/9/...	9W	Ø144	Ø125	20	**154.000**	
ABL/125/10/...	10W	Ø144	Ø125	20	**160.000**	
ABL/125/11/...	11W	Ø144	Ø125	20	**165.000**	**220.000**

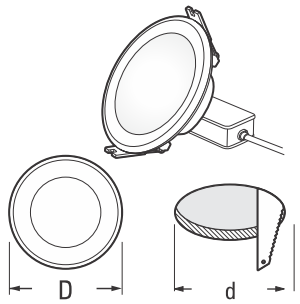
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHỰA / NHÔM ABSOLUTE MỎNG - ABSOLUTE DOWNLIGHTS LED PLASTIC / ALUMINIUM THIN CASING



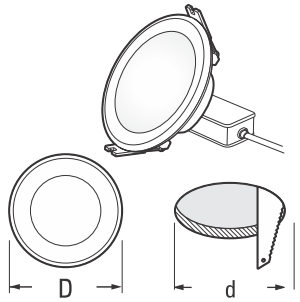
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ABM/90/5W/...	5W	Ø108	Ø90	30	64.800	
ABM/90/7W/...	7W	Ø108	Ø90	30	66.000	95.600
ABM/110/7W/...	7W	Ø129	Ø110	30	86.000	
ABM/110/9W/...	9W	Ø129	Ø110	30	98.000	112.000
ABM/125/12W/...	12W	Ø144	Ø125	20	117.000	180.000

ĐÈN DOWNLIGHT LED ÂM TRẦN ABT SIÊU MỎNG CHỐNG ẨM - ULTRA-SLIM WATERPROOF RECESSED LED DOWNLIGHT



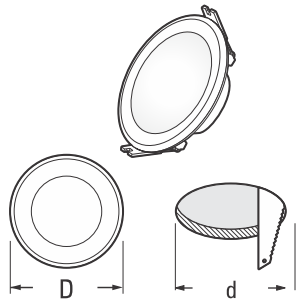
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ABT/90/7W/...	7W	Ø112	Ø90	40	66.000	95.000
ABT/90/8W/...	8W	Ø112	Ø90	40	68.000	
ABT/90/9W/...	9W	Ø112	Ø90	40	76.000	
ABT/90/10W/...	10W	Ø112	Ø90	40	80.000	
ABT/110/9W/...	9W	Ø130	Ø110	40	98.000	112.000
ABT/110/10W/...	10W	Ø130	Ø110	40	100.000	
ABT/110/12W/...	12W	Ø130	Ø110	40	106.000	
ABT/125/12W/...	12W	Ø145	Ø125	36	117.000	135.000
ABT/125/15W/...	15W	Ø145	Ø125	36	128.000	

ĐÈN DOWNLIGHT LED ÂM TRẦN ABT SIÊU MỎNG CHỐNG ẨM ĐỘ HOÀN MÀU CAO
ULTRA-SLIM WATERPROOF RECESSED LED DOWNLIGHT - CRI90



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/5000K
ABT/90/7W/.../CRI90	7W	Ø112	Ø90	40	99.800
ABT/90/8W/.../CRI90	8W	Ø112	Ø90	40	102.000
ABT/90/9W/.../CRI90	9W	Ø112	Ø90	40	106.000
ABT/90/10W/.../CRI90	10W	Ø112	Ø90	40	112.000
ABT/110/9W/.../CRI90	9W	Ø130	Ø110	40	118.000
ABT/110/10W/.../CRI90	10W	Ø130	Ø110	40	120.000
ABT/125/12W/.../CRI90	12W	Ø145	Ø125	36	142.000
ABT/125/15W/.../CRI90	15W	Ø145	Ø125	36	152.000

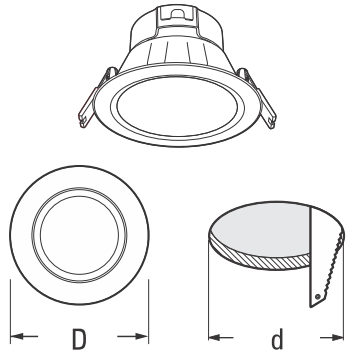
ĐÈN DOWNLIGHT LED ÂM TRẦN ABTD SIÊU MỎNG - ULTRA-SLIM RECESSED LED DOWNLIGHT



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ABTD/90/7W...	7W	Ø112	Ø90	40	62.000	86.000
ABTD/90/8W...	8W	Ø112	Ø90	40	64.000	92.000
ABTD/90/10W...	10W	Ø112	Ø90	40	72.000	102.000
ABTD/110/9W...	9W	Ø130	Ø110	40	90.000	132.000
ABTD/110/10W...	10W	Ø130	Ø110	40	92.000	135.000
ABTD/110/12W...	12W	Ø130	Ø110	40	98.000	142.000
ABTD/125/12W/...	12W	Ø145	Ø125	36	120.000	172.000
ABTD/125/15W/...	15W	Ø145	Ø125	36	128.000	182.000

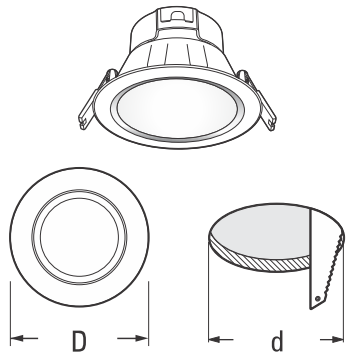
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHÔM ABSOLUTE-S CÓ VIỀN NHŨ BẠC
ABSOLUTE-S DOWNLIGHTS LED ALUMINIUM CASING WITH SILVER RING



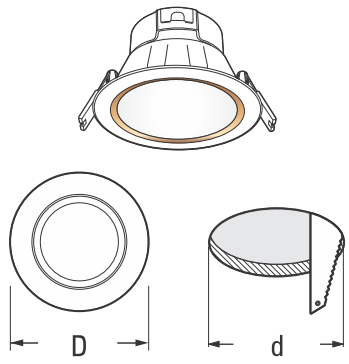
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ASA/90/5/...	5W	Ø108	Ø90	30	**139.000**	**195.000**
ASA/90/6/...	6W	Ø108	Ø90	30	**150.000**	**210.000**
ASA/90/7/...	7W	Ø108	Ø90	30	**159.000**	**220.000**
ASA/110/7/...	7W	Ø129	Ø110	30	**185.000**	**259.000**
ASA/110/8/...	8W	Ø129	Ø110	30	**192.000**	**268.000**
ASA/110/9/...	9W	Ø129	Ø110	30	**199.000**	**278.000**
ASA/125/9/...	9W	Ø144	Ø125	20	**228.000**	**319.000**
ASA/125/10/...	10W	Ø144	Ø125	20	**238.000**	**334.000**
ASA/125/11/...	11W	Ø144	Ø125	20	**246.000**	**345.000**

ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHÔM ABSOLUTE-S CÓ VIỀN MẠ C-RÔM
ABSOLUTE-S DOWNLIGHTS LED ALUMINIUM CASING WITH CHROME RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ASC/90/5/...	5W	Ø108	Ø90	30	**159.000**	
ASC/90/6/...	6W	Ø108	Ø90	30	**172.000**	
ASC/90/7/...	7W	Ø108	Ø90	30	**185.000**	**308.000**
ASC/110/7/...	7W	Ø129	Ø110	30	**212.000**	
ASC/110/8/...	8W	Ø129	Ø110	30	**220.000**	
ASC/110/9/...	9W	Ø129	Ø110	30	**228.000**	**370.000**
ASC/125/9/...	9W	Ø144	Ø125	20	**262.000**	
ASC/125/10/...	10W	Ø144	Ø125	20	**272.000**	
ASC/125/11/...	11W	Ø144	Ø125	20	**282.000**	**442.000**

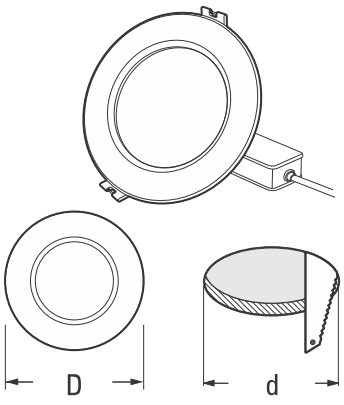
ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHÔM ABSOLUTE-S CÓ VIỀN NHŨ VÀNG
ABSOLUTE-S DOWNLIGHTS LED ALUMINIUM CASING WITH GOLD RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ASV/90/5/...	5W	Ø108	Ø90	30	**159.000**	
ASV/90/6/...	6W	Ø108	Ø90	30	**172.000**	
ASV/90/7/...	7W	Ø108	Ø90	30	**185.000**	**308.000**
ASV/110/7/...	7W	Ø129	Ø110	30	**212.000**	
ASV/110/8/...	8W	Ø129	Ø110	30	**220.000**	
ASV/110/9/...	9W	Ø129	Ø110	30	**228.000**	**370.000**
ASV/125/9/...	9W	Ø144	Ø125	20	**262.000**	
ASV/125/10/...	10W	Ø144	Ø125	20	**272.000**	
ASV/125/11/...	11W	Ø144	Ø125	20	**282.000**	**442.000**

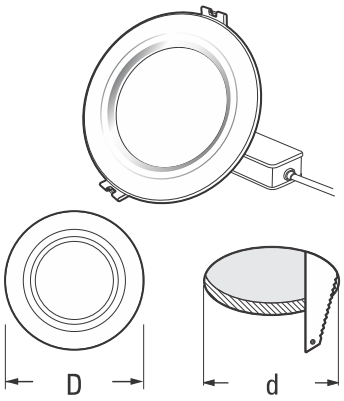
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN DOWNLIGHT LED ERI SƠN TRẮNG - ERI DOWNLIGHT LED WHITE PAINTING



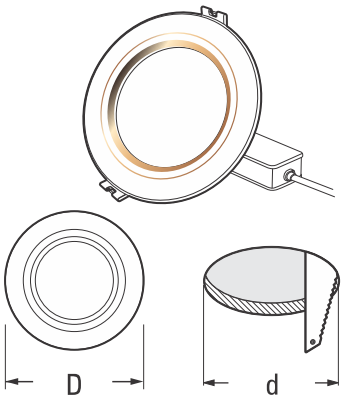
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ERW/90/6W/...	6W	Ø118	Ø90	40	106.000	
ERW/90/7W/...	7W	Ø118	Ø90	40	110.000	163.000
ERW/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	118.000	
ERW/90/9W/...	9W	Ø118	Ø90	40	120.000	175.000
ERW/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	121.000	
ERW/110/7W/...	7W	Ø138	Ø110	50	122.000	
ERW/110/8W/...	8W	Ø138	Ø110	50	126.000	
ERW/110/9W/...	9W	Ø138	Ø110	50	130.000	192.000
ERW/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	135.000	
ERW/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	138.000	

ĐÈN DOWNLIGHT LED ERI VIỀN BẠC - ERI DOWNLIGHT LED WITH SILVER RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ER/90/6W/...	6W	Ø118	Ø90	40	106.000	
ER/90/7W/...	7W	Ø118	Ø90	40	110.000	146.800
ER/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	118.000	
ER/90/9W/...	9W	Ø118	Ø90	40	120.000	172.800
ER/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	121.000	
ER/110/7W/...	7W	Ø138	Ø110	50	122.000	
ER/110/8W/...	8W	Ø138	Ø110	50	126.000	
ER/110/9W/...	9W	Ø138	Ø110	50	130.000	175.000
ER/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	135.000	
ER/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	138.000	

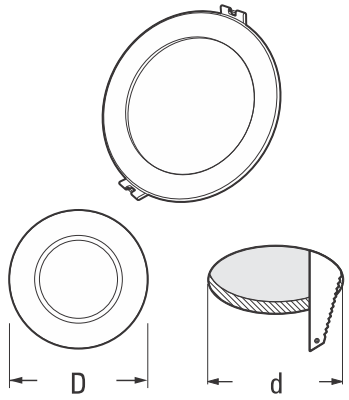
ĐÈN DOWNLIGHT LED ERI VIỀN VÀNG - ERI DOWNLIGHT LED WITH GOLD RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ERG/90/6W/...	6W	Ø118	Ø90	40	106.000	
ERG/90/7W/...	7W	Ø118	Ø90	40	110.000	146.800
ERG/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	118.000	
ERG/90/9W/...	9W	Ø118	Ø90	40	120.000	172.800
ERG/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	121.000	
ERG/110/7W/...	7W	Ø138	Ø110	50	122.000	
ERG/110/8W/...	8W	Ø138	Ø110	50	126.000	
ERG/110/9W/...	9W	Ø138	Ø110	50	130.000	175.000
ERG/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	135.000	
ERG/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	138.000	

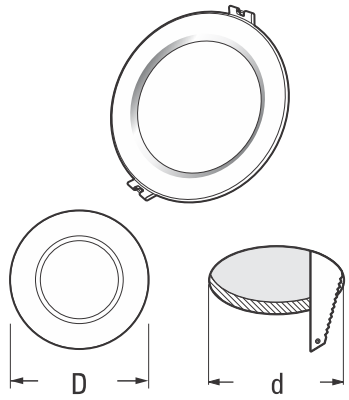
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M***

ĐÈN DOWNLIGHT LED ERI LIỀN VIỀN SƠN TRẮNG - ERI DOWNLIGHT LED WHITE PAINTING



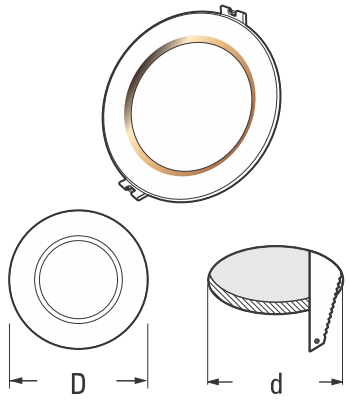
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ERLW/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	118.000	165.000
ERLW/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	122.000	178.000
ERLW/90/12W/...	12W	Ø118	Ø90	40	128.000	186.000
ERLW/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	135.000	189.000
ERLW/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	138.000	192.000
ERLW/110/15W/...	15W	Ø138	Ø110	50	148.000	216.000

ĐÈN DOWNLIGHT LED ERI LIỀN VIỀN BẠC - ERI DOWNLIGHT LED WITH SILVER RING



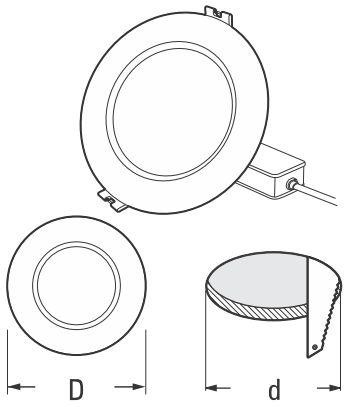
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ERL/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	118.000	172.000
ERL/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	122.000	176.000
ERL/90/12W/...	12W	Ø118	Ø90	40	128.000	186.000
ERL/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	135.000	195.000
ERL/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	138.000	202.000
ERL/110/15W/...	15W	Ø138	Ø110	50	148.000	216.000

ĐÈN DOWNLIGHT LED ERI LIỀN VIỀN VÀNG - ERI DOWNLIGHT LED WITH GOLD RING



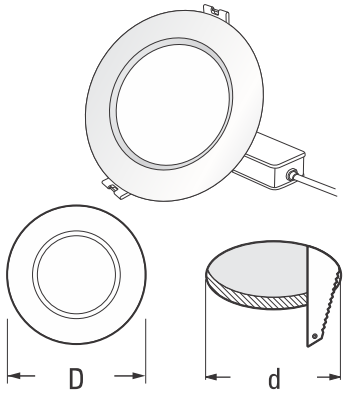
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ERLG/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	118.000	172.000
ERLG/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	122.000	176.000
ERLG/90/12W/...	12W	Ø118	Ø90	40	128.000	186.000
ERLG/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	135.000	195.000
ERLG/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	138.000	202.000
ERLG/110/15W/...	15W	Ø138	Ø110	50	148.000	216.000

ĐÈN DOWNLIGHT LED MALU MẶT NHỰA MÀU TRẮNG VÁT - MALU DOWNLIGHTS LED PLASTIC WHITE CHAMFERED



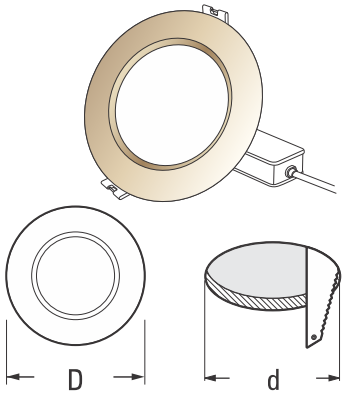
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
MLS/90/6W/...	6W	Ø118	Ø90	40	**103.000**	
MLS/90/7W/...	7W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	**153.000**
MLS/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	
MLS/90/9W/...	9W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	**165.000**
MLS/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	**112.000**	
MLS/110/7W/...	7W	Ø138	Ø110	50	**116.000**	
MLS/110/8W/...	8W	Ø138	Ø110	50	**120.000**	
MLS/110/9W/...	9W	Ø138	Ø110	50	**120.000**	**182.000**
MLS/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	**128.000**	
MLS/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	**128.000**	

ĐÈN DOWNLIGHT LED MALU MẶT NHỰA MÀU BẠC VÁT - MALU DOWNLIGHTS LED PLASTIC SILVER CHAMFERED



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
MLB/90/6W/...	6W	Ø118	Ø90	40	**103.000**	
MLB/90/7W/...	7W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	**153.000**
MLB/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	
MLB/90/9W/...	9W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	**165.000**
MLB/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	**112.000**	
MLB/110/7W/...	7W	Ø138	Ø110	50	**116.000**	
MLB/110/8W/...	8W	Ø138	Ø110	50	**120.000**	
MLB/110/9W/...	9W	Ø138	Ø110	50	**120.000**	**182.000**
MLB/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	**128.000**	
MLB/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	**128.000**	

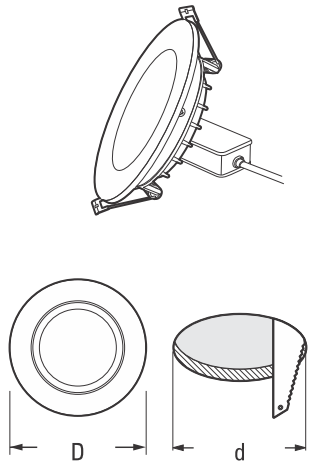
ĐÈN DOWNLIGHT LED MALU MẶT NHỰA MÀU VÀNG VÁT - MALU DOWNLIGHTS LED PLASTIC GOLD CHAMFERED



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
MLV/90/6W/...	6W	Ø118	Ø90	40	**103.000**	
MLV/90/7W/...	7W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	**153.000**
MLV/90/8W/...	8W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	
MLV/90/9W/...	9W	Ø118	Ø90	40	**110.000**	**165.000**
MLV/90/10W/...	10W	Ø118	Ø90	40	**112.000**	
MLV/110/7W/...	7W	Ø138	Ø110	50	**116.000**	
MLV/110/8W/...	8W	Ø138	Ø110	50	**120.000**	
MLV/110/9W/...	9W	Ø138	Ø110	50	**120.000**	**182.000**
MLV/110/10W/...	10W	Ø138	Ø110	50	**128.000**	
MLV/110/12W/...	12W	Ø138	Ø110	50	**128.000**	

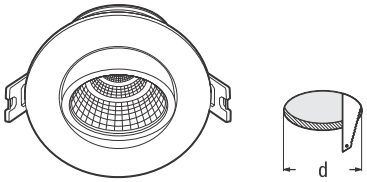
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M***

ĐÈN DOWNLIGHT LED CHIẾU SÂU ZH/XA - ZH/XA DOWNLIGHTS LED SPOT LIGHT



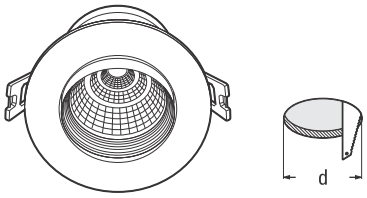
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ZH/XA/76/4/...	4W	Ø93	Ø76	40	100.000	
ZH/XA/76/5/...	5W	Ø93	Ø76	40	106.000	
ZH/XA/90/5/...	5W	Ø120	Ø90	40	120.000	124.000
ZH/XA/90/6/...	6W	Ø120	Ø90	40	128.000	135.000
ZH/XA/90/7/...	7W	Ø120	Ø90	40	138.000	142.000
ZH/XA/90/8/...	8W	Ø120	Ø90	40	155.000	180.000
ZH/XA/90/9/...	9W	Ø120	Ø90	40	162.000	187.000
ZH/XA/110/7/...	7W	Ø140	Ø110	50	163.000	203.500
ZH/XA/110/8/...	8W	Ø140	Ø110	50	166.000	208.800
ZH/XA/110/9/...	9W	Ø140	Ø110	50	173.000	216.000
ZH/XA/110/10/...	10W	Ø140	Ø110	50	178.000	225.000
ZH/XA/110/12/...	12W	Ø140	Ø110	50	200.000	270.000
ZH/XA/125/12/...	12W	Ø145	Ø125	40	205.000	277.000
ZH/XA/125/15/...	15W	Ø145	Ø125	40	210.000	279.000
ZH/XA/140/15/...	15W	Ø170	Ø140	40	235.000	337.500
ZH/XA/140/18/...	18W	Ø170	Ø140	40	268.000	405.000

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM XOAY GÓC 1 TRỤC SJC001 - SINGLE-AXIS ROTATING SPOTLIGHT SJC001



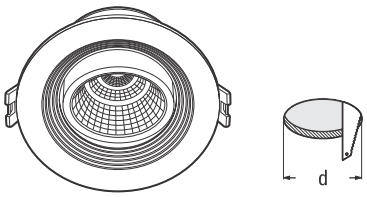
Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SJC0010475/5W/...	5W	Ø75	50	131.100
SJC0010795/9W/...	9W	Ø95	50	205.200
SJC00112120/15W/...	15W	Ø120	50	302.100

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM XOAY GÓC 1 TRỤC SZC002 - SINGLE-AXIS ROTATING SPOTLIGHT SZC002



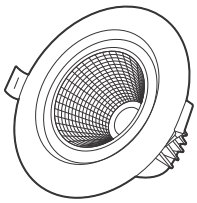
Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SZC0020575/5W/...	5W	Ø75	50	131.100
SZC0020895/9W/...	9W	Ø95	50	205.200

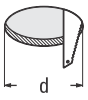
ĐÈN CHIẾU ĐIỂM XOAY GÓC 1 TRỤC SZC008 - SINGLE-AXIS ROTATING SPOTLIGHT SZC008



Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SZC0080480/5W/...	5W	Ø80	50	138.600

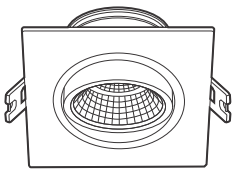
ĐÈN CHIẾU ĐIỂM XOAY GÓC 1 TRỤC CRC COB - SINGLE-AXIS ROTATING SPOTLIGHT CRC COB





Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
CRC/80/7W/6500K	7W	Ø80	100	**133.000**
CRC/100/10W/6500K	10W	Ø100	50	**172.000**
CRC/120/12W/6500K	12W	Ø120	50	**190.000**

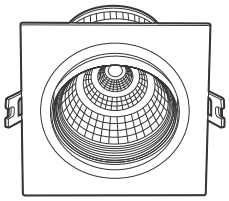
ĐÈN CHIẾU ĐIỂM MẶT VUÔNG XOAY GÓC 1 TRỤC SJC004 - SINGLE-AXIS ROTATING SQUARE SURFACE SPOTLIGHT SJC004





Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SJC0040480/5W/...	5W	Ø80	50	**147.300**
SJC00407100/9W/...	9W	Ø100	50	**233.600**

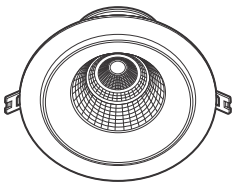
ĐÈN CHIẾU ĐIỂM MẶT VUÔNG XOAY GÓC 1 TRỤC SZC005 - SINGLE-AXIS ROTATING SQUARE SURFACE SPOTLIGHT SZC005





Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SZC0050380/5W/...	5W	Ø80	50	**147.500**
SZC00507100/9W/...	9W	Ø100	50	**233.600**

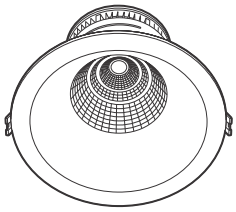
ĐÈN CHIẾU ĐIỂM SJC012 - SPOTLIGHT SJC012





Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SJC01218150/15W/...	15W	Ø150	20	**387.600**

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM SZC003 - SPOTLIGHT SZC003

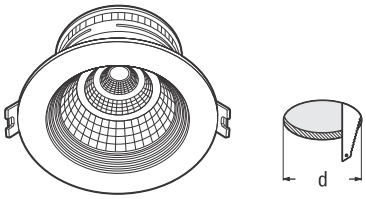




Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SZC00308110/9W/...	9W	Ø110	50	**258.300**
SZC00314160/15W/...	15W	Ø160	16	**387.600**

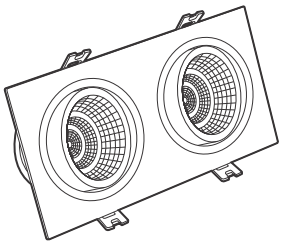
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**, Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M***

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM SZC008 - SPOTLIGHT SZC008



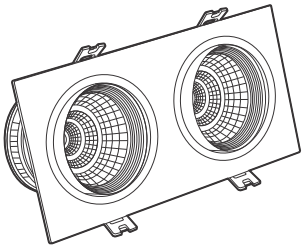
Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SZC0080795/9W/...	9W	Ø95	50	224.200

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM ĐÔI XOAY GÓC 1 TRỤC SJC004 - SJC004 SINGLE-AXIS ROTATING DUAL SPOTLIGHT



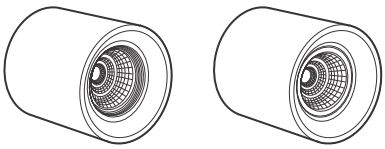
Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SJC00408160/10W/...	10W	80 x 160	-	294.500
SJC00414200/18W/...	18W	100 x 200	-	451.300

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM ĐÔI XOAY GÓC 1 TRỤC SZC005 - SZC005 SINGLE-AXIS ROTATING DUAL SPOTLIGHT



Mã số Model	Công suất Rating	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				4000/3000K
SZC00506160/10W/...	10W	80 x 160	-	294.500
SZC00514200/18W/...	18W	100 x 200	-	451.300

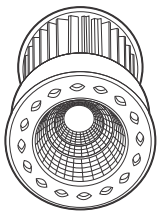
ĐÈN CHIẾU ĐIỂM LẮP NỔI XOAY GÓC 1 TRỤC SZC016 - SZC016 SINGLE-AXIS ROTATING SURFACE-MOUNTED SPOTLIGHT



Loại A Loại B

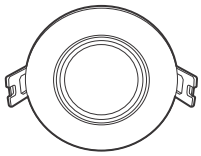
Mã số Model	Công suất Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
			4000/3000K
SZC01605100/A/5W/...	5W	-	220.500
SZC01605100/B/5W/...	5W	-	220.500

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM SZB01 - SPOTLIGHT SZB01



Mã số Model	Công suất Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
			4000/3000K	AS3M
SZB010450/4W/...	4W	100		135.000
SZB010450/5W/...	5W	100	104.500	
SZB010850/8W/...	8W	100		170.000
SZB010850/9W/...	9W	100	144.500	

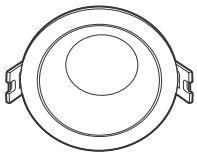
KHUNG ĐÈN XOAY GÓC 1 TRỤC SJN0475 - SINGLE-AXIS ROTATING NEON FRAME SJN0475



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SJN0475/W	Ø75	100	27.200

Dùng để lắp với đèn SZB01 & SZBS06

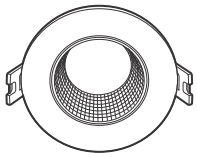
KHUNG ĐÈN XOAY GÓC 1 TRỤC SZN01175B - CHÓA MÀU BẠC - SINGLE-AXIS ROTATING NEON FRAME SZN01175B - SILVER LAMPSHADE



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SZN01175B/WS	Ø75	100	62.600

Dùng để lắp với đèn SZB01 & SZBS06

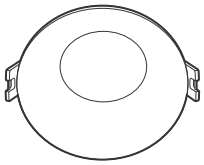
KHUNG ĐÈN XOAY GÓC 1 TRỤC SZN0375 - CHÓA MÀU ĐEN - SINGLE-AXIS ROTATING NEON FRAME SZN0375 - BLACK LAMPSHADE



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SZN0375/B/WB	Ø75	100	40.600

Dùng để lắp với đèn SZB01 & SZBS06

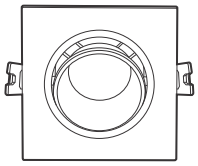
KHUNG ĐÈN SZN01370A - LIGHT FIXTURE FRAME SZN01370A



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SZN01370A/W	Ø70	100	27.000

Dùng để lắp với đèn SZB01 & SZBS06

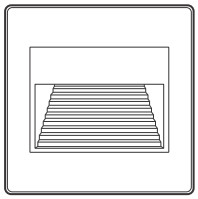
KHUNG ĐÈN MẶT VUÔNG XOAY GÓC 1 TRỤC SZN38080 - SINGLE-AXIS ROTATING SQUARE LIGHT FIXTURE FRAME SZN38080



Mã số Model	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SZN38080	Ø80	100	35.000

Dùng để lắp với đèn SZB01 & SZBS06

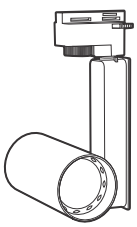
ĐÈN GẮN ÂM CHÂN TƯỜNG SZTB01 - SZTB01 RECESSED FOOTPATH LIGHT



Mã số Model	Công suất Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SZTB010186/W/1W/4000K	1W	50	131.100
SZTB010186/B/1W/4000K	1W	50	131.100

"W" đèn màu trắng; "B" đèn màu đen

ĐÈN CHIẾU ĐIỂM THANH RAY XOAY GÓC 2 TRỤC SZG002 - SZG002 DUAL-AXIS ROTATING SPOTLIGHT TRACK LIGHT

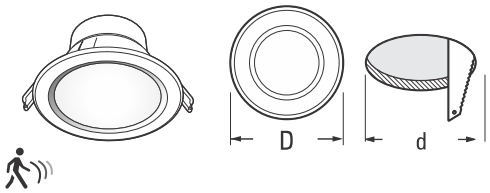


Mã số Model	Công suất Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
			4000/3000K
SZG00215/W/12W/...	12W	50	330.600
SZG00215/B/12W/...	12W	50	330.600

"W" đèn màu trắng; "B" đèn màu đen

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**, Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M***

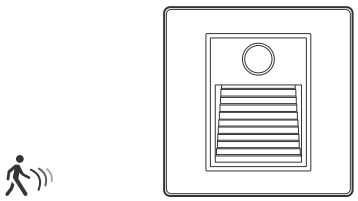
ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHỰA / NHÔM CẢM BIẾN ABSOLUTE
MOTION SENSOR LED DOWNLIGHTS PLASTIC / ALUMINIUM CASING ABSOLUTE



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ABS/90/4W/...	4W	Ø108	Ø90	30	165.000
ABS/110/7W/...	7W	Ø129	Ø110	30	193.000
ABS/125/9W/...	9W	Ø144	Ø125	20	310.000
ABS/125/5/EM/...(*)	5W	Ø144	Ø125	20	560.000

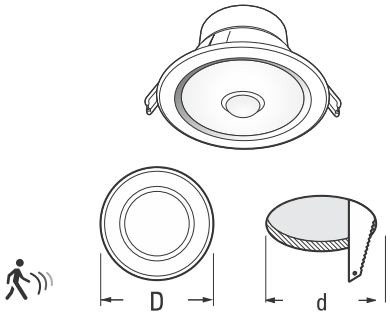
(*) Đèn cảm biến tích hợp đèn sự cố

ĐÈN GẮN ÂM CHÂN TƯỜNG CẢM BIẾN SZTB03
SZT RECESSED WALL-MOUNTED SENSOR LIGHT



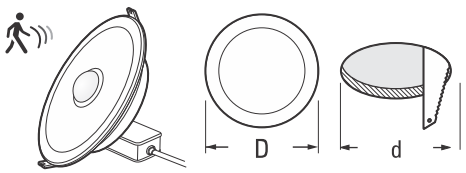
Mã số Model	Công suất Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SZTB030186/1W/4000K	1W	50	224.200

ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHỰA / NHÔM ABSOLUTE CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI
ABSOLUTE DOWNLIGHTS LED PLASTIC / ALUMINIUM CASING



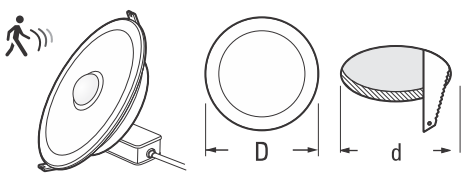
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ABL/PIR/90/7/...	7W	Ø108	Ø90	30	136.000
ABL/PIR/110/9/...	9W	Ø129	Ø110	30	166.000
ABL/PIR/125/11/...	11W	Ø144	Ø125	20	182.000

ĐÈN DOWNLIGHT LED CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI - MEZON-R
MOTION SENSOR MEZON-R DOWNLIGHTS LED



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
MZR/PIR/90/7/...	7W	Ø115	Ø90	40	98.000
MZR/PIR/110/9/...	9W	Ø130	Ø110	36	116.000
MZR/PIR/125/11/...	11W	Ø155	Ø125	36	162.000

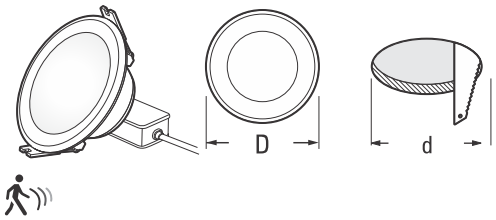
ĐÈN DOWNLIGHT LED CẢM BIẾN HỒNG NGOẠI - MEZON-R ĐỘ HOÀN MÀU CAO
MOTION SENSOR MEZON-R DOWNLIGHTS LED - CRI90



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/5000K
MZR/PIR/90/7/.../CRI90	7W	Ø115	Ø90	40	102.800
MZR/PIR/110/9/.../CRI90	9W	Ø130	Ø110	36	121.800
MZR/PIR/125/11/.../CRI90	11W	Ø155	Ø125	36	170.200

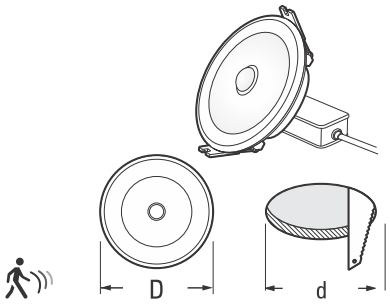
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M**; với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN DOWNLIGHT LED THÂN NHỰA / NHÔM CẢM BIẾN ABSOLUTE MỎNG
MOTION SENSOR LED DOWNLIGHTS LED PLASTIC / ALUMINIUM THIN CASING ABSOLUTE



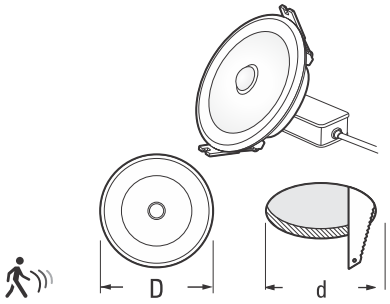
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ABM/S/90/7W/...	7W	Ø112	Ø90	30	**98.000**
ABM/S/110/9W/...	9W	Ø130	Ø110	30	**116.000**

ĐÈN DOWNLIGHT LED ÂM TRẦN SIÊU MỎNG ABT CẢM BIẾN
MOTION SENSOR ABT DOWNLIGHT LED ULTRA-SLIM RECESSED



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ABT/PIR/90/7W/...	7W	Ø112	Ø90	40	**98.000**
ABT/PIR/110/9W/...	9W	Ø130	Ø110	40	**116.000**
ABT/PIR/125/12W/...	12W	Ø145	Ø125	36	**168.000**

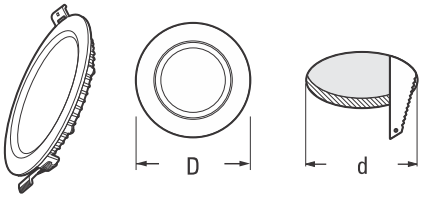
ĐÈN DOWNLIGHT LED ÂM TRẦN SIÊU MỎNG ABT CẢM BIẾN ĐỘ HOÀN MÀU CAO
MOTION SENSOR ABT DOWNLIGHT LED ULTRA-SLIM RECESSED - CRI90



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
ABT/PIR/90/7W/6500K/CRI90	7W	Ø112	Ø90	40	**102.600**
ABT/PIR/110/9W/6500K/CRI90	9W	Ø130	Ø110	40	**121.600**
ABT/PIR/125/12W/6500K/CRI90	12W	Ø145	Ø125	36	**176.000**

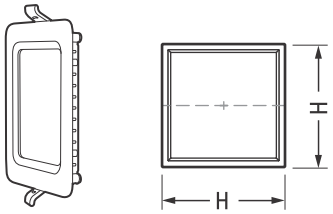
ĐÈN PANEL - PANEL LAMP

ĐÈN PANEL TRÒN LY - ROUND LED PANEL LY



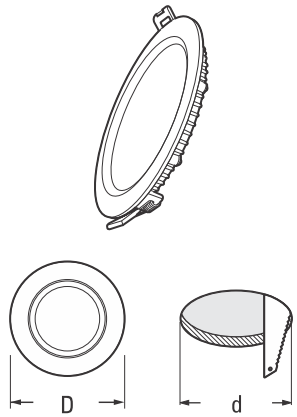
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/4000/3000K
LY301/5W/...	5W	Ø95	Ø90	20	108.000
LY301/7W/...	7W	Ø120	Ø110	16	147.000
LY301/9W/...	9W	Ø145	Ø125	16	168.000
LY301/12W/S/...	12W	Ø145	Ø125	16	178.000
LY301/12W/...	12W	Ø170	Ø150	16	200.000
LY301/15W/...	15W	Ø190	Ø160	-	268.000
LY301/18W/...	18W	Ø225	Ø200	-	320.000

ĐÈN PANEL VUÔNG LF - SQUARE LED PANEL LF



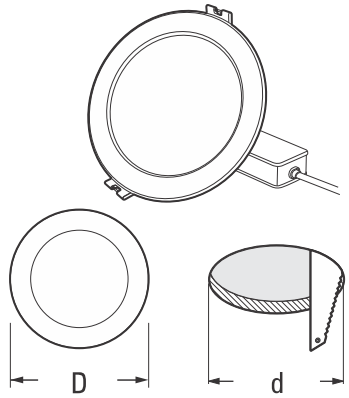
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (HxH)	Lỗ khoét trần Cutout	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
					6500/4000/3000K
LF201/5W/...	5W	100 x 100	90 x 90	20	128.000
LF201/8W/...	8W	120 x 120	108 x 108	16	165.000
LF201/12W/...	12W	150 x 150	130 x 130	16	210.000
LF201/16W/...	16W	180 x 180	160 x 160	16	268.000
LF201/20W/...	20W	217 x 217	195 x 195	16	320.000

ĐÈN PANEL TRÒN NATHIN - ROUND LED PANEL NATHIN



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
NT/90/6/...	6W	Ø103	Ø90	40	90.000	108.000
NT/90/7/...	7W	Ø103	Ø90	40	105.000	126.000
NT/110/8/...	8W	Ø126	Ø110	40	135.000	165.000
NT/110/9/...	9W	Ø126	Ø110	40	145.000	174.000
NT/125/9/...	9W	Ø141	Ø125	40	155.000	
NT/125/12/...	12W	Ø141	Ø125	40	175.000	
NT/140/12/...	12W	Ø158	Ø140	40	180.000	
NT/160/15/...	15W	Ø180	Ø160	40	200.000	
NT/200/18/...	18W	Ø226	Ø200	40	230.000	

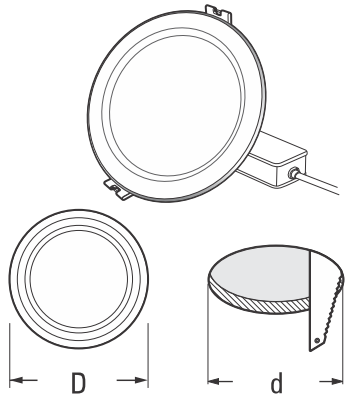
ĐÈN PANEL LED NATHIN 2 SIÊU MỎNG - ULTRA-THIN NATHIN 2 PANEL LED



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
NT2/90/7W/...	7W	Ø105	Ø90	50	105.000	152.000
NT2/90/8W/...	8W	Ø105	Ø90	50	108.000	156.000
NT2/110/7W/...	7W	Ø122	Ø110	50	114.000	165.000
NT2/110/9W/...	9W	Ø122	Ø110	50	117.000	169.000
NT2/110/10W/...	10W	Ø122	Ø110	50	120.000	172.000
NT2/135/9W/...	9W	Ø147	Ø135	50	133.000	192.000
NT2/135/12W/...	12W	Ø147	Ø135	50	146.000	212.000

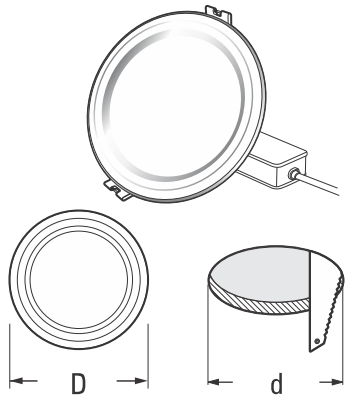
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*Ánh sáng đổi 3 màu (trắng, trắng ấm, vàng) = **AS3M***

ĐÈN PANEL LED ERI 2 SIÊU MỎNG SƠN TRẮNG - ULTRA-THIN ERI 2 PANEL LED WHITE PAINTING



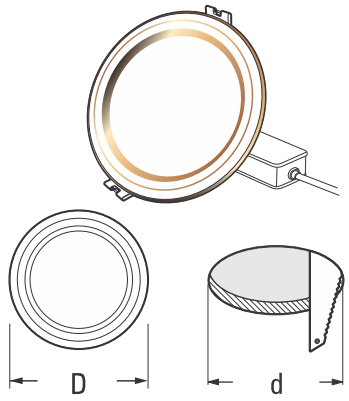
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ER2W/90/7W/...	7W	Ø105	Ø90	50	105.000	155.000
ER2W/90/8W/...	8W	Ø105	Ø90	50	108.000	158.000
ER2W/110/7W/...	7W	Ø122	Ø110	50	112.000	168.000
ER2W/110/9W/...	9W	Ø122	Ø110	50	117.000	181.000
ER2W/110/10W/...	10W	Ø122	Ø110	50	120.000	175.000
ER2W/135/9W/...	9W	Ø147	Ø135	50	133.000	193.000
ER2W/135/12W/...	12W	Ø147	Ø135	50	146.000	205.000

ĐÈN PANEL LED ERI 2 SIÊU MỎNG VIỀN BẠC - ULTRA-THIN ERI 2 PANEL LED WITH SILVER RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ER2/90/7W/...	7W	Ø105	Ø90	50	105.000	155.000
ER2/90/8W/...	8W	Ø105	Ø90	50	108.000	158.000
ER2/110/7W/...	7W	Ø122	Ø110	50	112.000	168.000
ER2/110/9W/...	9W	Ø122	Ø110	50	117.000	181.000
ER2/110/10W/...	10W	Ø122	Ø110	50	120.000	175.000
ER2/135/9W/...	9W	Ø147	Ø135	50	133.000	193.000
ER2/135/12W/...	12W	Ø147	Ø135	50	146.000	205.000

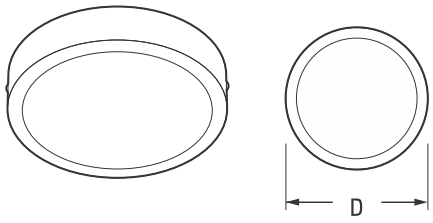
ĐÈN PANEL LED ERI 2 SIÊU MỎNG VIỀN VÀNG - ULTRA-THIN ERI 2 PANEL LED WITH GOLD RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	Lỗ khoét trần Cutout (d)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	
					6500/4000/3000K	AS3M
ER2G/90/7W/...	7W	Ø105	Ø90	50	105.000	155.000
ER2G/90/8W/...	8W	Ø105	Ø90	50	108.000	158.000
ER2G/110/7W/...	7W	Ø122	Ø110	50	112.000	168.000
ER2G/110/9W/...	9W	Ø122	Ø110	50	117.000	181.000
ER2G/110/10W/...	10W	Ø122	Ø110	50	120.000	175.000
ER2G/135/9W/...	9W	Ø147	Ø135	50	133.000	193.000
ER2G/135/12W/...	12W	Ø147	Ø135	50	146.000	205.000

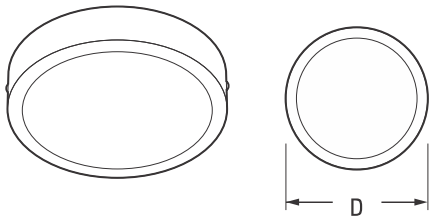
ĐÈN ỐP TRẦN - CEILING LIGHT

ĐÈN ỐP TRẦN LED MEZON-S TRÒN CHỐNG BỤI - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT MEZON-S



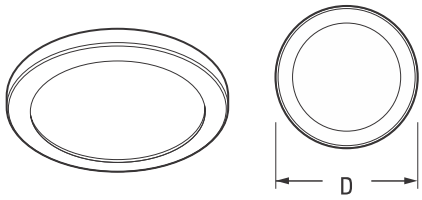
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
MZS125/7/...	7W	Ø125	40	**102.000**
MZS125/9/...	9W	Ø125	40	**108.000**
MZS150/9/...	9W	Ø150	44	**116.000**
MZS150/11/...	11W	Ø150	44	**126.000**
MZS175/13/...	13W	Ø175	36	**198.000**
MZS175/15/...	15W	Ø175	36	**219.000**
MZS200/15/...	15W	Ø200	12	**240.000**
MZS200/18/...	18W	Ø200	12	**268.000**
MZS225/18/...	18W	Ø225	12	**298.000**
MZS225/23/...	23W	Ø225	12	**328.000**

ĐÈN ỐP TRẦN LED MEZON-S TRÒN CHỐNG BỤI ĐỘ HOÀN MÀU CAO - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT MEZON-S - CRI90



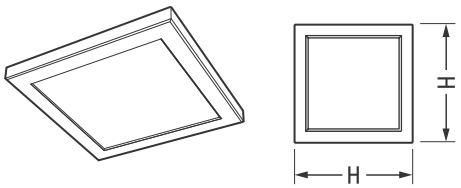
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/5000K
MZS125/7/.../CRI90	7W	Ø125	40	**106.000**
MZS125/9/.../CRI90	9W	Ø125	40	**113.600**
MZS150/9/.../CRI90	9W	Ø150	44	**121.600**
MZS150/11/.../CRI90	11W	Ø150	44	**132.000**
MZS175/13/.../CRI90	13W	Ø175	36	**208.000**
MZS175/15/.../CRI90	15W	Ø175	36	**230.000**
MZS200/15/.../CRI90	15W	Ø200	12	**252.000**
MZS200/18/.../CRI90	18W	Ø200	12	**282.000**
MZS225/18/.../CRI90	18W	Ø225	12	**312.800**
MZS225/23/.../CRI90	23W	Ø225	12	**344.600**

ĐÈN ỐP TRẦN LED TRÒN - CEILING LIGHT ROUND TYPE



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
OTT/220/18W/...	18W	Ø220	15	**210.000**

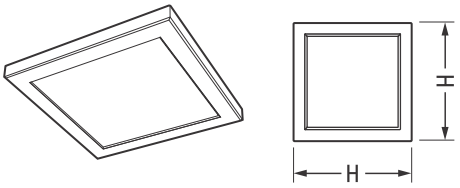
ĐÈN ỐP TRẦN LED VUÔNG - CEILING LIGHT SQUARE TYPE



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
OTV/220/18W/...	18W	220 x 220	15	**210.000**

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
*với đèn **CRI90** Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **5000K***

ĐÈN ỐP TRẦN LED VUÔNG THÂN SẮT - CEILING LIGHT SQUARE TYPE IRON CASING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
OVS/220/18W/...	18W	220 x 220	12	268.000
OVS/300/18W/...	18W	300 x 300	10	320.000
OVS/300/24W/...	24W	300 x 300	10	360.000

ĐÈN ỐP TRẦN LED UFO CHỐNG BỤI - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT UFO



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
UF26509/...	9W	265	10	225.000
UF26514/...	14W	265	10	245.000
UF32018/...	18W	320	8	298.000
UF32024/...	24W	320	8	343.000

*UF là mã đèn **chụp mờ**. Để đặt **chụp ánh sao** thay **UF** bằng **UFA***

ĐÈN ỐP TRẦN LED LOPY CHỐNG BỤI - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT LOPY



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
LP29014/...	14W	290	10	345.000
LP29018/...	18W	290	10	396.000
LP35022/...	22W	350	8	489.000
LP35028/...	28W	350	8	562.000

*LP là mã đèn **chụp mờ**. Để đặt **chụp ánh sao** thay **LP** bằng **LPA***

ĐÈN ỐP TRẦN LED LOPY-S CHỐNG BỤI VIỀN BẠC - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT LOPY-S WITH SILVER RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
LPSB26012/...	12W	260	10	315.000
LPSB26015/...	15W	260	10	345.000
LPSB33018/...	18W	330	8	396.000
LPSB33024/...	24W	330	8	489.000

*LPSB là mã đèn **chụp mờ**. Để đặt **chụp ánh sao** thay **LPSB** bằng **LPSBA***

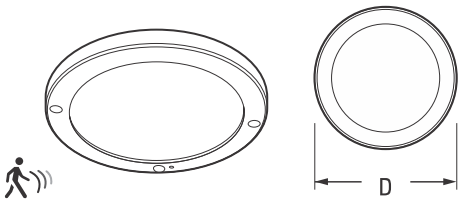
ĐÈN ỐP TRẦN LED LOPY-S CHỐNG BỤI VIỀN VÀNG - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT LOPY-S WITH GOLD RING



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
				6500/4000/3000K
LPSV26012/...	12W	260	10	315.000
LPSV26015/...	15W	260	10	345.000
LPSV33018/...	18W	330	8	396.000
LPSV33024/...	24W	330	8	489.000

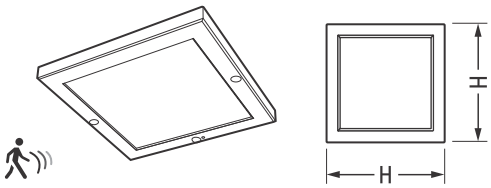
*LPSV là mã đèn **chụp mờ**. Để đặt **chụp ánh sao** thay **LPSV** bằng **LPSVA***

ĐÈN ỐP TRẦN LED TRÒN CẢM BIẾN - CEILING LIGHT ROUND TYPE WITH SENSOR



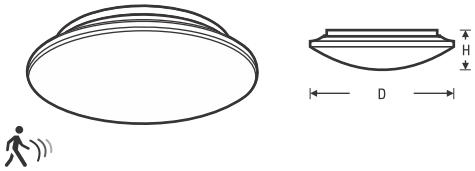
Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
OTT/S/220/18W/...	18W	Ø220	15	**352.000**

ĐÈN ỐP TRẦN LED VUÔNG CẢM BIẾN - CEILING LIGHT SQUARE TYPE WITH SENSOR



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
OTV/S/220/18W/...	18W	220 x 220	15	**352.000**

ĐÈN ỐP TRẦN LED UFO CẢM BIẾN CHỐNG BỤI - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT UFO WITH SENSOR



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
UF/S/265/12W/...	12W	265	10	**318.000**
UF/S/320/24W/...	24W	320	8	**445.000**

UF/S *là mã đèn* ***chụp mờ****. Để đặt* ***chụp ánh sao*** *thay* ***UF/S*** *bằng* ***UFA/S***

ĐÈN ỐP TRẦN LED LOPY CẢM BIẾN CHỐNG BỤI - DUSTPROOF CEILING LED LIGHT LOPY WITH SENSOR



Mã số Model	Công suất Rating	Kích thước Size (D)	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
LP/S/290/18W/...	18W	290	10	**456.000**

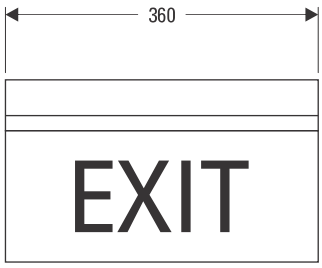
LP/S *là mã đèn* ***chụp mờ****. Để đặt* ***chụp ánh sao*** *thay* ***LP/S*** *bằng* ***LPA/S***

ĐÈN SỰ CỐ - EMERGENCY EXIT LIGHT

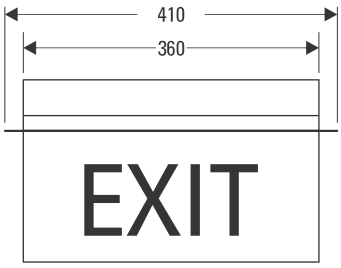
ĐÈN SỰ CỐ KIỂU DẪN LỐI - LOẠI MỎNG GẮN TRẦN HOẶC ÂM TƯỜNG - EMA1

SLIM EMERGENCY EXIT SIGN





Surface type dimensions (mm)
Kích thước loại gắn nổi



Recess type dimensions (mm)
Kích thước loại gắn âm trần

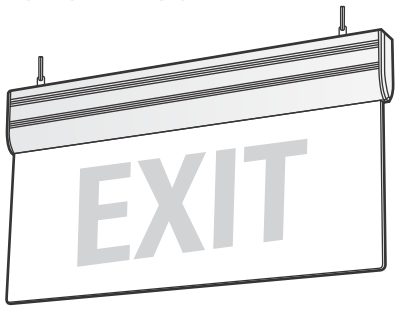
Điện áp : **220V - 50Hz**
Công suất : **3W**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

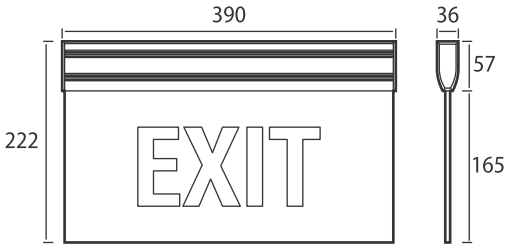


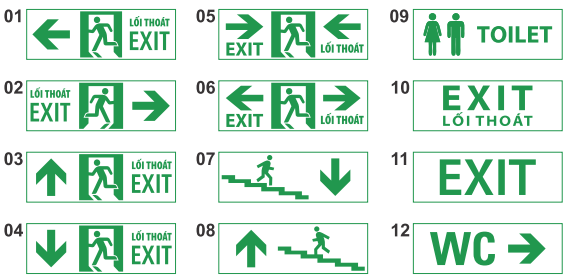
Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
EMA1103	Gắn nổi, một mặt	1	**760.000**
EMA1203	Gắn nổi, hai mặt	1	**850.000**
EMA1103R	Gắn âm trần, một mặt	1	**1.020.000**
EMA1203R	Gắn âm trần, hai mặt	1	**1.100.000**

ĐÈN SỰ CỐ TREO TRẦN MẶT KÍNH - EMA2

SLIM EMERGENCY EXIT SIGN







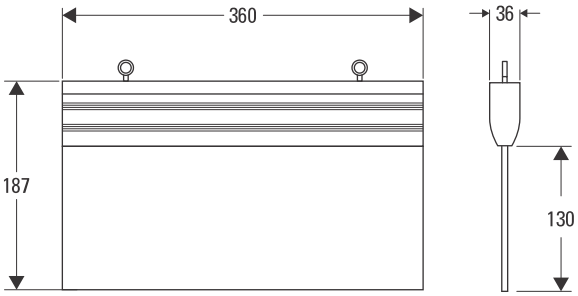
Điện áp : **220V - 50Hz**
Công suất : **3W**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
EMA2103	Mặt kính, một mặt	1	**1.020.000**
EMA2203	Mặt kính, hai mặt	1	**1.100.000**

Để đặt biểu tượng in trên mặt đèn thêm mã số tương ứng ở trên vào cuối mã đèn.
*Ví dụ: **Đèn báo vị trí cầu thang đi xuống** sẽ có mã **EMA2103/07***
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN SỰ CỐ TREO TRẦN HOẶC GẮN TƯỜNG - EMC2
SLIM EMERGENCY EXIT SIGN





01 

05 

09 

02 

06 

10 

03 

07 
11 

04 

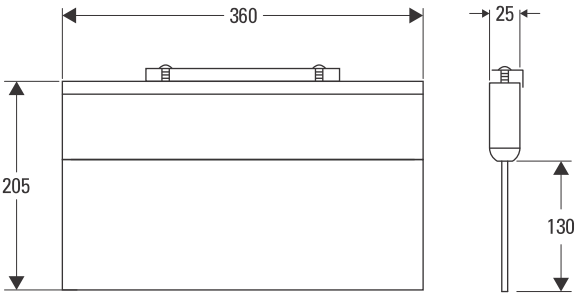
08 
12 

Điện áp : **220V - 50Hz** Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Công suất : **3W** Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
EMC2103	Loại một mặt	1	**535.000**
EMC2203	Loại hai mặt	1	**550.000**

ĐÈN CHỈ DẪN THOÁT NẠN - EMC3
SLIM EMERGENCY EXIT SIGN





01 

05 

09 

02 

06 

10 

03 

07 
04 

08 

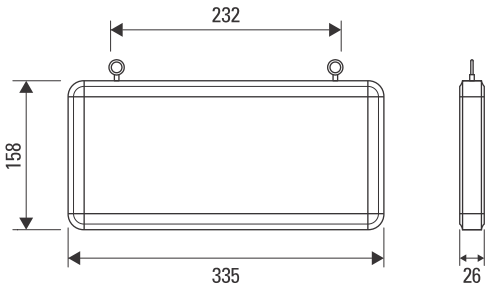
Điện áp : **220V - 50Hz** Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Công suất : **3W** Thời gian nạp đầy : **24h**

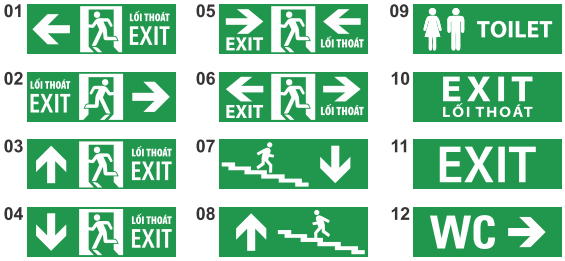
Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
EMC3103	Loại một mặt	1	**590.000**
EMC3203	Loại hai mặt	1	**610.000**

Để đặt biểu tượng in trên mặt đèn thêm mã số tương ứng ở trên vào cuối mã đèn.
*Ví dụ: **Đèn báo vị trí cầu thang đi xuống** sẽ có mã **EHB4103/07***
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN SỰ CỐ TREO TRẦN HOẶC GẮN TƯỜNG - EHB4
SLIM EMERGENCY EXIT SIGN





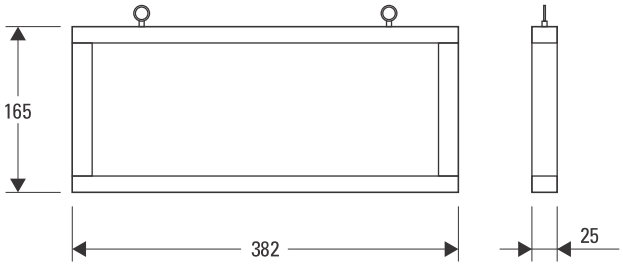


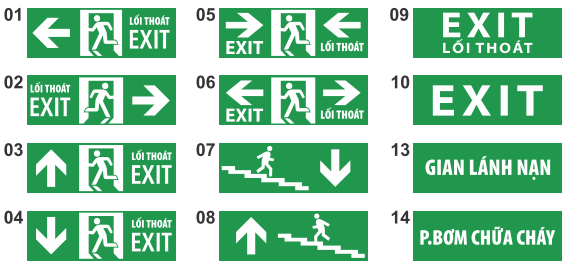
Điện áp : **220V - 50Hz** Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Công suất : **3W** Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
EHB4103	Loại một mặt	1	**198.000**
EHB4203	Loại hai mặt	1	**228.000**

ĐÈN CHỈ DẪN THOÁT NẠN - EHB5
SLIM EMERGENCY EXIT SIGN







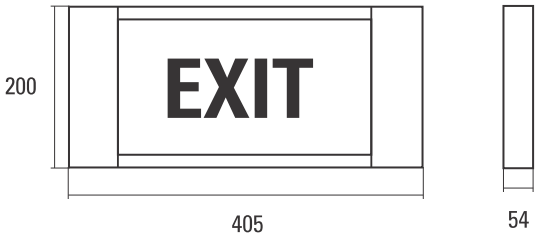
Điện áp : **220V - 50Hz** Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Công suất : **3W** Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
EHB5103	Loại một mặt	1	**288.000**
EHB5203	Loại hai mặt	1	**352.000**
EHB5103 (PCCC)	Loại một mặt	1	**346.000**
EHB5203 (PCCC)	Loại hai mặt	1	**422.000**

Để đặt biểu tượng in trên mặt đèn thêm mã số tương ứng ở trên vào cuối mã đèn.
*Ví dụ: **Đèn báo vị trí cầu thang đi xuống** sẽ có mã **EHB6103/07***
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN SỰ CỐ KIỂU DẪN LỐI - LOẠI HỘP GẮN NỔI TƯỜNG - EHB6
LED SLIM BOX EMERGENCY EXIT SIGN



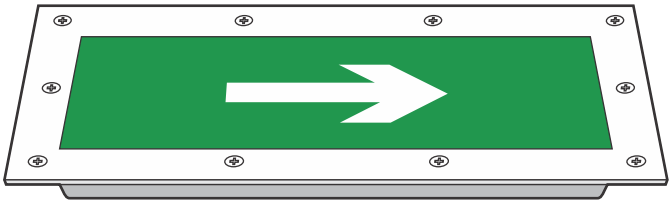


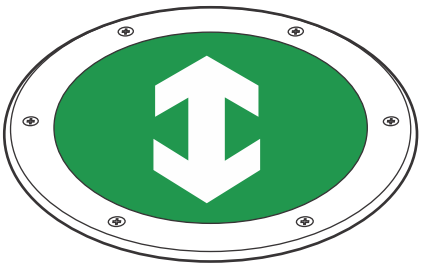


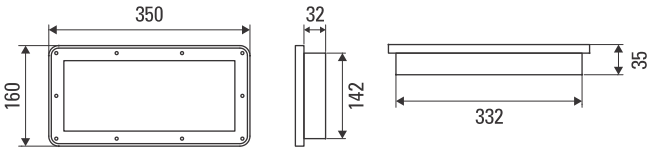
Điện áp : **220V - 50Hz** Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Công suất : **3W** Thời gian nạp đầy : **24h**

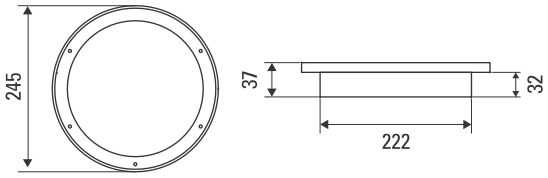
Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
EHB6103	Loại một mặt	1	**432.000**
EHB6203	Loại hai mặt	1	**556.000**

ĐÈN SỰ CỐ KIỂU DẪN LỐI - LOẠI ÂM SÀN
SLIM EMERGENCY EXIT SIGN - UNDERGROUND











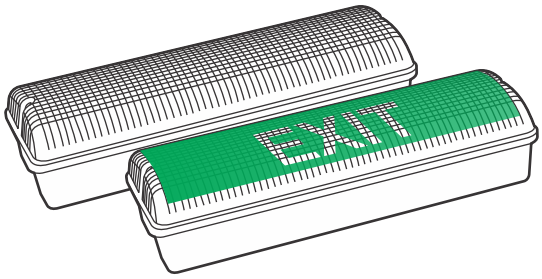
Điện áp : **220V - 50Hz** Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Công suất : **2W** Thời gian nạp đầy : **24h**

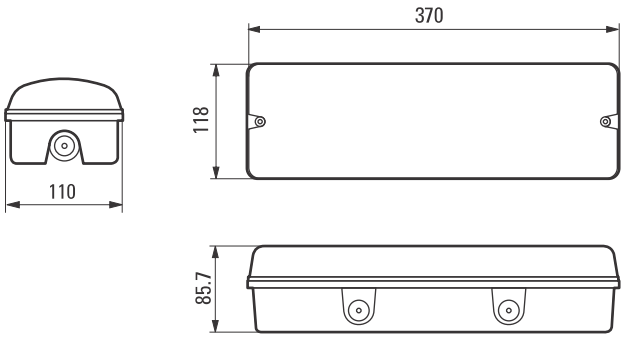
Mã số - Model	**Diễn giải** Description	**SL/Thùng** STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** Unit Price
ESD7102	Loại âm sàn/tường vuông	1	**2.350.000**
ESE8102	Loại âm sàn/tường tròn	1	**2.200.000**

Để đặt biểu tượng in trên mặt đèn thêm mã số tương ứng ở trên vào cuối mã đèn.
*Ví dụ: **Đèn báo vị trí cầu thang đi xuống** sẽ có mã **ESD7102/07***
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN SỰ CỐ/ ĐÈN DẪN LỐI LOẠI CHỐNG THẤM
WEATHERPROOF EMERGENCY LIGHT/ EXIT SIGN

AC/DC502





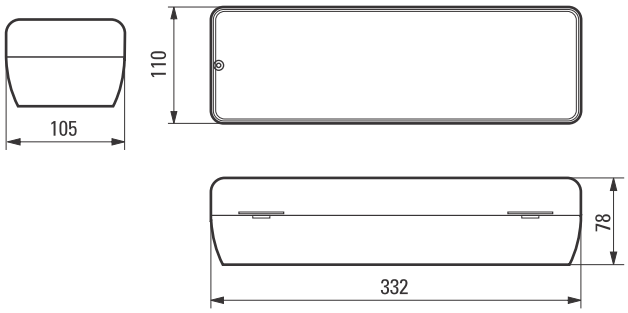
Dimensions [mm]

Mã số Model	Diễn giải Description	Kiểu chữ Legend	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
AD502	Mặt trơn		-	**600.000**
AD502/T	Mặt có biểu tượng	EXIT	-	**660.000**

ĐÈN SỰ CỐ/ ĐÈN DẪN LỐI LOẠI CHỐNG THẤM
WEATHERPROOF EMERGENCY LIGHT/ EXIT SIGN

AC/DC 1628/1



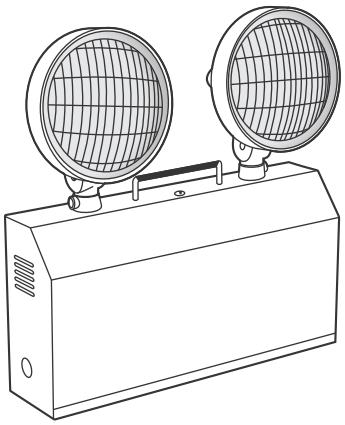


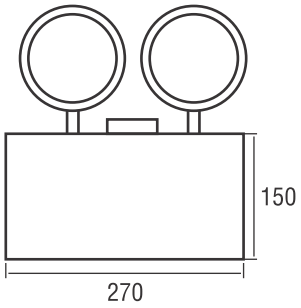
Single sided Dimensions [mm]

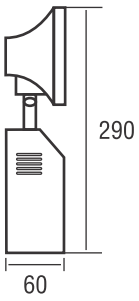
Mã số Model	Diễn giải Description	Kiểu chữ Legend	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
DC1628/1	Loại đơn - Mặt trơn		-	**456.000**
DC1628/1/T	Loại đơn - Mặt có biểu tượng	EXIT	-	**502.000**
DC1628/2	Loại đôi - Mặt trơn		-	**516.000**
DC1628/2/T	Loại đôi - Mặt có biểu tượng	EXIT	-	**568.000**

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ - VDL
TWIN-FLOOD EMERGENCY LIGHT



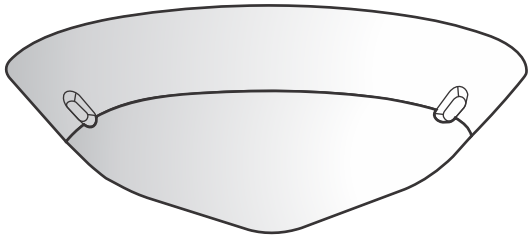


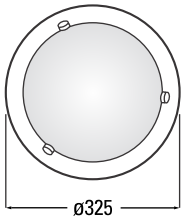


Điện áp : **220V - 50Hz**
Công suất : **2W**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Kiểu bóng** - Lamp	**SL/Thùng** - STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** - Unit Price
VDL201L	2 x 1W LED	1	**450.000**
VDL202L	2 x 2W LED	1	**495.000**
VDL202L (PCCC)	2 x 2W LED	1	**595.000**

ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ - NED
LED EMERGENCY LIGHT





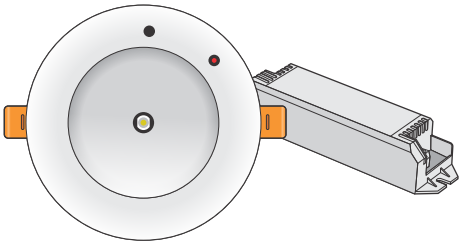


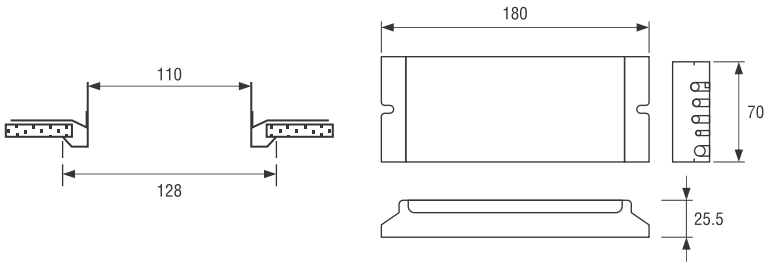
Điện áp : **220V - 50Hz**
Công suất chiếu sáng khi có điện : **15W**
Công suất chiếu sáng khi mất điện : **3W**
Thời gian chiếu sáng : **≥2h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Kiểu bóng** - Lamp	**SL/Thùng** - STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** - Unit Price
NED1015L	15W LED	14	**588.000**
NED02L/6500K	2W LED	14	**496.000**
NED02L/6500K (PCCC)	2W LED	14	**595.000**

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ GẮN ÂM TRẦN SDS110
EMERGENCY LIGHT - RECESS TYPE

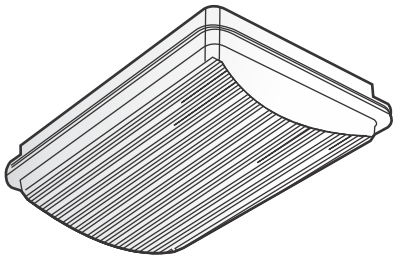


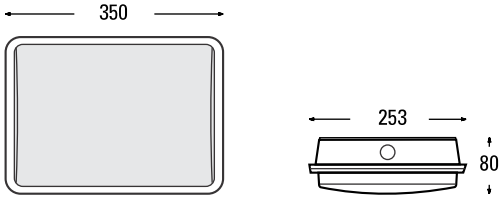


Điện áp : **220V - 50Hz**
Công suất : **1W**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Kiểu bóng** - Lamp	**Kích thước** - Dimension	**SL/Thùng** - STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** - Unit Price
SDS110/1W	1W LED	110	1	**250.000**
SDS110/1W (PCCC)	1W LED	110	1	**320.000**

ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ GẮN TRẦN - EED
LED EMERGENCY LIGHT

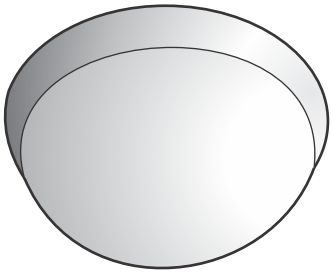


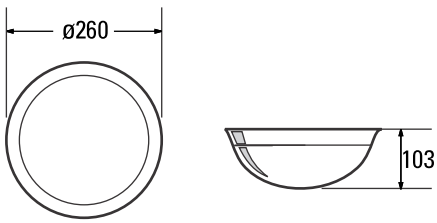


Điện áp : **220V - 50Hz**
Công suất chiếu sáng khi có điện : **18W**
Công suất chiếu sáng khi mất điện : **2W**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Kiểu bóng** - Lamp	**SL/Thùng** - STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** - Unit Price
EED02L	2W LED	21	**796.000**
EED18/02L	18W LED	21	**876.000**

ĐÈN SỰ CỐ GẮN TRẦN - VED
LED EMERGENCY LIGHT

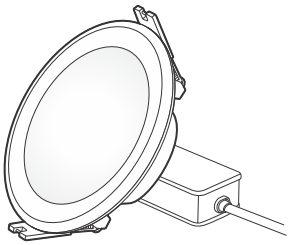


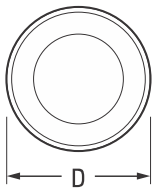


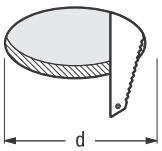
Điện áp : **220V - 50Hz**
Công suất : **2W**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Kiểu bóng** - Lamp	**SL/Thùng** - STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** - Unit Price
VED1002L	2W LED	30	**486.000**

ĐÈN DOWNLIGHT LED ÂM TRẦN SỰ CỐ ABT SIÊU MỎNG - ULTRA-SLIM RECESSED LED EMERGENCY LIGHT



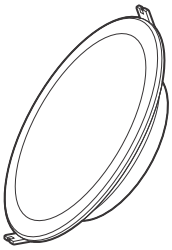


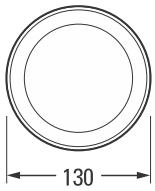


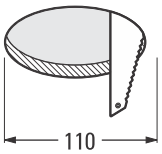
Điện áp : **220V - 50Hz**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Công suất** - Rating	**Lỗ khoét trần** - Cutout (d)	**SL/Thùng** - STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** - Unit Price
ABT/E/90/7W/6500K	7W	Ø90	40	**826.000**
ABT/E/110/9W/6500K	9W	Ø110	40	**848.000**

ĐÈN CHIẾU SÁNG SỰ CỐ GẮN ÂM TRẦN - MEZON-R - MEZON-R DOWNLIGHT LED EMERGENCY LIGHT







Điện áp : **220V - 50Hz**
Thời gian chiếu sáng : **≥3h**
Thời gian nạp đầy : **24h**

Mã số - Model	**Công suất** - Rating	**Lỗ khoét trần** - Cutout (d)	**SL/Thùng** - STD. PK	**Đơn giá(VNĐ)** - Unit Price
MZR/E/90/7W/6500K	7W	Ø90	40	**826.000**
MZR/E/110/9W/6500K	9W	Ø110	40	**848.000**

SINO® ELECTRIC
VANLOCK

OFFICE LIGHTING



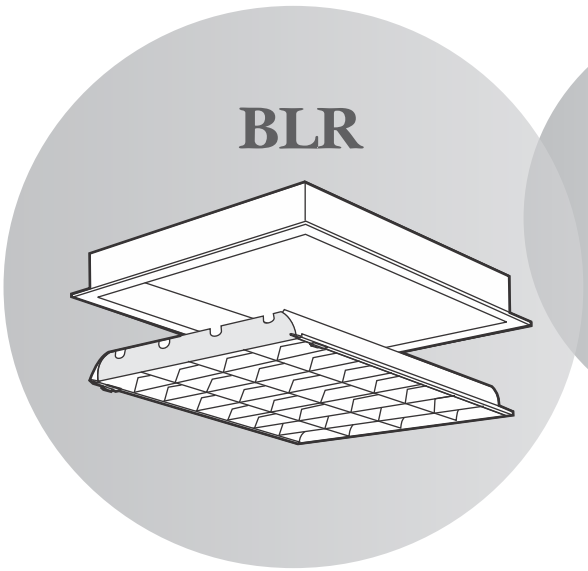
MÁNG ĐÈN TÁN QUANG

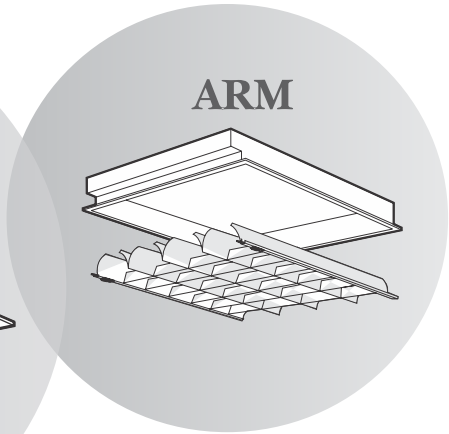
LIGHTING FITTING
APPARECCHIO DI ILLUMINAZIONE
APPAREIL D'ÉCLAIRAGE
BELEUCHTUNGSGERAT

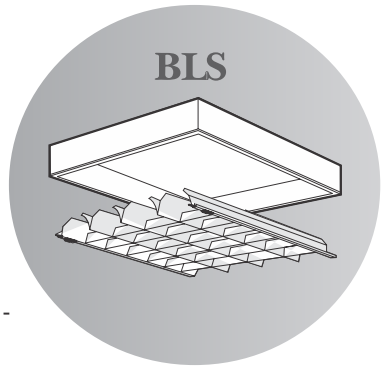
ARM, BLR, BLS Series of lighting Fixture



HƯỚNG DẪN ĐẶT HÀNG







Vật liệu là phản quang có độ thuần khiết cao 99.85%
Tiết kiệm điện năng - Hiệu suất sử dụng cao - độ phản xạ 86%
Thanh mát thiết kế kiểu gân với công nghệ đùn áp lực định hình, điện hóa mờ - tạo ánh sáng dịu mát- không chói mắt
Chóa Parabol thiết kế đối xứng, chính xác tạo nguồn sáng đồng đều không gây hiện tượng bán dạ - không có vùng sáng vùng tối trên phản quang
Đui đèn bằng Polycarbonate chống cháy
Dây điện chịu nhiệt 105^{0}C an toàn khi sử dụng với ballast cơ có độ tăng nhiệt cao
Cầu đấu dây chống cháy - đảm bảo an toàn điện
Máng được trang bị dây treo cho phản quang giúp thao tác lắp đặt dễ dàng và an toàn điện
Máng đèn có kèm găng tay đặc chủng để thao tác lắp đặt.

Hướng dẫn đặt hàng

Chủng loại	Kiểu tán quang	Chất liệu tán quang	Kiểu thanh ngang	Bóng Số lượng / W
ARM = Máng âm trần T- Bar	**BL** = Tán quang gấp	**GML** = Choá tán quang bóng	**MCB** = Thanh ngang nhôm sọc	1x18/20W (1018)
				2x18/20W (2018)
				3x18/20W (3018)
				4x18/20W (4018)
ARM/HT = Máng âm trần T- Bar có chụp mica		**MML** = Choá tán quang mờ	**VMCB** = Thanh ngang chữ V	1x36/40W (1036)
				2x36/40W (2036)
				3x36/40W (3036)
				4x36/40W (4036)
BLR = Máng âm trần gỗ + trần thạch cao	**PL** = Tán quang Parabol			1x10W LED (10010L)
				2x10W LED (20010L)
				3x10W LED (30010L)
		WML = Choá tán quang kim loại sơn trắng	**WMCB** = Thanh ngang KL sơn trắng	4x10W LED (40010L)
BLS = Máng nổi				1x20W LED (1020L)
				2x20W LED (2020L)
				3x20W LED (3020L)
				4x20W LED (4020L)

Chọn 1 mã hiệu trong mỗi cột

Ví dụ: Để đặt hàng máng âm trần khung nhôm tán quang gấp - chóa tán quang bóng thanh ngang phản quang là nhôm sọc - loại 1 bóng 18W thì mã đặt hàng thứ tự như sau:

ARM	BL	GML	MCB	1020	—— (ARM/BL/GML/MCB/1020)

Các đặc tính khác để đặt hàng:

	Tán quang đầu hồi	Hệ trần	Lá dọc và lá ngang bóng	Tụ bù
Hàng tiêu chuẩn	Không	Anh	Không	Không
Hàng theo đặt hàng	Có	Nhật	Có	Có

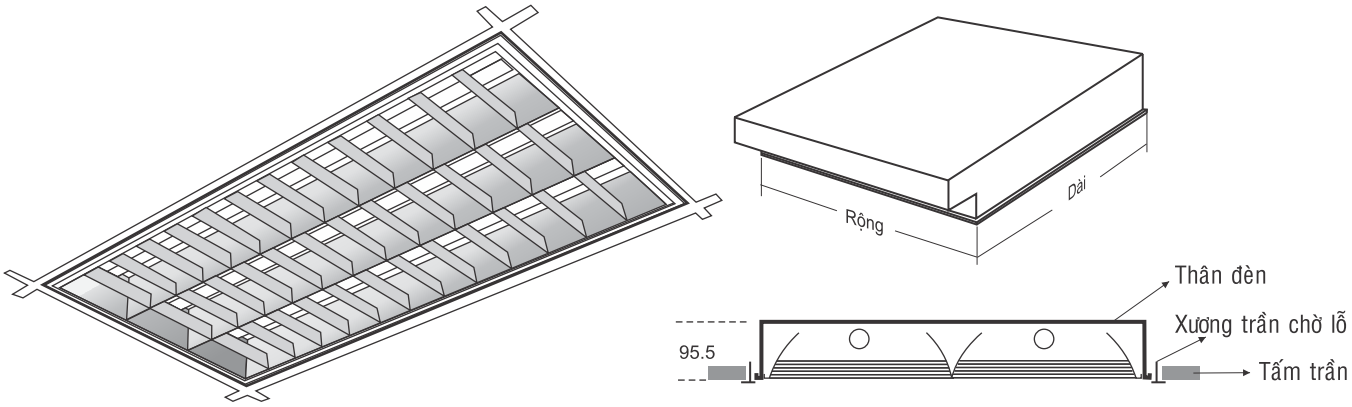
Hướng dẫn tính giá các loại máng:

* Giá trên là giá gốc của máng đèn tiêu chuẩn không có tán quang bóng ở hai đầu bóng đèn (đầu hồi)
* Giá của máng có tán quang bóng đầu hồi = giá gốc + 10%
* Giá của máng có lá ngang và lá dọc đều là tán quang bóng = giá gốc + 10%
* Giá của máng có chất liệu tán quang là sơn tĩnh điện = giá gốc -10%

Bảng giá trên là giá của bộ đèn nguyên bộ không bao gồm bóng đèn (riêng bóng LED giá đã kèm theo bóng)

MÁNG ĐÈN TÁN QUANG ÂM TRẦN THẢ (dùng cho hệ trần khung xương T-Bar - lỗ chờ sẵn thả từ trên xuống)
ARTWORK RECESSED MODULE - ARM SERIES

Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Chóa tán quang: Làm bằng nhôm của Italy hàm lượng 99.85%, anod hóa bề mặt, hiệu suất phản xạ đạt 86%
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: FL18/20W; FL36/40W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast sắt từ ít tổn hao chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve



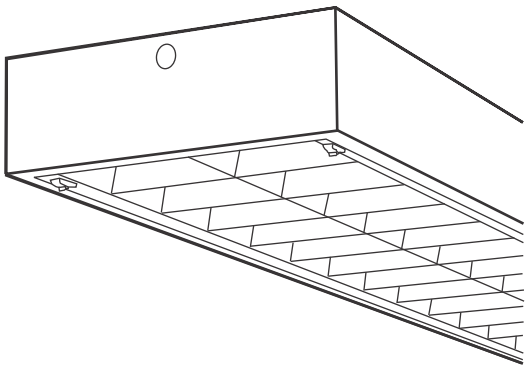
Mã số Model		SL bóng/Công suất (W) Q.ty of lamp/Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
Có bóng	Không bóng						Có bóng	Không bóng
Máng âm trần có chóa tán quang Parabol - ARM								
ARM 1018		1 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	195 (193)	-	**422.000**	
ARM 2018		2 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	300 (298)	-	**565.000**	
ARM 2018W		2 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	605 (598)	-	**861.000**	
ARM 3018		3 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	605 (598)	-	**861.000**	
ARM 4018		4 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	605 (598)	-	**1.003.000**	
ARM 1036		1 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	195 (193)	-	**630.000**	
ARM 2036		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	300 (298)	-	**830.000**	
ARM 2036W		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.320.000**	
ARM 3036		3 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.320.000**	
ARM 4036		4 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.661.000**	
ARM 1010L	**ARM 1010L/K0**	1 x 10	Tuýp LED	605 (598)	195 (193)	2	**484.500**	**352.000**
ARM 2010L	**ARM 2010L/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605 (598)	300 (298)	2	**657.800**	**425.000**
ARM 2010LW	**ARM 2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605 (598)	605 (598)	2	**990.200**	**721.000**
ARM 3010L	**ARM 3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	605 (598)	605 (598)	2	**1.002.000**	**651.000**
ARM 4010L	**ARM 4010L/K0**	4 x 10	Tuýp LED	605 (598)	605 (598)	2	**1.173.000**	**723.000**
ARM 1020L	**ARM 1020L/K0**	1 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	195 (193)	2	**758.000**	**560.000**
ARM 2020L	**ARM 2020L/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	300 (298)	2	**1.033.000**	**690.000**
ARM 2020LW	**ARM 2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	605 (598)	2	**1.583.000**	**1.180.000**
ARM 3020L	**ARM 3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	605 (598)	2	**1.633.000**	**1.110.000**
ARM 4020L	**ARM 4020L/K0**	4 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	605 (598)	2	**2.066.000**	**1.381.000**

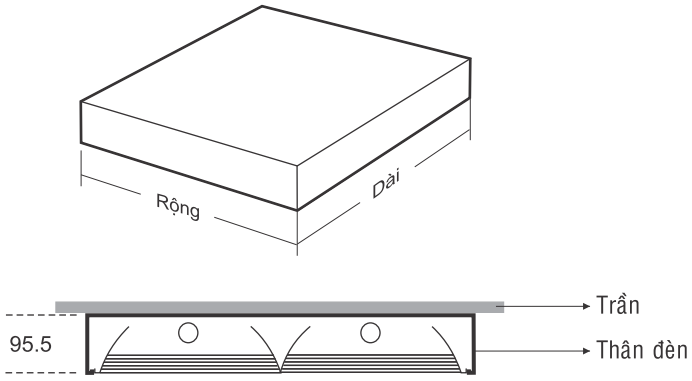
**** Kích thước trong ngoặc là kích thước của máng đèn dùng cho hệ trần Nhật***
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN TÁN QUANG LẮP NỔI
BRIGHTNESS LUMINAIRE SURFACE - BLS SERIES

Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Chóa tán quang: Làm bằng nhôm của Italy hàm lượng 99.85%, anod hóa bề mặt, hiệu suất phản xạ đạt 86%
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: FL18/20W; FL36/40W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast sắt từ ít tổn hao chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve



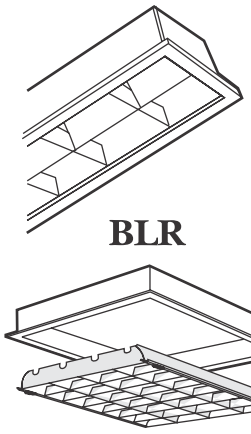


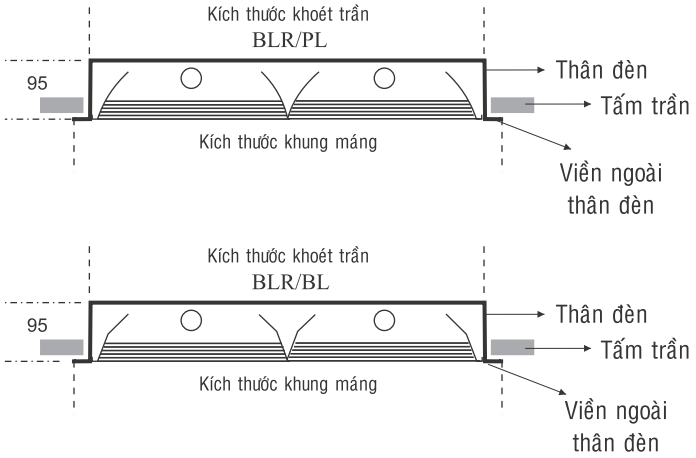
Mã số Model		SL bóng/Công suất (W) Q.ty of lamp/Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
Có bóng	Không bóng						Có bóng	Không bóng
BLS SURFACE								
BLS 1018		1 x 18/20	Huỳnh quang	616 (610)	205 (201)	-	**443.000**	
BLS 2018		2 x 18/20	Huỳnh quang	616 (610)	310 (306)	-	**565.000**	
BLS 2018W		2 x 18/20	Huỳnh quang	616 (610)	615 (610)	-	**905.000**	
BLS 3018		3 x 18/20	Huỳnh quang	616 (610)	615 (610)	-	**905.000**	
BLS 4018		4 x 18/20	Huỳnh quang	616 (610)	615 (610)	-	**1.061.000**	
BLS 1036		1 x 36/40	Huỳnh quang	1225 (1220)	205 (210)	-	**669.000**	
BLS 2036		2 x 36/40	Huỳnh quang	1225 (1220)	310 (306)	-	**874.000**	
BLS 2036W		2 x 36/40	Huỳnh quang	1225 (1220)	615 (610)	-	**1.395.000**	
BLS 3036		3 x 36/40	Huỳnh quang	1225 (1220)	615 (610)	-	**1.395.000**	
BLS 4036		4 x 36/40	Huỳnh quang	1225 (1220)	615 (610)	-	**1.762.000**	
BLS 1010L	**BLS 1010L/K0**	1 x 10	Tuýp LED	616 (610)	205 (201)	-	**453.500**	**373.000**
BLS 2010L	**BLS 2010L/K0**	2 x 10	Tuýp LED	616 (610)	310 (306)	-	**585.800**	**425.000**
BLS 2010LW	**BLS 2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	616 (610)	615 (610)	-	**925.800**	**765.000**
BLS 3010L	**BLS 3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	616 (610)	615 (610)	-	**936.500**	**695.000**
BLS 4010L	**BLS 4010L/K0**	4 x 10	Tuýp LED	616 (610)	615 (610)	-	**1.103.000**	**781.000**
BLS 1020L	**BLS 1020L/K0**	1 x 20	Tuýp LED	1225 (1220)	205 (210)	-	**714.000**	**599.000**
BLS 2020L	**BLS 2020L/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1225 (1220)	310 (306)	-	**964.000**	**734.000**
BLS 2020LW	**BLS 2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1225 (1220)	615 (610)	-	**1.485.000**	**1.255.000**
BLS 3020L	**BLS 3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1225 (1220)	615 (610)	-	**1.530.000**	**1.185.000**
BLS 4020L	**BLS 4020L/K0**	4 x 20	Tuýp LED	1225 (1220)	615 (610)	-	**1.942.000**	**1.482.000**

**** Kích thước trong ngoặc là kích thước của máng đèn dùng cho hệ trần Nhật***
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN TÁN QUANG ÂM TRẦN KHOÉT LỖ TẠI HIỆN TRƯỜNG - BLR (đưa từ dưới lên)
RECESSED PLASTER FLUORESCENT - BLR SERIES





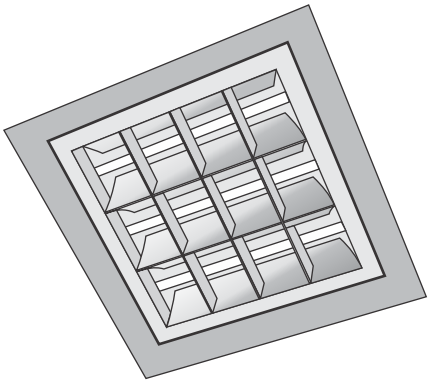
Mã số Model		SL bóng Công suất (W) Q.ty of lamp Rating	Kiểu bóng Lamp	KT khung máng Exposed frame dimension		KT đế máng (khoét trần) Hole opening dimension		SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
				Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width			
Có bóng	Không bóng								Có bóng	Không bóng
BLR 1018		1 x 18/20	HQ	635	225	614	171	-	**378.000**	
BLR 2018		2 x 18/20	HQ	635	330	614	277	-	**565.000**	
BLR 2018W		2 x 18/20	HQ	635	635	614	582	-	**905.000**	
BLR 3018		3 x 18/20	HQ	635	635	614	582	-	**905.000**	
BLR 4018		4 x 18/20	HQ	635	635	614	582	-	**1.163.000**	
BLR 1036		1 x 36/40	HQ	1244	225	1223	171	-	**630.000**	
BLR 2036		2 x 36/40	HQ	1244	330	1223	277	-	**875.000**	
BLR 2036W		2 x 36/40	HQ	1244	635	1223	582	-	**1.395.000**	
BLR 3036		3 x 36/40	HQ	1244	635	1222	582	-	**1.395.000**	
BLR 4036		4 x 36/40	HQ	1244	635	1223	582	-	**1.741.000**	
BLR 1010L	**BLR 1010L/K0**	1 x 10	Tuýp LED	635	225	614	171	-	**388.000**	**308.000**
BLR 2010L	**BLR 2010L/K0**	2 x 10	Tuýp LED	635	330	614	277	-	**586.000**	**425.000**
BLR 2010LW	**BLR 2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	635	635	614	582	-	**926.000**	**765.000**
BLR 3010L	**BLR 3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	635	635	614	582	-	**937.000**	**695.000**
BLR 4010L	**BLR 4010L/K0**	4 x 10	Tuýp LED	635	635	614	582	-	**1.103.000**	**883.000**
BLR 1020L	**BLR 1020L/K0**	1 x 20	Tuýp LED	1244	225	1223	171	-	**714.000**	**560.000**
BLR 2020L	**BLR 2020L/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1244	330	1223	277	-	**964.000**	**735.000**
BLR 2020LW	**BLR 2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1244	635	1223	582	-	**1.485.000**	**1.255.000**
BLR 3020L	**BLR 3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1244	635	1222	582	-	**1.530.000**	**1.185.000**
BLR 4020L	**BLR 4020L/K0**	4 x 20	Tuýp LED	1244	635	1223	582	-	**1.942.000**	**1.461.000**

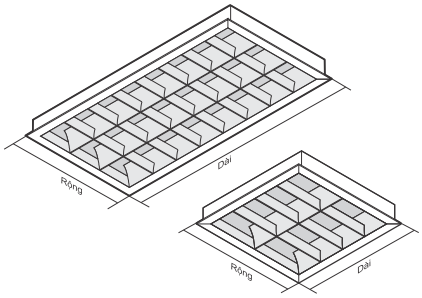
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

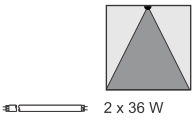
MÁNG ĐÈN ÂM TRẦN HỆ CHÂU ÂU
RECESSED MODULES EURO SYSTEMS

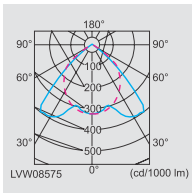
Thích hợp dùng cho văn phòng làm việc trần thạch cao, trần thả hoặc trần gỗ đặc biệt là các sảnh lớn
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Chóa tán quang: Làm bằng nhôm của Italy hàm lượng 99.85%, anod hóa bề mặt, hiệu suất phản xạ đạt 86%
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: FL18/20W; FL36/40W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast sắt từ ít tổn hao chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve



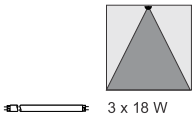


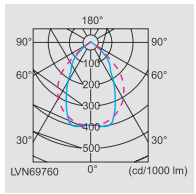
BFR 2036



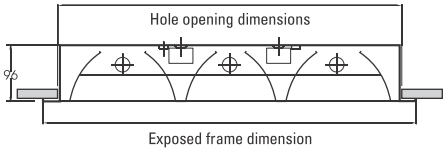


BFR 3018

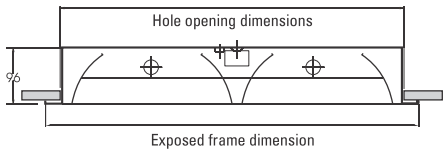




BFR 3018/ BFR 3036



BFR 2018W/ BFR 2036W



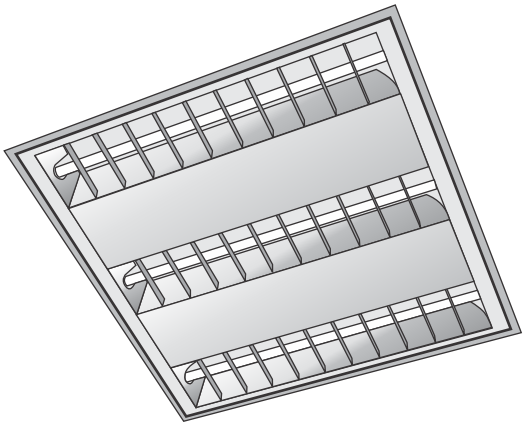
Mã số Model		SL bóng/Công suất (W) Q.ty of lamp/Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
Có bóng	Không bóng						Có bóng	Không bóng
BFR								
BFR 2018W		2 x 18/20	Huỳnh quang	631 (615)	635 (585)	-	**1.162.000**	
BFR 3018		3 x 18/20	Huỳnh quang	631 (615)	635 (585)	-	**1.162.000**	
BFR 2036W		2 x 36/40	Huỳnh quang	1246 (1230)	635 (585)	-	**1.782.000**	
BFR 3036		3 x 36/40	Huỳnh quang	1246 (1230)	635 (585)	-	**1.782.000**	
BFR 2010LW	**BFR 2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	631 (615)	635 (585)	-	**1.102.000**	**1.022.000**
BFR 3010L	**BFR 3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	631 (615)	635 (585)	-	**1.183.000**	**1.022.000**
BFR 2020LW	**BFR 2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1246 (1230)	635 (585)	-	**1.733.000**	**1.572.000**
BFR 3020L	**BFR 3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1246 (1230)	635 (585)	-	**1.743.000**	**1.502.000**

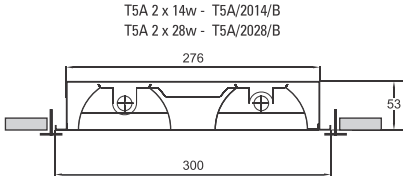
**** Kích thước trong ngoặc đơn () là kích thước khoét trần***
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

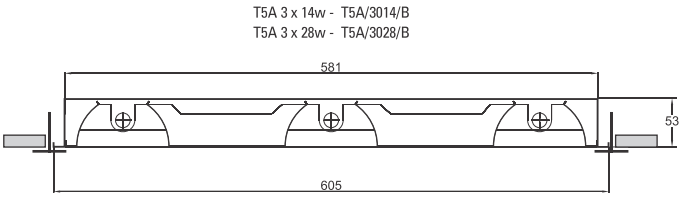
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

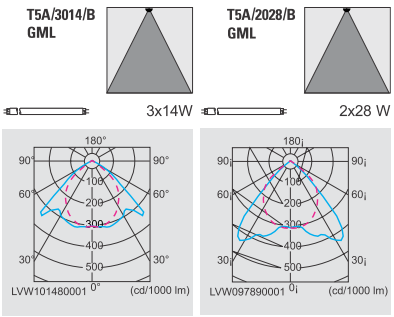
MÁNG ĐÈN TÁN QUANG DÙNG BÓNG T5A-605
T5A-605 FLUORESCENT RECESSED MODULES

Thích hợp dùng cho văn phòng, siêu thị, đại sảnh.
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Chóa tán quang: Làm bằng nhôm của Italy hàm lượng 99.85%, anod hóa bề mặt, hiệu suất phản xạ đạt 86%
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: T5-14W; T5-28W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast điện tử chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve









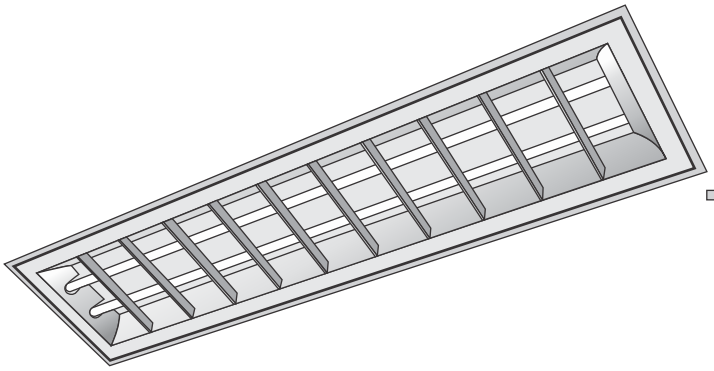
Mã số Model	SL bóng Công suất (W) Q.ty of lamp Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
T5A-605						
T5A/2014/B	2 x 14	T5 Huỳnh quang	605	300	-	**763.000**
T5A/3014/B	3 x 14	T5 Huỳnh quang	605	605	-	**1.222.000**
T5A/4014/B	4 x 14	T5 Huỳnh quang	605	605	-	**1.432.000**
T5A/2028/B	2 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	300	-	**1.162.000**
T5A/3028/B	3 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	605	-	**1.650.000**
T5A/4028/B	4 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	605	-	**1.937.000**
T5A/2009L/B	2 x 9	T5 LED	605	300	-	**993.000**
T5A/3009L/B	3 x 9	T5 LED	605	605	-	**1.567.000**
T5A/4009L/B	4 x 9	T5 LED	605	605	-	**1.892.000**
T5A/2018L/B	2 x 18	T5 LED	1215	300	-	**1.482.000**
T5A/3018L/B	3 x 18	T5 LED	1215	605	-	**2.180.000**
T5A/4018L/B	4 x 18	T5 LED	1215	605	-	**2.577.000**

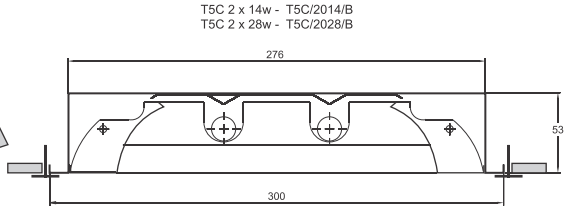
Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

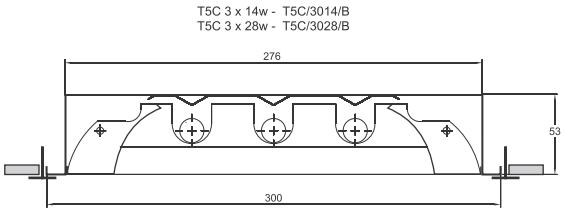
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN TÁN QUANG DÙNG BÓNG T5C-300
T5C-300 FLUORESCENT RECESSED MODULES

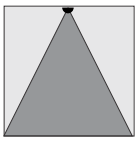
Thích hợp dùng cho văn phòng, siêu thị.
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Chóa tán quang: Làm bằng nhôm của Italy hàm lượng 99.85%, anod hóa bề mặt, hiệu suất phản xạ đạt 86%
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: T5-14W; T5-28W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast điện tử chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve



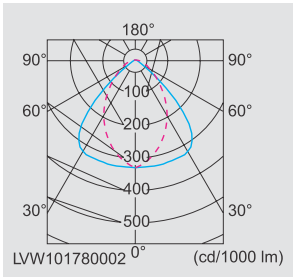




T5/C/3014
MML



3x14 W



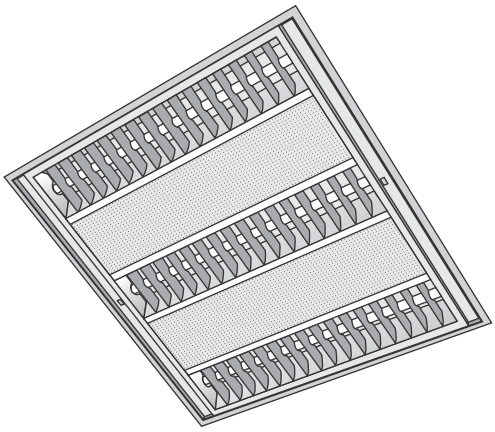
Mã số Model	SL bóng Công suất (W) Q.ty of lamp Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
T5C						
T5C/2014/B	2 x 14	T5 Huỳnh quang	605	300	-	**763.000**
T5C/3014/B	3 x 14	T5 Huỳnh quang	605	300	-	**1.222.000**
T5C/4014/B	4 x 14	T5 Huỳnh quang	605	605	-	**1.432.000**
T5C/2028/B	2 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	300	-	**1.162.000**
T5C/3028/B	3 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	300	-	**1.650.000**
T5C/4028/B	4 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	605	-	**1.937.000**
T5C/2009L/B	2 x 9	T5 LED	605	300	-	**993.000**
T5C/3009L/B	3 x 9	T5 LED	605	300	-	**1.567.000**
T5C/4009L/B	4 x 9	T5 LED	605	605	-	**1.892.000**
T5C/2018L/B	2 x 18	T5 LED	1215	300	-	**1.482.000**
T5C/3018L/B	3 x 18	T5 LED	1215	300	-	**2.180.000**
T5C/4018L/B	4 x 18	T5 LED	1215	605	-	**2.577.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

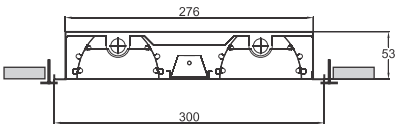
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN TÁN QUANG CÓ LỖ THOÁT KHÍ
RECESSED MODULES LIGHTING FITTING WITH AIR DRAIN HOLES

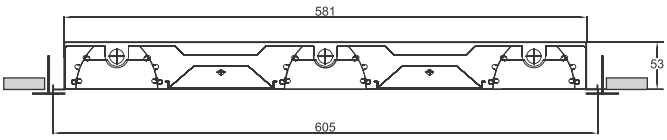
Thích hợp dùng cho đại sảnh, văn phòng làm việc, hành lang.
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Chóa tán quang: Làm bằng nhôm của Italy hàm lượng 99.85%, anod hóa bề mặt, hiệu suất phản xạ đạt 86%
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: T5-14W; T5-28W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast điện tử chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve

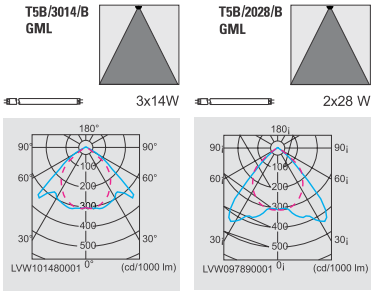


T5B 2 x 14w - T5B/2014/B
T5B 2 x 28w - T5B/2028/B



T5B 3 x 14w - T5B/3014/B
T5B 3 x 28w - T5B/3028/B





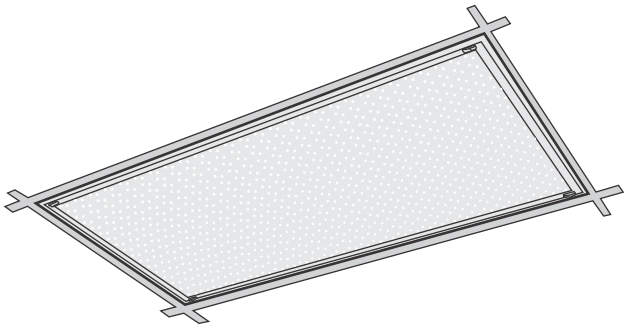
Mã số Model	SL bóng Công suất (W) Q.ty of lamp Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
T5B-605						
T5B/2014/B	2 x 14	T5 Huỳnh quang	605	300	-	**763.000**
T5B/3014/B	3 x 14	T5 Huỳnh quang	605	605	-	**1.222.000**
T5B/4014/B	4 x 14	T5 Huỳnh quang	605	605	-	**1.432.000**
T5B/2028/B	2 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	300	-	**1.162.000**
T5B/3028/B	3 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	605	-	**1.650.000**
T5B/4028/B	4 x 28	T5 Huỳnh quang	1215	605	-	**1.937.000**
T5B/2009L/B	2 x 9	T5 LED	605	300	-	**993.000**
T5B/3009L/B	3 x 9	T5 LED	605	605	-	**1.567.000**
T5B/4009L/B	4 x 9	T5 LED	605	605	-	**1.892.000**
T5B/2018L/B	2 x 18	T5 LED	1215	300	-	**1.482.000**
T5B/3018L/B	3 x 18	T5 LED	1215	605	-	**2.180.000**
T5B/4018L/B	4 x 18	T5 LED	1215	605	-	**2.577.000**

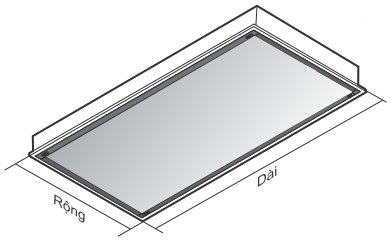
Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

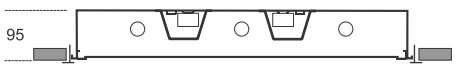
MÁNG ĐÈN ÂM TRẦN CÓ CHỤP MICA VÀ CÓ TẤM CHE BALLAST KIỂU M
RECESSED MODULE - ARM/M SERIES

Thích hợp dùng cho văn phòng làm việc, cao ốc khách sạn, trung tâm thương mại có trần T-Bar
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: FL18/20W; FL36/40W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast điện tử chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105^{0}C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve





ARM/M



Mã số Model		SL bóng/Công suất (W) Q.ty of lamp/Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
Có bóng	Không bóng						Có bóng	Không bóng
ARM/M								
ARM/M1018		1 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	195(193)	-	**378.000**	
ARM/M2018		2 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	300(298)	-	**506.000**	
ARM/M2018W		2 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	605(598)	-	**774.000**	
ARM/M3018		3 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	605(598)	-	**774.000**	
ARM/M4018		4 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	605(598)	-	**902.000**	
ARM/M1036		1 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	195(193)	-	**567.000**	
ARM/M2036		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	300(298)	-	**749.000**	
ARM/M2036W		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	605(598)	-	**1.188.000**	
ARM/M3036		3 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	605(598)	-	**1.188.000**	
ARM/M4036		4 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	605(598)	-	**1.494.000**	
ARM/M1010L	**ARM/M1010L/K0**	1 x 10	Tuýp LED	605(598)	195(193)	-	**388.000**	**308.000**
ARM/M2010L	**ARM/M2010L/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605(598)	300(298)	-	**527.000**	**366.000**
ARM/M2010LW	**ARM/M2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605(598)	605(598)	-	**795.000**	**634.000**
ARM/M3010L	**ARM/M3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	605(598)	605(598)	-	**805.000**	**564.000**
ARM/M4010L	**ARM/M4010L/K0**	4 x 10	Tuýp LED	605(598)	605(598)	-	**944.000**	**622.000**
ARM/M1020L	**ARM/M1020L/K0**	1 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	195(193)	-	**612.000**	**497.000**
ARM/M2020L	**ARM/M2020L/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	300(298)	-	**839.000**	**609.000**
ARM/M2020LW	**ARM/M2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	605(598)	-	**1.278.000**	**1.048.000**
ARM/M3020L	**ARM/M3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	605(598)	-	**1.323.000**	**978.000**
ARM/M4020L	**ARM/M4020L/K0**	4 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	605(598)	-	**1.374.000**	**1.214.000**

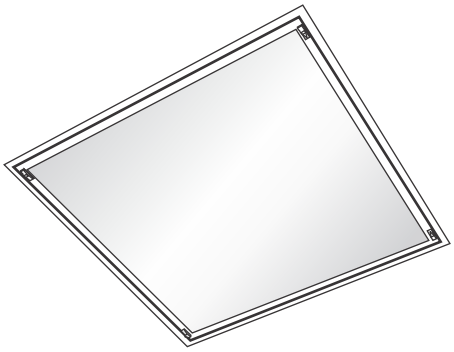
**** Kích thước trong ngoặc là kích thước của máng đèn dùng cho hệ trần Nhật***
**** Mã hàng hóa ở trên được hiểu là mã của "Máng đèn có mặt che Mica có vân tán xạ"***
Nếu muốn đặt hàng loại "Máng có tấm che Mica loại trắng mờ" thì ghi thêm chữ O vào cuối mã số. VD: ARM/M01020
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

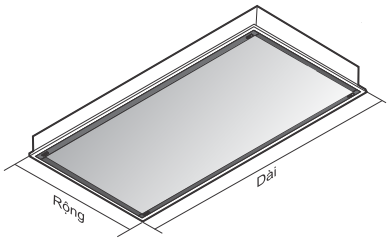
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN ÂM TRẦN CÓ CHỤP MICA, KHÔNG CÓ TẤM CHE BALLAST - ARM/HT

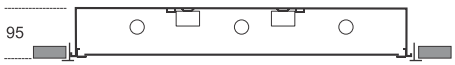
RECESSED MODULES - ARM/HT SERIES

Thích hợp dùng cho văn phòng làm việc, cao ốc khách sạn, trung tâm thương mại có trần T-Bar
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: FL18/20W; FL36/40W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast điện tử chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105^{0}C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve





ARM/HT



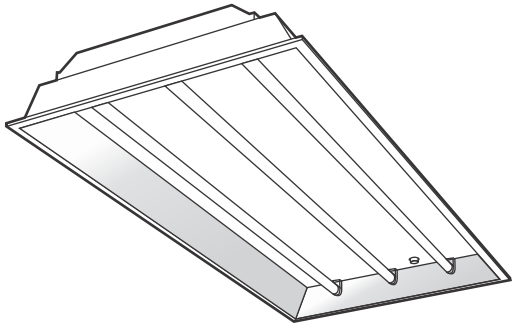
Mã số Model		SL bóng/Công suất (W) Q.ty of lamp/Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
Có bóng	Không bóng						Có bóng	Không bóng
ARM/HT								
ARM/HT1018		1 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	195(193)	-	**378.000**	
ARM/HT2018		2 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	300(298)	-	**506.000**	
ARM/HT2018W		2 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	605(598)	-	**774.000**	
ARM/HT3018		3 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	605(598)	-	**774.000**	
ARM/HT4018		4 x 18/20	Huỳnh quang	605(598)	605(598)	-	**902.000**	
ARM/HT1036		1 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	195(193)	-	**567.000**	
ARM/HT2036		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	300(298)	-	**749.000**	
ARM/HT2036W		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	605(598)	-	**1.188.000**	
ARM/HT3036		3 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	605(598)	-	**1.188.000**	
ARM/HT4036		4 x 36/40	Huỳnh quang	1215(1198)	605(598)	-	**1.494.000**	
ARM/HT1010L	**ARM/HT1010L/K0**	1 x 10	Tuýp LED	605(598)	195(193)	-	**388.000**	**308.000**
ARM/HT2010L	**ARM/HT2010L/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605(598)	300(298)	-	**527.000**	**366.000**
ARM/HT2010LW	**ARM/HT2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605(598)	605(598)	-	**795.000**	**634.000**
ARM/HT3010L	**ARM/HT3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	605(598)	605(598)	-	**805.000**	**564.000**
ARM/HT4010L	**ARM/HT4010L/K0**	4 x 10	Tuýp LED	605(598)	605(598)	-	**944.000**	**622.000**
ARM/HT1020L	**ARM/HT1020L/K0**	1 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	195(193)	-	**612.000**	**497.000**
ARM/HT2020L	**ARM/HT2020L/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	300(298)	-	**839.000**	**609.000**
ARM/HT2020LW	**ARM/HT2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	605(598)	-	**1.278.000**	**1.048.000**
ARM/HT3020L	**ARM/HT3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	605(598)	-	**1.323.000**	**978.000**
ARM/HT4020L	**ARM/HT4020L/K0**	4 x 20	Tuýp LED	1215(1198)	605(598)	-	**1.374.000**	**1.214.000**

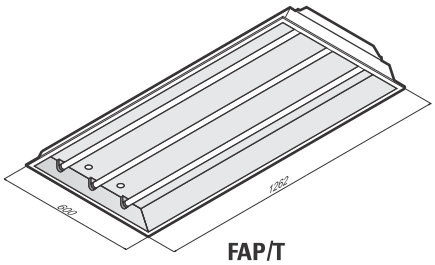
**** Kích thước trong ngoặc là kích thước của máng đèn dùng cho hệ trần Nhật***
**** Mã hàng hóa ở trên được hiểu là mã của "Máng đèn có mặt che Mica có vân tán xạ"***
Nếu muốn đặt hàng loại "Máng có tấm che Mica loại trắng mờ" thì ghi thêm chữ O vào cuối mã số. VD: ARM/HT01020
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

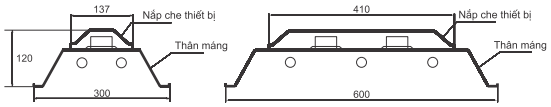
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN ÂM TRẦN SƠN TĨNH ĐIỆN CÓ TẤM CHE BALLAST MẶT SAU - FAP/T
RECESSED MODULES - FAP/T SERIES

Có hiệu quả chiếu sáng tốt với chi phí hợp lý. Phù hợp dùng trong nhà xưởng sản xuất, lắp ráp.
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: FL18/20W; FL36/40W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast điện tử chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve







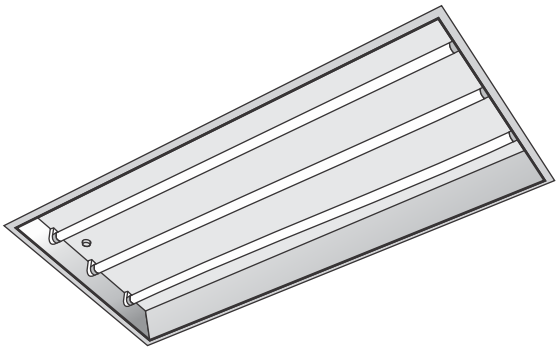
Mã số Model		SL bóng/Công suất (W) Q.ty of lamp/Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
Có bóng	Không bóng						Có bóng	Không bóng
FAP/T								
FAP/T 1018		1 x 18/20	Huỳnh quang	-	300	-	**380.000**	
FAP/T 2018		2 x 18/20	Huỳnh quang	-	300	-	**509.000**	
FAP/T 2018W		2 x 18/20	Huỳnh quang	-	600	-	**775.000**	
FAP/T 3018		3 x 18/20	Huỳnh quang	-	600	-	**775.000**	
FAP/T 4018		4 x 18/20	Huỳnh quang	-	600	-	**903.000**	
FAP/T 1036		1 x 36/40	Huỳnh quang	1262	300	-	**567.000**	
FAP/T 2036		2 x 36/40	Huỳnh quang	1262	300	-	**747.000**	
FAP/T 2036W		2 x 36/40	Huỳnh quang	1262	300	-	**1.188.000**	
FAP/T 3036		3 x 36/40	Huỳnh quang	1262	300	-	**1.188.000**	
FAP/T 4036		4 x 36/40	Huỳnh quang	1262	300	-	**1.495.000**	
FAP/T 1010L	**FAP/T 1010L/K0**	1 x 10	Tuýp LED	-	300	-	**390.000**	**310.000**
FAP/T 2010L	**FAP/T 2010L/K0**	2 x 10	Tuýp LED	-	300	-	**530.000**	**369.000**
FAP/T 2010LW	**FAP/T 2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	-	600	-	**800.000**	**635.000**
FAP/T 3010L	**FAP/T 3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	-	600	-	**806.000**	**565.000**
FAP/T 4010L	**FAP/T 4010L/K0**	4 x 10	Tuýp LED	-	600	-	**945.000**	**623.000**
FAP/T 1020L	**FAP/T 1020L/K0**	1 x 20	Tuýp LED	1262	300	-	**612.000**	**497.000**
FAP/T 2020L	**FAP/T 2020L/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1262	300	-	**837.000**	**607.000**
FAP/T 2020LW	**FAP/T 2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1262	300	-	**1.278.000**	**1.048.000**
FAP/T 3020L	**FAP/T 3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1262	300	-	**1.323.000**	**978.000**
FAP/T 4020L	**FAP/T 4020L/K0**	4 x 20	Tuýp LED	1262	300	-	**1.675.000**	**1.215.000**

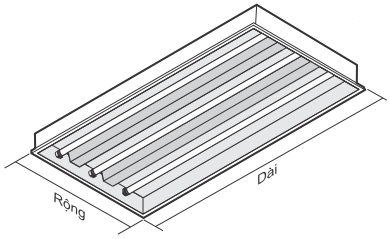
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN ÂM TRẦN SƠN TĨNH ĐIỆN CÓ TẤM CHE BALLAST KIỂU M - FAP/M
RECESSED MODULES - FAP/M SERIES

Có hiệu quả chiếu sáng tốt với chi phí hợp lý. Phù hợp dùng trong nhà xưởng sản xuất, lắp ráp.
Thân đèn: Làm bằng thép tấm của Nhật Bản
Lớp phủ bề mặt: Toàn bộ được sơn phủ bằng sơn tĩnh điện màu trắng của Na Uy chống ngả màu
Kiểu bóng đèn: FL18/20W; FL36/40W hoặc LED
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~
Ballast: Ballast điện tử chính hãng
Dây điện: Dây điện chống cháy HR 105°C
Đui đèn,đui tắc te: Sử dụng nguyên liệu Polycarbonate chống cháy, chống mô-ve





FAP/M

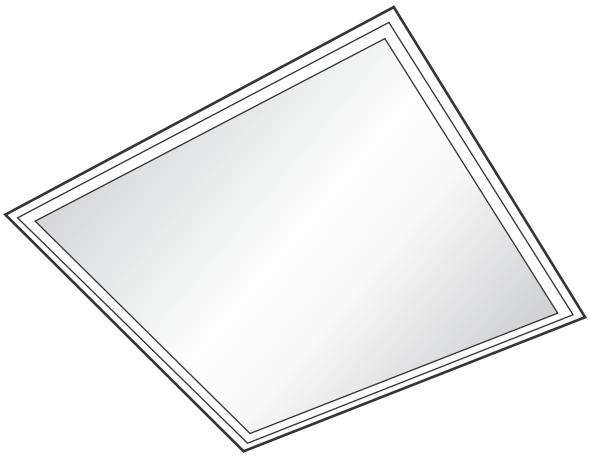


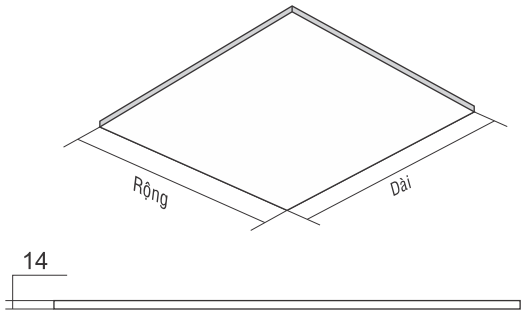
Mã số Model		SL bóng/Công suất (W) Q.ty of lamp/Rating	Kiểu bóng Lamp	Dài (mm) Length	Rộng (mm) Width	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
Có bóng	Không bóng						Có bóng	Không bóng
FAP/M								
FAP/M 1018		1 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	195 (193)	-	**380.000**	
FAP/M 2018		2 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	300 (298)	-	**509.000**	
FAP/M 2018W		2 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	605 (598)	-	**775.000**	
FAP/M 3018		3 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	605 (598)	-	**775.000**	
FAP/M 4018		4 x 18/20	Huỳnh quang	605 (598)	605 (598)	-	**903.000**	
FAP/M 1036		1 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	195 (193)	-	**567.000**	
FAP/M 2036		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	300 (298)	-	**747.000**	
FAP/M 2036W		2 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.188.000**	
FAP/M 3036		3 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.188.000**	
FAP/M 4036		4 x 36/40	Huỳnh quang	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.495.000**	
FAP/M 1010L	**FAP/M 1010L/K0**	1 x 10	Tuýp LED	605 (598)	195 (193)	-	**390.000**	**310.000**
FAP/M 2010L	**FAP/M 2010L/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605 (598)	300 (298)	-	**530.000**	**369.000**
FAP/M 2010LW	**FAP/M 2010LW/K0**	2 x 10	Tuýp LED	605 (598)	605 (598)	-	**800.000**	**635.000**
FAP/M 3010L	**FAP/M 3010L/K0**	3 x 10	Tuýp LED	605 (598)	605 (598)	-	**806.000**	**565.000**
FAP/M 4010L	**FAP/M 4010L/K0**	4 x 10	Tuýp LED	605 (598)	605 (598)	-	**945.000**	**623.000**
FAP/M 1020L	**FAP/M 1020L/K0**	1 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	195 (193)	-	**612.000**	**497.000**
FAP/M 2020L	**FAP/M 2020L/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	300 (298)	-	**837.000**	**607.000**
FAP/M 2020LW	**FAP/M 2020LW/K0**	2 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.278.000**	**1.048.000**
FAP/M 3020L	**FAP/M 3020L/K0**	3 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.323.000**	**978.000**
FAP/M 4020L	**FAP/M 4020L/K0**	4 x 20	Tuýp LED	1215 (1198)	605 (598)	-	**1.675.000**	**1.215.000**

**** Kích thước trong ngoặc là kích thước của máng đèn dùng cho hệ trần Nhật***
**** Bộ máng đèn truyền thống sử dụng bóng Led nhôm nhựa, có thể thay loại bóng Led khác theo yêu cầu quý khách (giá sẽ thay đổi tuỳ theo loại bóng quý khách chọn)***

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: TCVN 3833:1998; IEC 60598-2-2:1997; IEC 60068-2-30:2005; BS EN 60598-2-2:1997

MÁNG ĐÈN LED PANEL
LED PANEL LIGHTING FITTING

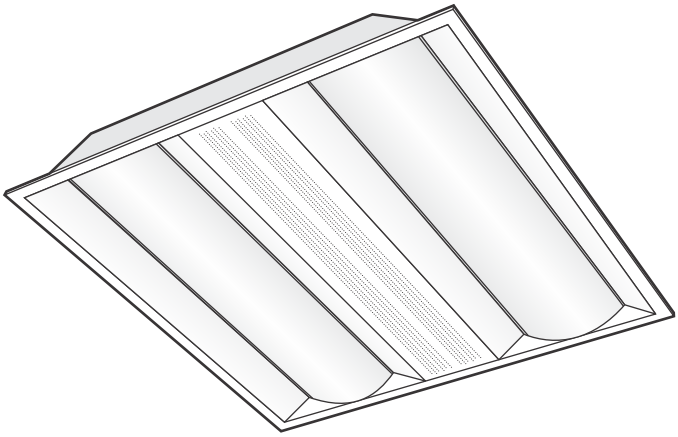


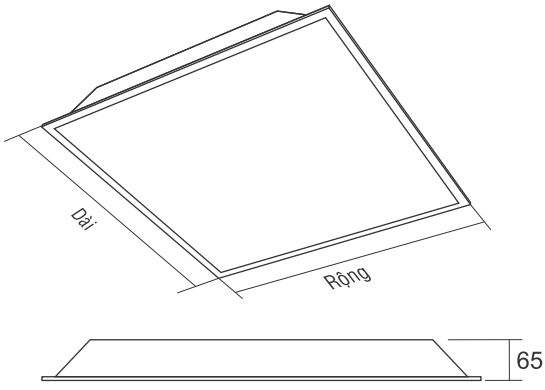


Mã số Model	Công suất (W) Rating	Rộng (mm) Width	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
LP3030/18	18	300	300	2	**520.000**
LP3060/28	28	300	600	2	**712.000**
LP30120/40	40	300	1200	2	**895.000**
LP30120/50	50	300	1200	2	**1.005.000**
LP6060/40	40	600	600	2	**895.000**
LP6060/50	50	600	600	2	**1.005.000**
LP60120/80	80	600	1200	2	**1.300.000**

** Mã trên là mã của loại Máng khung nhôm sơn tĩnh điện. Muốn đặt Máng khung nhôm điện hóa thêm DH vào cuối.*
VD: LP30120/50/DH

MÁNG ĐÈN LED ÂM TRẦN CRM
CRM LED RECCESSED FIXTURE

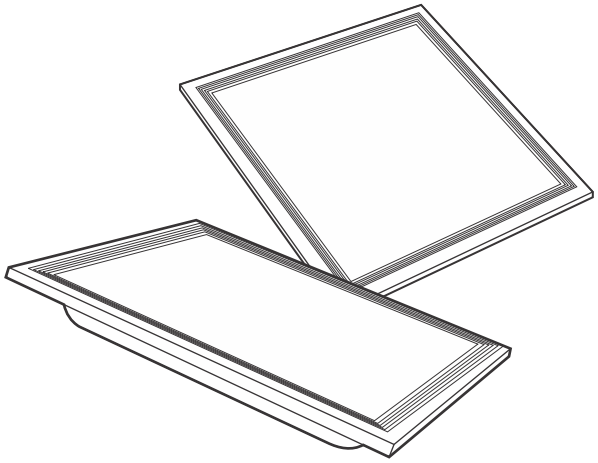


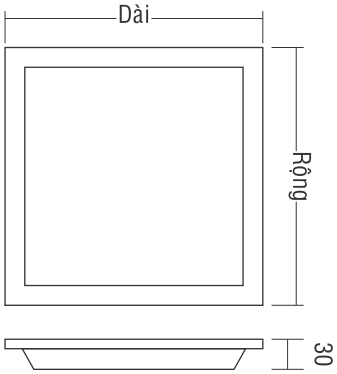


Mã số Model	Công suất (W) Rating	Rộng (mm) Width	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
CRM0606/36L	36	600	600	2	**734.000**
CRM0312/36L	36	300	1200	2	**734.000**
CRM0612/72L	72	600	1200	2	**1.078.000**

*Thêm mã màu ánh sáng vào cuối: Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng vàng = **3000K***

MÁNG ĐÈN LED PANEL CHIẾU THẲNG
LED PANEL LIGHTING FITTING

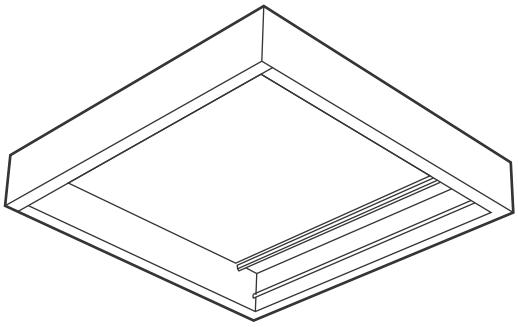


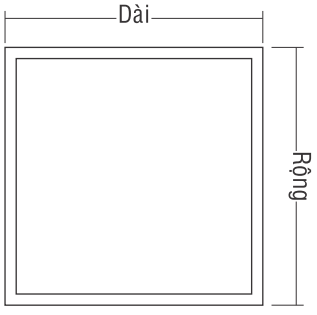


Mã số Model	Công suất (W) Rating	Rộng (mm) Width	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price	
					cosφ 0.5	*cosφ 0.9*
LPD3030/20	20	300	300	2	**364.000**	
LPD3030/24	24	300	300	2	**380.000**	
LPD3060/30	30	300	600	2	**498.000**	**548.000**
LPD6060/40	40	600	600	2	**626.500**	**689.000**
LPD6060/50	50	600	600	2	**736.000**	**810.000**
LPD6060/60	60	600	600	2	**865.000**	
LPD30120/40	40	300	1200	2	**626.000**	
LPD30120/50	50	300	1200	2	**736.000**	**810.000**
LPD60120/80	80	600	1200	2	**1.028.000**	

** Mã trên là mã của đèn với hệ số công suất (cosφ 0.5), có thể đặt loại có hệ số công suất (cosφ 0.9). Ví dụ: LPD3060/30/6500K/0.9*

KHUNG LẮP NỔI ĐÈN LED PANEL
-



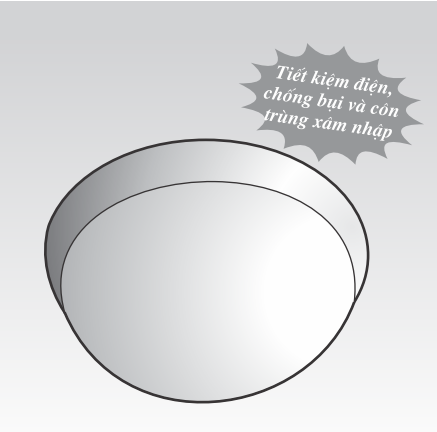


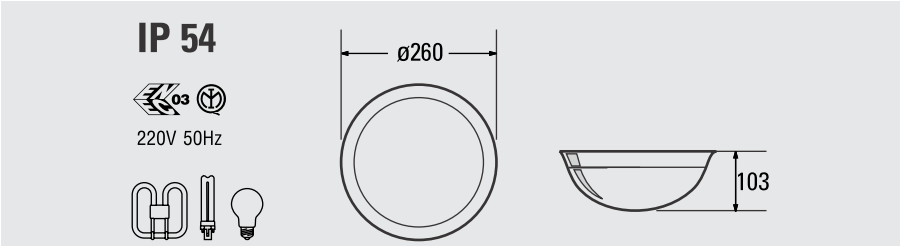
Mã số Model	Rộng (mm) Width	Dài (mm) Length	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
KDN303	300	300	24	**120.000**
KDN306	300	600	12	**170.000**
KDN312	300	1200	25	**300.000**
KDN606	600	600	12	**220.000**
KDN612	600	1200	25	**380.000**

ĐÈN TRANG TRÍ - DECORATIVE LIGHTS

ĐÈN ỐP TRẦN DECOR CHỐNG BỤI

Chụp đèn mờ cho ánh sáng phân bố đều
Đế đèn và chụp đèn được đúc liền , tăng độ bền.
Đế đèn: Làm bằng nhựa có gia cường sợi thủy tinh, tăng cường độ chịu lực.
Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate chống va đập, chống ngả màu, không lão hóa, tăng tuổi thọ và hiệu suất chiếu sáng của đèn. Thích hợp với nhiều loại bóng đèn khác nhau. Kèm theo ốc vít và cầu đấu dây.
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~





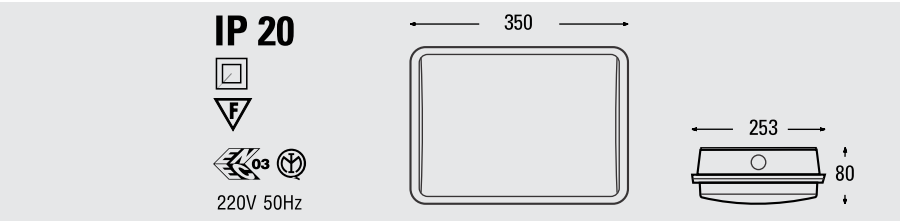
Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
VBD1060	1 x 60W - E27	-	**250.000**
VBD1012L	12W LED	30	**315.000**
VBD1015L	15W LED	30	**345.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

ĐÈN ỐP TRẦN ECOLUX CHỐNG BỤI

Đèn trang trí dùng trong nhà, ngăn bụi bẩn và côn trùng xâm nhập. Toàn bộ vật liệu là nhựa chịu nhiệt, chịu va đập. Thích hợp khi gắn âm trần, có thể gắn nổi trong nhà, hành lang, ban công.
Chụp đèn: Có 2 loại chụp đèn mờ và vân sọc.
Thân đèn: Làm bằng nhựa chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng.
Chóa đèn: Làm bằng nhôm phản quang thuần khiết với hệ số phản xạ cao.
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~. Có bộ lưu điện đi kèm nếu đặt hàng.





Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
Đèn chụp loại đèn mờ - Opal diffuser			
ECO1018L	18W LED	21	**550.000**
Đèn loại chụp vân sọc - Prismatic reeding diffuser			
EC1018L	18W LED	21	**550.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN ỐP TRẦN NICEM CHỐNG BỤI

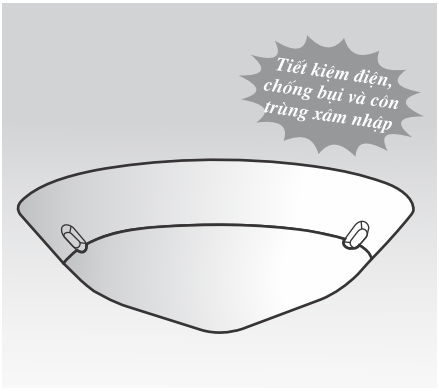
Đèn trang trí đa dụng có thể lắp được với nhiều loại bóng đèn khác nhau như: Bóng sợi đốt, bóng compact, bóng tuýp vòng...Chống bụi và côn trùng xâm nhập.

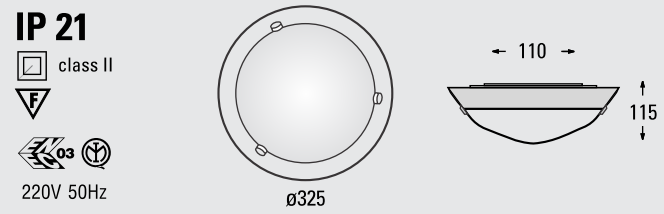
Thân đèn: Làm bằng nhựa ABS.

Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ, chịu nhiệt , chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng.

Chóa đèn: Là tấm thép sơn tĩnh điện màu trắng chống rỉ sét và cho độ phản quang cao.

Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~





Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
NE1060	1 x 60W GLS - E27	14	**355.000**
NE1018L	18W LED	14	**396.000**
NE/S/1018L (*)	18W LED	14	**470.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn
(*) Đèn cảm biến

ĐÈN DOWNLIGHT JUPITER

Đèn Downlight thân nhựa phù hợp tiêu chuẩn BSEN 60598-1 thích hợp cho các ứng dụng chuyên nghiệp như khách sạn, căn hộ, trung tâm thương mại...

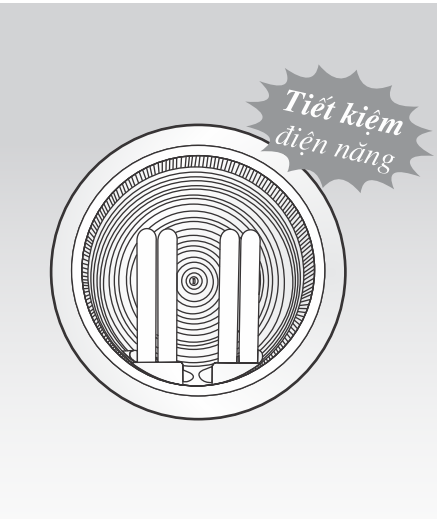
Khung đèn: Được thiết kế độc đáo - đúc liền với hộp chứa ballast bằng nhựa Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả màu, không sợ rỉ sét hay rò điện ra trần nhà.

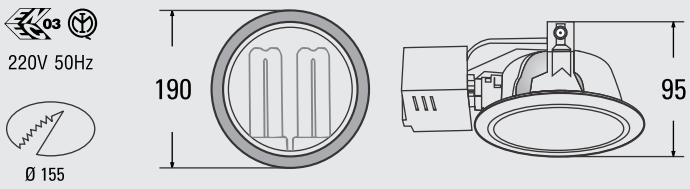
Chóa đèn: Làm bằng nhôm thuần khiết hàm lượng cao - anod hóa

Tai cài: Làm bằng thép mạ kẽm chắc chắn, kẹp chặt trên trần nhà.

Đui đèn: Polycarbonate chịu nhiệt, độ bền cao, chống mô-ve điện.

Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~





Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
JP1060	1 X 60W GLS - E27	-	**259.000**
JP1010	1 X 10W PLC	-	**395.000**
JP2010	2 X 10W PLC	-	**542.000**
JP1013	1 X13W PLC	-	**419.000**
JP2013	2 X 13W PLC	-	**600.000**
JP1018	1 X 18W PLC	-	**455.000**
JP2018	2 X 18W PLC	-	**636.000**
JP1026	1 X 26W PLC	-	**528.000**
JP2026	2 X 26W PLC	-	**708.000**
JP1070	1 X 70W HQL	-	**984.000**
JP1150	1 X 150W HQL	-	**1.260.000**
JP2007L	2 x 7W LED	-	**1.260.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN ỐP TRẦN RAMI CHỐNG BỤI

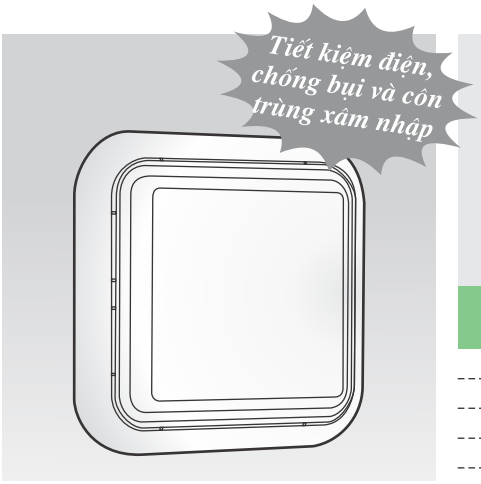
Đèn trang trí nội thất có chụp kín, thiết kế nhỏ gọn, tiết kiệm điện năng

Thân đèn: Làm bằng nhựa ABS chịu nhiệt, chịu va đập.

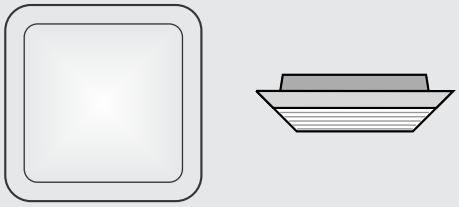
Chóa đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate với hệ số phản xạ cao.

Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ, có vân sọc bên trong, chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng

Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



IP 40
class II
F
220V 50Hz



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
RM15LWH	15W LED	1	**345.000**
RM15LBK	15W LED	1	**380.000**
RM15LRD	15W LED	1	**380.000**
RM18LWH	18W LED	1	**390.000**
RM18LBK	18W LED	1	**430.000**
RM18LRD	18W LED	1	**430.000**

WH = WHITE / Viền màu trắng; BK = Black / Viền màu đen; RD = Red / Viền màu đỏ

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

ĐÈN GẮN TƯỜNG POKET CHỐNG BỤI

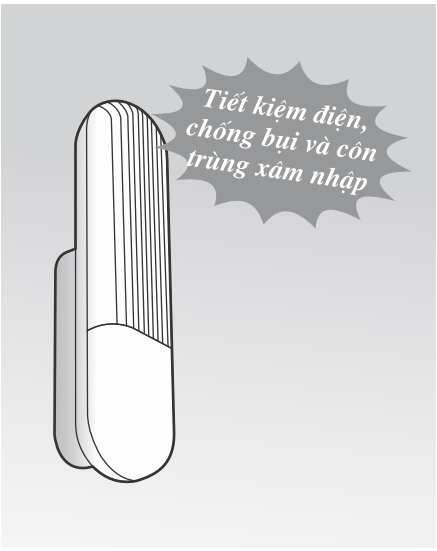
Đèn trang trí nội thất sử dụng chip led tiết kiệm điện. Toàn bộ vật liệu đều là polycarbonate, thích hợp cho những vị trí chiếu sáng thường xuyên như hành lang, lối đi...

Thân đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate

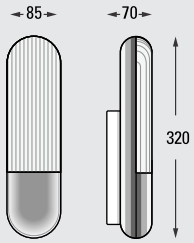
Chóa đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate với hệ số phản xạ cao.

Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ có vân sọc, chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng.

Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



IP 40
class II
F
220V 50Hz



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
PK08LWH	8W LED	1	**315.000**
PK08LBK	8W LED	1	**378.000**

WH = White / Thân màu trắng

BK = Black / Thân màu đen

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

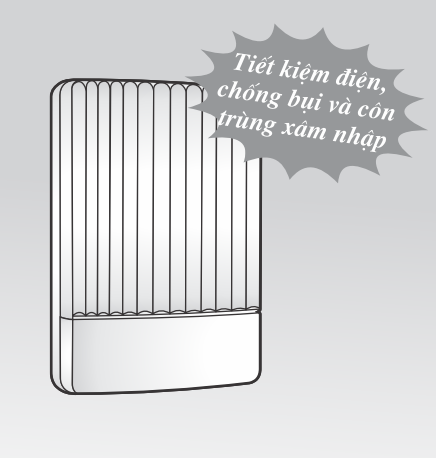
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN GẮN TƯỜNG S-THIN CHỐNG BỤI

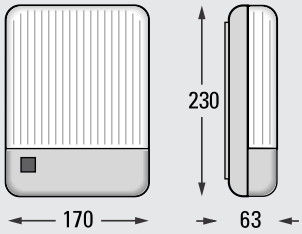
Đèn trang trí nội thất siêu mỏng (bề dày chỉ 63mm) sử dụng chip led tiết kiệm điện. Thích hợp cho những vị trí chiếu sáng thường xuyên như hành lang, lối đi, chiếu sáng cầu thang.

Có 2 loại đèn: - Loại tiêu chuẩn
- Loại có dây cắm và công tắc kèm theo

Thân đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate.
Chóa đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate với hệ số phản xạ cao.
Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ có vân sọc, chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng.
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



IP 40
class II
220V 50Hz



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
ST10LWH	10W LED	1	**342.800**
ST10LRD	10W LED	1	**411.000**
ST15LWH	15W LED	1	**365.000**
ST15LRD	15W LED	1	**436.800**

WH = White / Đế màu trắng
RD = Red / Đế màu đỏ

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

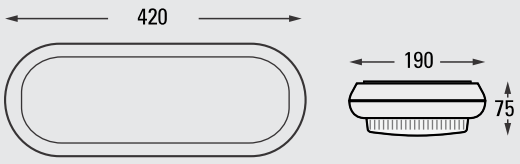
ĐÈN ỐP TRẦN ELIP CHỐNG BỤI

Đèn trang trí dùng trong nhà và ngoài trời với cấp độ bảo vệ cao. Toàn bộ vật liệu đều là Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập và áp suất cao. Thích hợp cho chiếu sáng trang trí nội thất, trung tâm thương mại và căn hộ.

Thân đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate
Chóa đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate trắng thuần khiết với hệ số phản xạ cao.
Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ, chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng - có vân sọc bên trong
Khung viền đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate tự chống cháy.
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



IP 54
class II
220V 50Hz



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
EL18LWH	18W LED	1	**581.000**
EL18LRD	18W LED	1	**697.000**
EL18LBK	18W LED	1	**697.000**

WH = White / Viền màu trắng
RD = Red / Viền màu đỏ
BK = Black / Viền màu đen

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

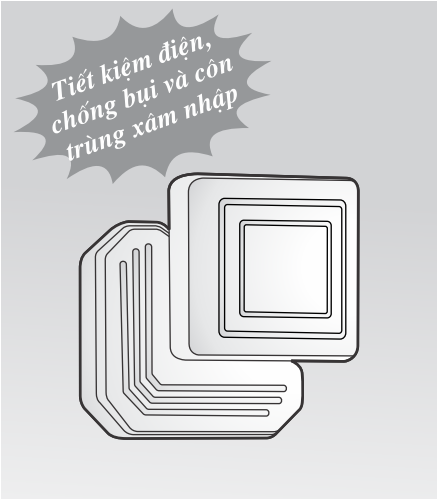
ĐÈN GẮN TƯỜNG MODUL CHỐNG BỤI

Đèn trang trí sử dụng chip led tiết kiệm điện. Đơn giản và tao nhã. Lý tưởng cho trang trí nội thất và các ứng dụng chuyên nghiệp. Được thiết kế đặc biệt để có thể kết hợp với nhau tạo thành dãy đèn dạng mô - đun dùng cho các ứng dụng cần độ sáng lớn. Có 2 màu đen và trắng để lựa chọn. Ngăn bụi bẩn và côn trùng xâm nhập.

Thân đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonnate

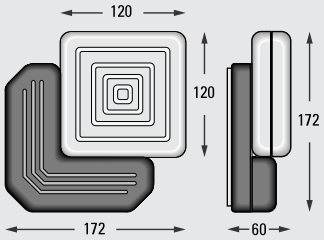
Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ, chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng, có vân sọc bên trong.

Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



IP 40

class II



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
MD06LWH	6W LED	1	**336.000**
MD06LBK	6W LED	1	**403.500**

WH = White / Thân màu trắng
BK = Black / Thân màu đen

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

ĐÈN GẮN TƯỜNG RUBIC CHỐNG THẤM

Đèn trang trí dùng trong nhà và ngoài trời sử dụng chip led tiết kiệm điện với cấp độ bảo vệ cao. Toàn bộ vật liệu đều là Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập, chịu mọi thời tiết. Thích hợp cho chiếu sáng ở những vị trí ngoài trời, thời tiết khắc nghiệt.

Thân đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate

Chóa đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng - trắng thuần khiết với hệ số phản xạ cao

Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ, có vân sọc.

Khung viền đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate.

Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~

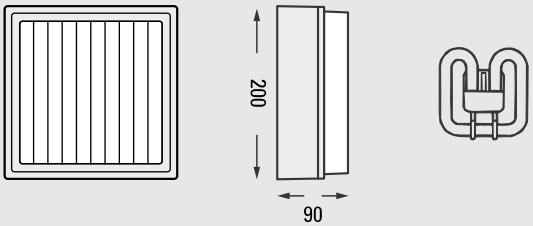


IP 65

class II

EN 60598-1

220V 50Hz



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
RB15LWH	15W LED	1	**571.000**
RB15LBK	15W LED	1	**685.000**
RB/S/15/WH (*)	15W LED	1	**611.000**
RB/S/15/BK (*)	15W LED	1	**725.000**

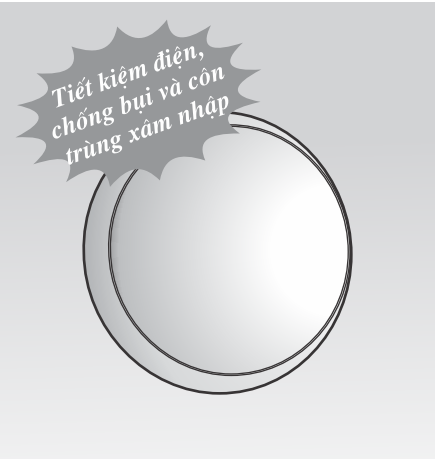
WH = White / Viền màu trắng
BK = Black / Viền màu đen

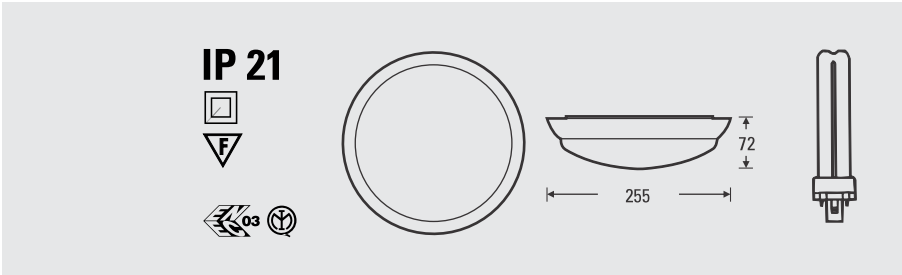
Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn
(*) Đèn cảm biến

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN ỐP TRẦN ROLLDY CHỐNG BỤI

Bộ đèn tròn tiết kiệm điện năng. Được thiết kế đặc biệt nhỏ gọn phù hợp cho treo tường hoặc gắn trần.
Siêu mỏng thích hợp cho nhiều ứng dụng cho lắp đặt ngoài trời và trong nhà.
Siêu tiết kiệm điện. Có thể lắp thêm bộ sensor điều khiển công tắc bật/tắt tùy theo ánh sáng trong môi trường lắp đặt.
Chụp đèn mờ cho ánh sáng dịu êm.
Màu sắc : Màu trắng điện.
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



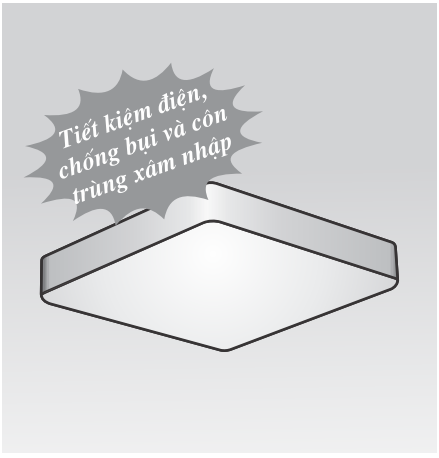


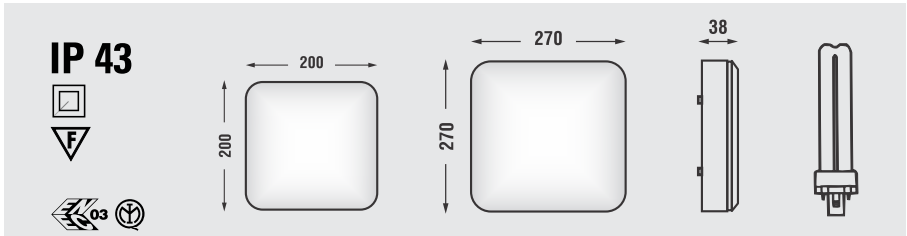
Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
RO1012LWH	12W LED	1	**290.000**
RO1015LWH	15W LED	1	**333.000**
RO1018LWH	18W LED	1	**382.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

ĐÈN ỐP TRẦN CARRY CHỐNG BỤI

Đèn vuông tiết kiệm điện năng. Được thiết kế đặc biệt nhỏ gọn phù hợp cho treo tường hoặc gắn trần.
Siêu mỏng thích hợp cho nhiều ứng dụng cho lắp đặt ngoài trời và trong nhà.
Chống mưa, bụi bẩn và côn trùng xâm nhập(IP43).
Siêu tiết kiệm điện. Có thể lắp thêm bộ sensor điều khiển công tắc bật / tắt tùy theo ánh sáng trong môi trường lắp đặt.
Chụp đèn mờ cho ánh sáng dịu êm
Màu sắc: Màu trắng điện
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~





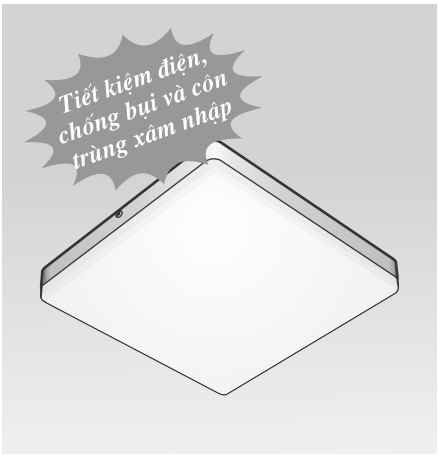
Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
CR/200/18W/...	18W LED	12	**220.000**
CR/270/24W/...	24W LED	8	**272.800**
CR/270/30W/...	30W LED	8	**305.000**
CR/PIR/200/18W/...(*)	18W LED	12	**286.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn
(*) Đèn cảm biến hồng ngoại

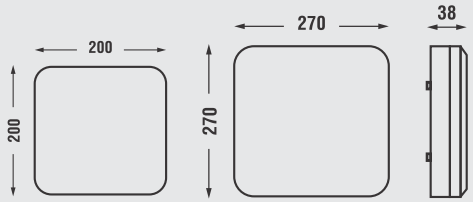
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN ỐP TRẦN CARRY TRÀN VIỀN

Đèn vuông tiết kiệm điện năng. Được thiết kế đặc biệt nhỏ gọn phù hợp cho treo tường hoặc gắn trần.
Siêu mỏng thích hợp cho nhiều ứng dụng cho lắp đặt ngoài trời và trong nhà.
Chống mưa, bụi bẩn và côn trùng xâm nhập(IP43).
Siêu tiết kiệm điện.
Chụp đèn mờ cho ánh sáng dịu êm
Màu sắc: Màu trắng điện
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



IP 43



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
CRV/200/18W/...	18W LED	12	**220.000**
CRV/270/24W/...	24W LED	8	**272.800**
CRV/270/30W/...	30W LED	8	**305.000**

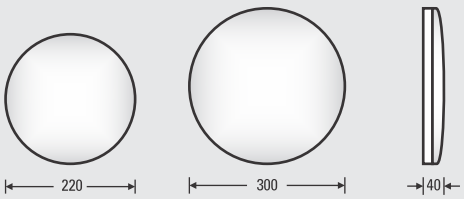
Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

ĐÈN ỐP TRẦN CARRY TRÒN CHỐNG BỤI

Đèn tròn tiết kiệm điện năng. Được thiết kế đặc biệt nhỏ gọn phù hợp cho treo tường hoặc gắn trần.
Siêu mỏng thích hợp cho nhiều ứng dụng cho lắp đặt ngoài trời và trong nhà.
Chống mưa, bụi bẩn và côn trùng xâm nhập(IP43).
Siêu tiết kiệm điện. Có thể lắp thêm bộ sensor điều khiển công tắc bật / tắt tùy theo ánh sáng trong môi trường lắp đặt.
Chụp đèn mờ cho ánh sáng dịu êm
Màu sắc: Màu trắng điện
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~



IP 43



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
CRT/220/18W/...	18W LED	12	**216.000**
CRT/300/24W/...	24W LED	8	**268.000**
CRT/300/30W/...	30W LED	8	**348.000**
CRT/PIR/220/18W/...(*)	18W LED	12	**280.000**

(*) Đèn cảm biến hồng ngoại

*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN GẮN TƯỜNG TRIK CHỐNG THẤM

Bộ đèn trang trí dùng trong nhà và ngoài trời. Thích hợp cho chiếu sáng ở những vị trí ngoài trời, nơi có thời tiết khắc nghiệt và đòi hỏi chi phí điện năng thấp.

Có 2 loại đèn: Loại tiêu chuẩn và loại có mặt che.

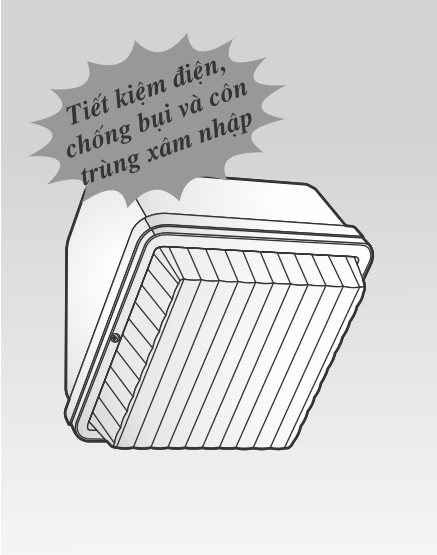
Thân đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate.

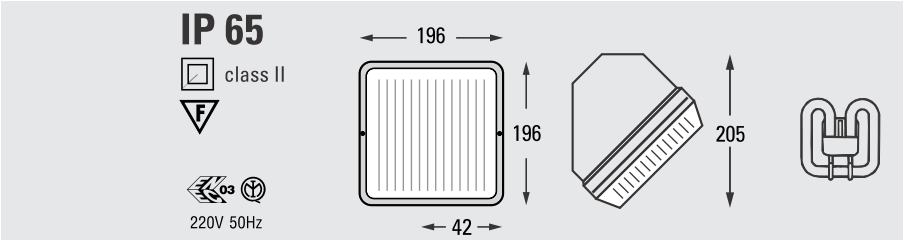
Chóa đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate trắng thuần khiết với hệ số phản xạ cao.

Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ chống tia cực tím,chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng, có vân sọc bên trong.

Bộ gá cột đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate hoặc bằng ống thép sơn tĩnh điện dùng với cột Ø60mm có vít chìm chống trộm.

Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~





Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
Đèn Trik loại tiêu chuẩn			
TK15LWH	15W LED	1	**1.118.000**
TK15LBK	15W LED	1	**1.340.000**
TK/S/15/WH (*)	15W LED	1	**1.146.000**
TK/S/15/BK (*)	15W LED	1	**1.368.000**
Đèn Trik loại có chụp che bằng lưới sắt			
TKG15LWH	15W LED	1	**2.280.000**
TKG15LBK	15W LED	1	**2.736.000**

WH = White / Thân màu trắng
BK = Black / Thân màu đen

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn
(*) Đèn cảm biến

Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN TRANG TRÍ CHIP

Sê-ri đèn trang trí cao cấp dùng bóng sợi đốt hoặc bóng compact. Với cấp độ bảo vệ Ip54 chống bụi, chất lỏng và côn trùng xâm nhập. **Chip** được ứng dụng cho lắp đặt ngoài trời, trong công nghiệp, dân dụng, thương mại và các ứng dụng trong trang trí nội thất.

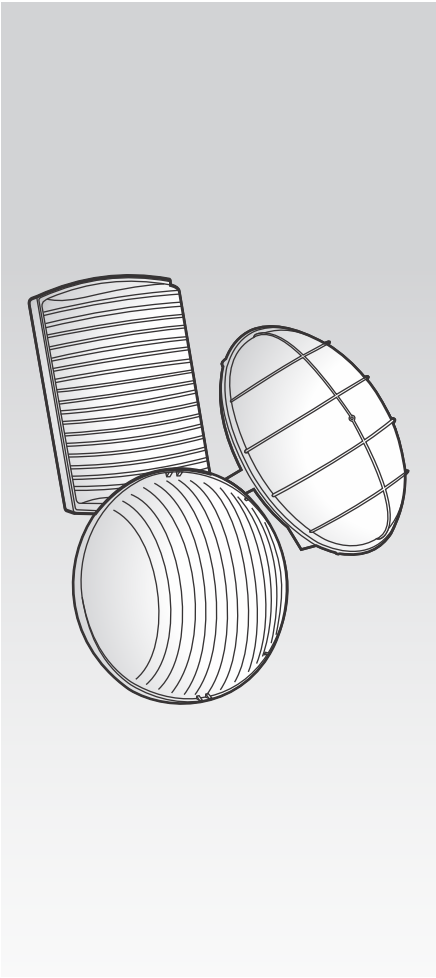
Thân đèn: Làm bằng nhựa **Polycarbonate chống tia cực tím.**

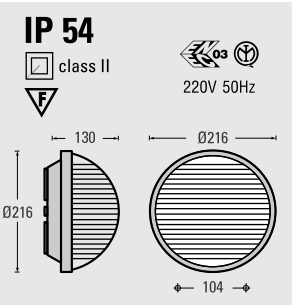
Chóa đèn: Làm bằng thép được xử lý cho độ phản xạ cao.

Chụp đèn: Làm bằng nhựa Polycarbonate mờ, chịu nhiệt, chịu va đập, không ngả vàng trong quá trình sử dụng. Chụp đèn được gắn với thân đèn bằng 4 khóa cài bên trong.

Đui đèn: Làm bằng nhựa phe-non dẻo chịu nhiệt độ cao.

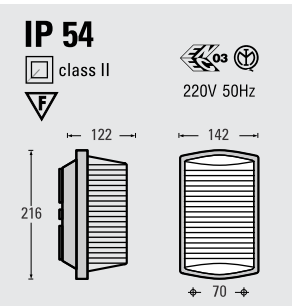
Điện áp sử dụng: 220V/50Hz / **Dải điện áp hoạt động:** 150V÷250V~





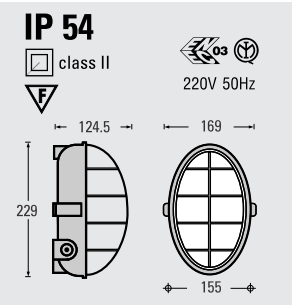
ĐÈN GẮN TƯỜNG GLOB CHỐNG THẤM

Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
GL/WH	E27	1	300.000
GL/BK	E27	1	368.000
GL12LWH	12W LED	1	286.500
GL12LBK	12W LED	1	286.500
GL/S/7/WH (*)	7W LED	1	261.500
GL/S/7/BK (*)	7W LED	1	261.500



ĐÈN GẮN TƯỜNG ROL CHỐNG THẤM

Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
ROL/WH	E27	1	300.000
ROL/BK	E27	1	368.000
ROL9LWH	9W LED	1	278.500
ROL9LBK	9W LED	1	278.500
ROL/S/7/WH (*)	7W LED	1	255.000
ROL/S/7/BK (*)	7W LED	1	255.000



ĐÈN GẮN TƯỜNG EDI CHỐNG THẤM

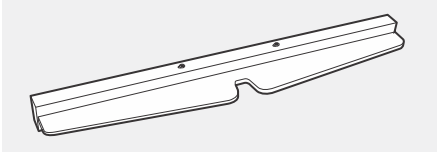
Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
ED/WH	E27	1	300.000
ED/BK	E27	1	368.000
ED7LWH	7W LED	1	278.500
ED7LBK	7W LED	1	278.500
ED/S/7/WH (*)	7W LED	1	255.000
ED/S/7/BK (*)	7W LED	1	255.000

WH = White / Viền màu trắng; BK = Black / Viền màu đen

Giá đèn sợi đốt không bao gồm bóng

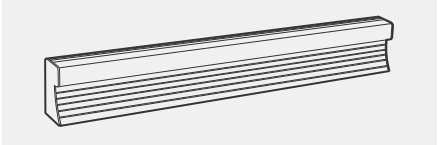
(*) Đèn cảm biến

ĐÈN LED CHIẾU GƯƠNG G02



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
DG02L8W/...	8W	1	352.000

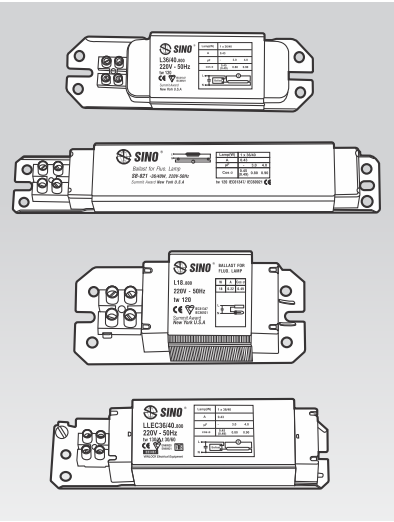
ĐÈN LED CHIẾU GƯƠNG G04



Mã số Model	Diễn giải Description	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
DG04L6W/...	6W	1	158.000
DG04L8W/...	8W	1	278.000

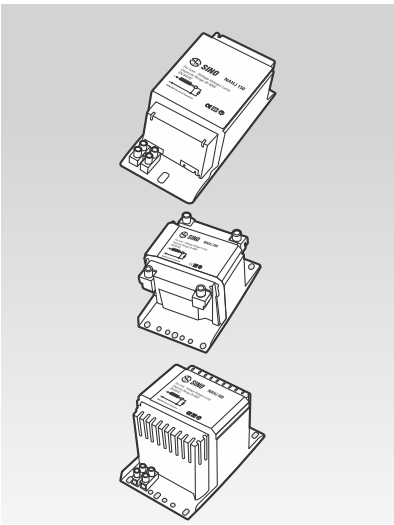
*"..." chọn mã Ánh sáng trắng = **6500K**, Ánh sáng trắng ấm = **4000K**, Ánh sáng vàng = **3000K**,*

CHẤN LƯU DÀNH CHO BÓNG HUỲNH QUANG
Ballasts for Fluorescent lamp



Mã số Model	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit price
L18/20.800	18/20W	**62 200**
L36/40.800	36/40W	**62 200**
SB821/18/20	SB821-18/20W	**71 000**
SB821/36/40	SB821-36/40W	**71 000**
L10.800	10W	**34 000**
L13.800	13W	**34 000**
L18.800	18W	**39 800**
L22.800	22W	**45 500**
L26/28.800	26/28W	**45 500**
L32.800	32W	**45 500**
LLEC 36/40W	LLEC 36/40W	**68 000**

CHẤN LƯU MERCURY & METAL HALIDE
Mecury & Metal Halide Ballasts

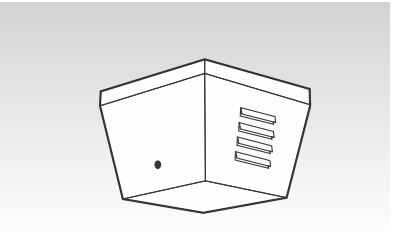


Mã số Model	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit price
Q80	80W	**210 000**
Q125	125W	**230 000**
Q250	250W	**360 000**
Q400	400W	**430 000**
Q1000	1000W	**1 300 000**
NAHJ 70	70W	**230 000**
NAHJ 100	100W	**250 000**
NAHJ 150	150W	**315 000**
NAHJ 250	250W	**390 000**
NAHJ 400	400W	**621 000**
NAHJ 1000	1000W	**1 300 000**

CHẤN LƯU CHO BÓNG HALOGEN
Ballasts for Halogen

Mã số Model	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit price
SB.T50/12.903	12V-35/50W	**200 000**
SB.T60/12.903	12V-40/60W	**200 000**
SB.T105/12.903	12V-70/105W	**220 000**

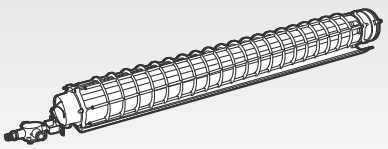
HỘP ĐỰNG CHẤN LƯU
Ballasts



Mã số Model	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit price
HLB/N/280x110x90	Hộp nằm 280x110x90	**72 000**
HLB/N/300x130x135	Hộp nằm 300x130x135	**116 000**
HLB/D/300x153x153	Hộp đứng 300x153x153	**152 000**
	Hộp trụ tròn Ø150x250	**129 000**
HLB/V/180x180x150	Hộp vát 180x180x150	**104 000**

ĐÈN CHỐNG NỔ

Đèn huỳnh quang chống nổ loại cách nổ - Series BPY

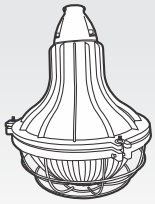


BPY1X20

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BPY/1X20	220	1 x 20	DIIBT6		**4.786.000**
BPY/1X20B	220	1 x 20	DIIBT6		**4.786.000**
BPY/1X30	220	1 x 30	DIIBT6		**4.786.000**
BPY/1X36	220	1 x 36	DIIBT6		**4.786.000**
BPY/1X40X	220	1 x 40	DIIBT6		**4.786.000**
BPY/1X40J	220	1 x 40	DIIBT6		**4.786.000**
BPY/2X20	220	2 x 20	DIIBT6		**7.657.600**
BPY/2x20B	220	2 x 20	DIIBT6		**7.657.600**
BPY/2X36	220	2 x 36	DIIBT6		**7.657.600**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chống nổ loại tăng độ an toàn - Series BGL



BGL/250/E40

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BGL/125/E27	220	125	DIIT3		**6.500.000**
BGL/200/E27	220	200	DIIT3		**8.000.000**
BGL/250/E40	220	250	DIIT2		**8.000.000**
BGL/400/E40	220	400	DIIT2		**9.800.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chống nổ loại cách nổ - Series CCD

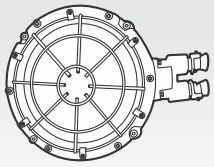


CCD/250/E40

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
CCD/200/E27	220	200	DIICT4		**2.730.000**
CCD/250/E40	220	250	DIICT4		**4.918.000**
CCD/400/E40	220	400	DIICT3		**8.926.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn ốp trần chống nổ - Series BXL

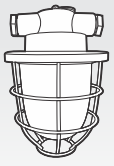


BXL-100/E27

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BXL-100/E27	220	100	DEIIBT4		**2.458.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn tròn đui E27 chống nổ

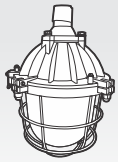


ABP/100/E27

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
ABP/100/E27	220	100			**801.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chiếu sáng chống nổ cấp cứu hai tác dụng - Series BCJ



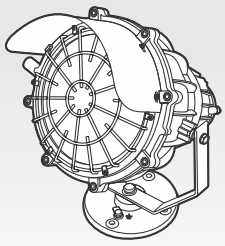
BCJ/B200/20

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BCJ/B200/20	220	200	DEIIBT4		**1.000.000**

*** Sự cố: 6V / 20W**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn pha chống nổ - Series BTD

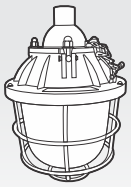


BTD/400A/E40

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BTD/400A/E40	220	400	DIIBT3		**10.473.000**
BTD/400B/E40	220	400	DIIBT3		**12.567.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chống nổ loại cách nổ - Series BCD

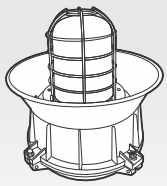


BCD/200/E27

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BCD/200/E27	220	200	DEIIBT4		**1.000.000**
BCD/200X/E27	220	200	DEIIBT4		**1.000.000**
BCD/250/E40	220	250	DEIIBT4		**3.504.000**
BCD/608/E27	36	60	DEIIBT4		**4.800.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chống nổ, chống ăn mòn, tăng độ an toàn - Series BF

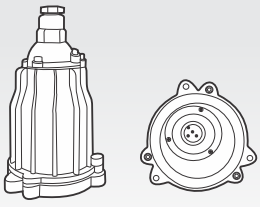


BF/L150/E40

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BF/G125/E27	220	125	DIIT2		
BF/G175/E40	220	175	DIIT2		
BF/L100/E27	220	100	DIIT2		
BF/L150/E40	220	150	DIIT2		
BF/L175/E40	220	175	DIIT2		

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chống nổ - Series BSD

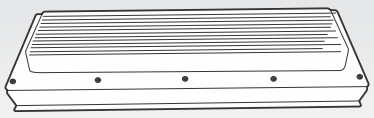


BSD100/E27

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BSD100/E27	220	100			**2.000.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn huỳnh quang chống nổ đặt lưới - Series BHY

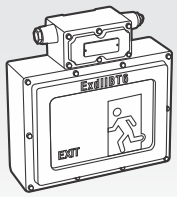


BHY/2X20X

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BHY/2X20Q1	220	2 x 20	DIICT5		**5.650.000**
BHY/2X20Q2J	220	2 x 20	DIICT5		**7.400.000**
BHY/2X20X	220	2 x 20	DIICT5		**5.650.000**
BHY/2X20XJ	220	2 x 20	DIICT5		**7.400.000**
BHY/2X40Q1J	220	2 x 40	DIICT5		**9.040.000**
BHY/2X40X	220	2 x 40	DIICT5		**9.040.000**
BHY/2X40XJ	220	2 x 40	DIICT5		**11.840.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn đánh dấu chống nổ - Series BYY



BYY/9/20

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BYY/9/20	220	9~11	DIIBT6		

*** Sự cố: 6V / 20W**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn huỳnh quang chống nổ, chống ăn mòn hoàn toàn bằng nhựa - Series BYS

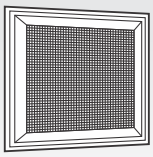


BHY/2X20X

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BYS/1X36	220	1 x 36	DIICT6		**4.786.000**
BYS/2X20EFJ	220	2 x 20	DIICT6		
BYS/2X20F	220	2 x 20	DIICT6		
BYS/2X20J	220	2 x 20	DIICT6		
BYS/2X20X	220	2 x 20	DIICT6		
BYS/2X20XJ	220	2 x 20	DIICT6		
BYS/2X36	220	2 x 36	DIICT6		**5.216.000**
BYS/2X40EFJ	220	2 x 40	DIICT6		
BYS/2X40F	220	2 x 40	DIICT6		
BYS/2X40X/KB	220	2 x 40	DIICT6		
BYS/2X40XJ	220	2 x 40	DIICT6		

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chống nổ loại chống nước, chống bụi - Series FCD

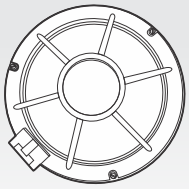


FCD/400

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
FCD/400	220	400			

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn chống nổ chống nước, chống bụi, chống ăn mòn - Series FG

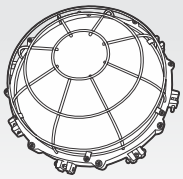


FGL/200/E27

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
FGL/200/E27	220	200			

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn huỳnh quang chống nổ dạng vòng - Series BYH

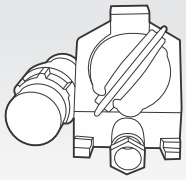


BYH/22X

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
BYH/22J	220	1 x 22	DIIBT6		
BYH/22X	220	2 x 22	DIIBT6		

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

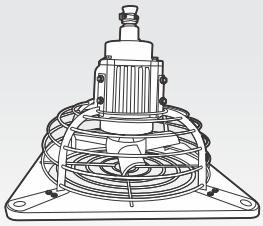
Công tắc, ổ cắm chống nổ và chống ăn mòn



ZXF8575/16A

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
ZXF8030/51/10A	220/380	10	DIICT6		
ZXF8575/16A	220/380	16	DIICT6		

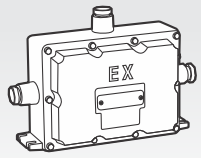
Quạt thông gió treo chống nổ



FAG/300/220V

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
FAG/300/220V					

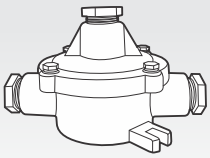
Bộ nguồn chống nổ



YJ22

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
YJ80					
YJ22					
BJ20					

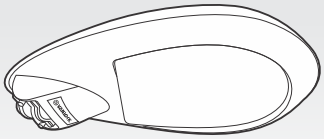
Hộp nối dây đèn chống nổ



AHEXDIIBT6

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
AHEXDIIBT6					

Đèn đường



DE/D/GR

Mã số Model	Điện áp Voltage (V)	Công suất Rating (W)	Tiêu chí chống nổ Rating	SL/Thùng STD. PK	Đơn giá (VNĐ) Unit price
DE/D/GY					**3.849.000**
DE/D/GR					**3.849.000**

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Đèn trang trí nội thất Series SQ & RD

Miếng phản xạ là tấm thép được sơn tĩnh điện màu trắng chống rỉ sét và cho độ phản xạ cao

Đế là nhựa ABS đúc liền bề mặt nhẵn bóng, cứng vững chịu va đập

Chụp đèn với đa dạng hoa văn là nhựa Polycarbonate chịu nhiệt, chịu va đập không ngả vàng trong quá trình sử dụng.



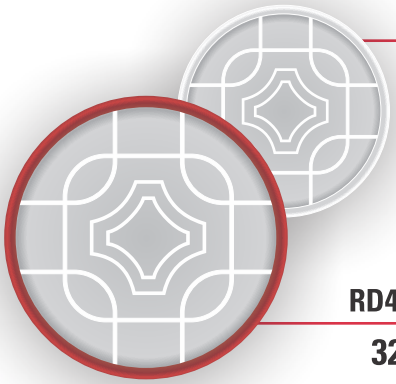
Sử dụng chip Led tuổi thọ cao thân thiện với môi trường, an toàn cho người sử dụng

Ánh sáng dịu êm

- **Chụp đèn làm bằng nhựa Polycarbonate chống va đập, không ngả vàng trong thời gian sử dụng.**
- **Với nhiều kiểu hoa văn của chụp đèn kết hợp với màu sắc của thân đế đèn giúp bạn dễ dàng chọn lựa 1 chiếc đèn phù hợp với màu sơn cũng như trang trí nội thất trong nhà.**
- **Được thiết kế để dễ dàng lắp đặt và bảo dưỡng phù hợp các mục đích sử dụng thường xuyên**

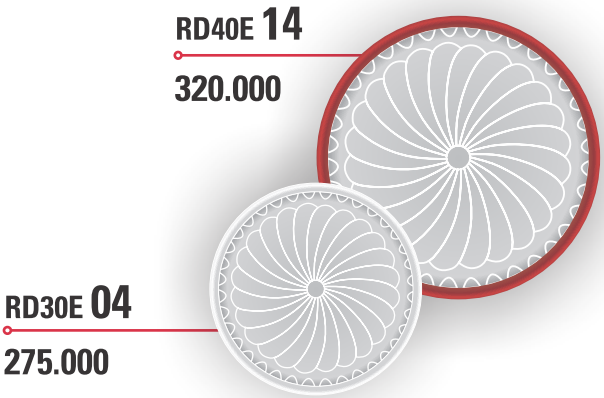


ĐÈN GẮN TRẦN HÌNH TRÒN -CITYLIGHT



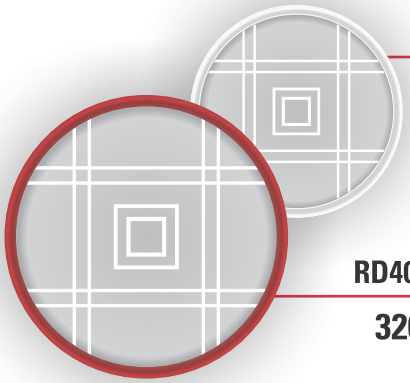
RD30E 02
275.000

RD40E 12
320.000



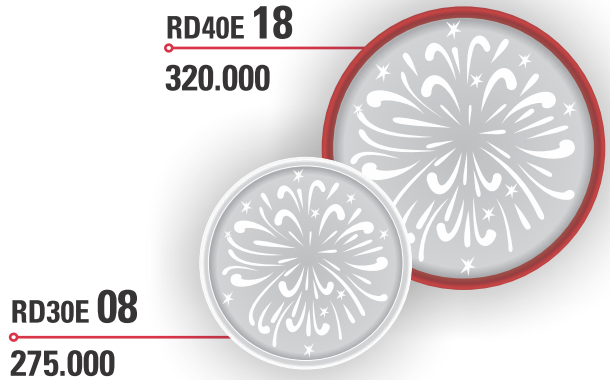
RD40E 14
320.000

RD30E 04
275.000



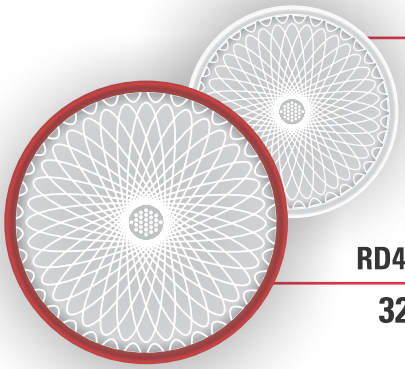
RD30E 06
275.000

RD40E 16
320.000



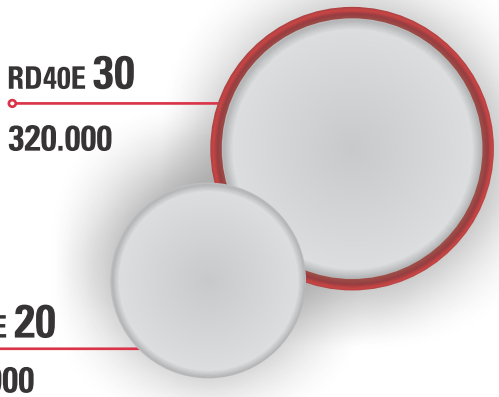
RD40E 18
320.000

RD30E 08
275.000



RD30E 24
275.000

RD40E 34
320.000



RD40E 30
320.000

RD30E 20
275.000

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

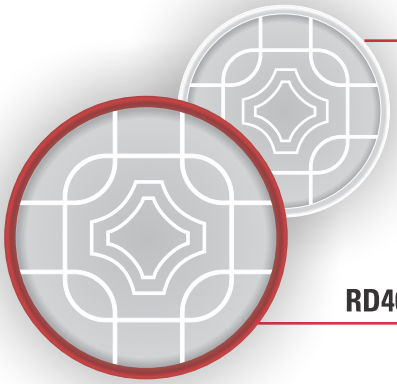
Hướng dẫn đặt hàng:

Để đặt màu viền đèn thêm mã sau: ***Trắng = WH; Mận chín = RB; Ghi = GR; Đen = BK; Vân gỗ = PT***

Ví dụ: Đặt đèn ***RD40E30*** *có viền màu mận chín ta sẽ sử dụng mã* ***RD40E30/RB***

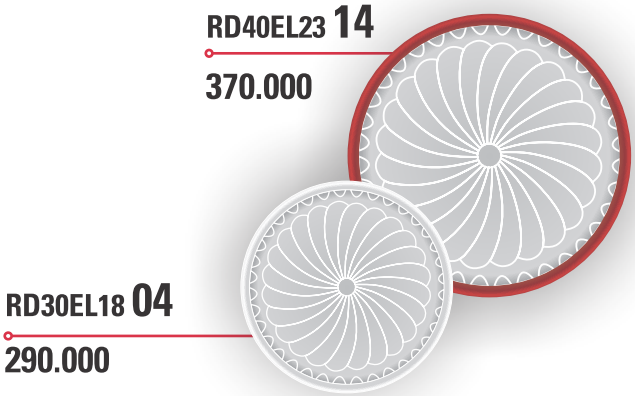
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN GẮN TRẦN HÌNH TRÒN LED - LED CITYLIGHT



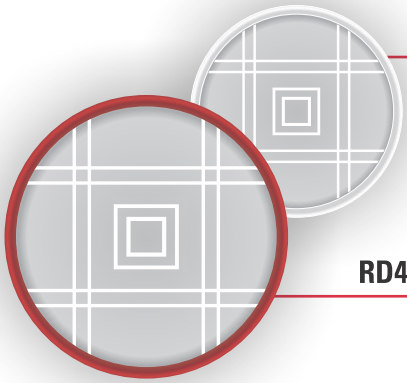
RD30EL18 02
290.000

RD40EL23 12
370.000



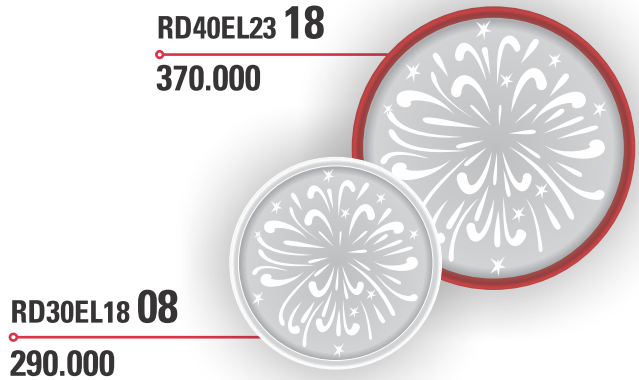
RD40EL23 14
370.000

RD30EL18 04
290.000



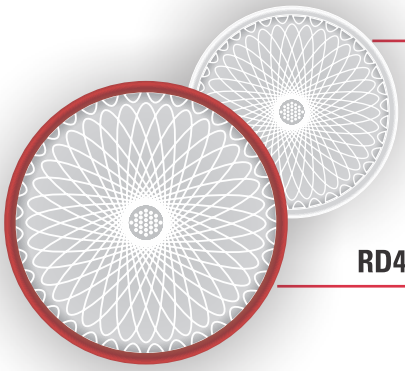
RD30EL18 06
290.000

RD40EL23 16
370.000



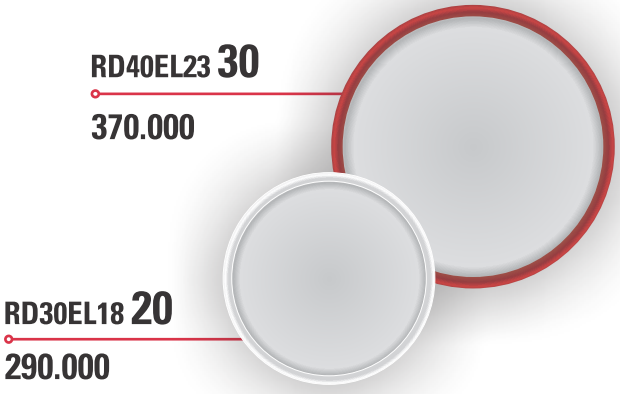
RD40EL23 18
370.000

RD30EL18 08
290.000



RD30EL18 24
290.000

RD40EL23 34
370.000



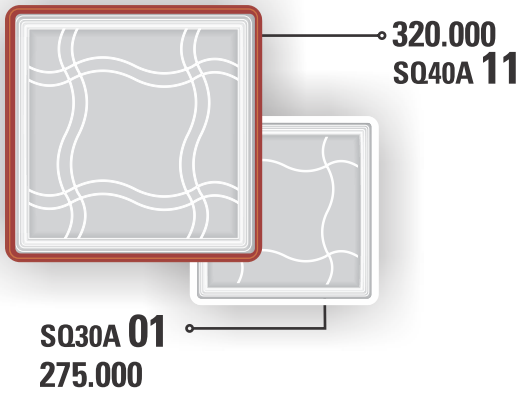
RD40EL23 30
370.000

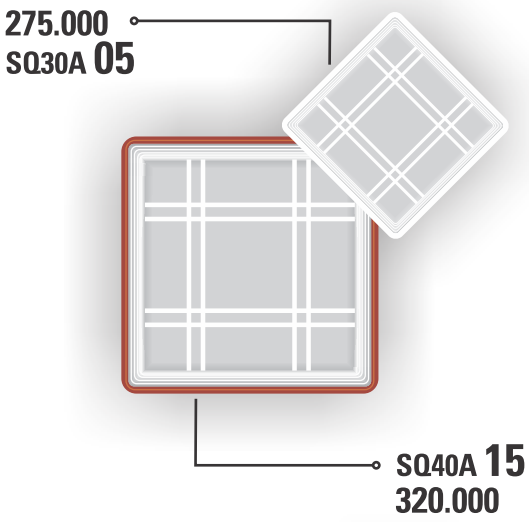
RD30EL18 20
290.000

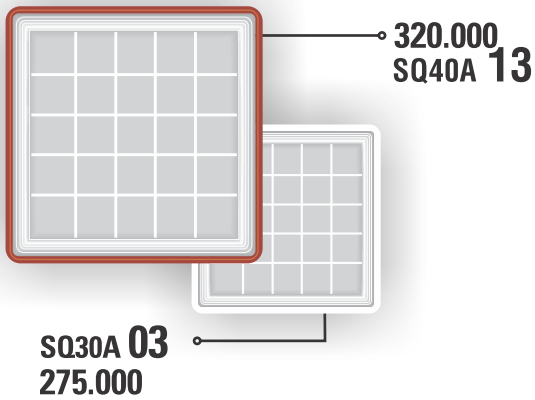
Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

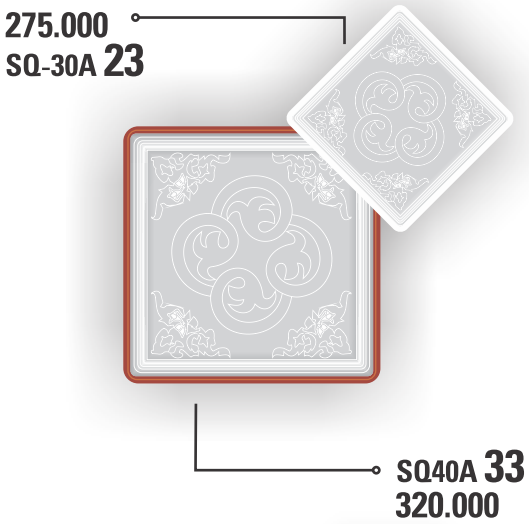
Đóng gói:
RD30EL18 *- 26 cái/thùng;* ***RD40EL23*** *- 16 cái/thùng*
Hướng dẫn đặt hàng:
Để đặt màu viền đèn thêm mã sau: ***Trắng = WH; Mận chín = RB; Ghi = GR; Đen = BK; Vân gỗ = PT***
Để đặt màu ánh sáng thêm mã sau: ***Ánh sáng trắng = 6500K, Ánh sáng vàng = 3000K, Ánh sáng trắng ấm = ASTA***
Ví dụ: Đặt đèn ***RD40EL2130*** *có viền trắng và ánh sáng vàng ta sẽ sử dụng mã* ***RD40EL2130/WH/ASV***
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

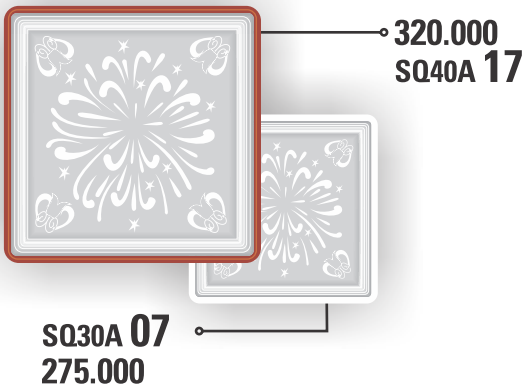
ĐÈN GẮN TRẦN HÌNH VUÔNG -CITYLIGHT

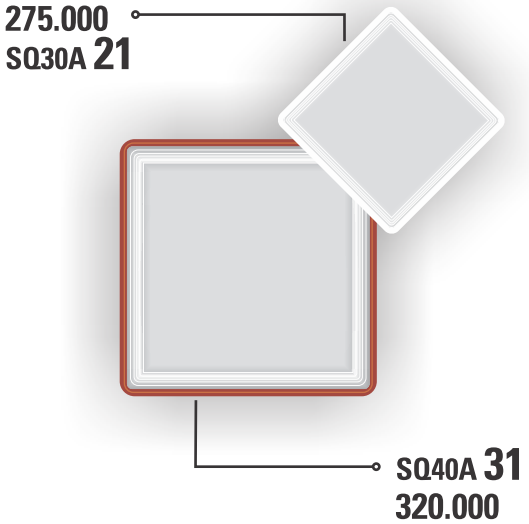












Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

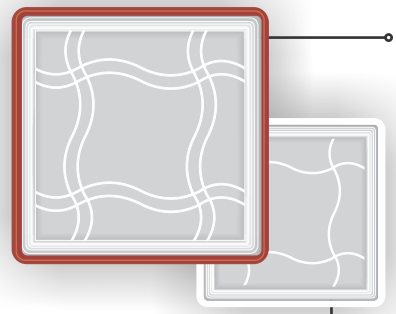
Hướng dẫn đặt hàng:

Để đặt màu viền đèn thêm mã sau: ***Trắng = WH; Mận chín = RB; Ghi = GR; Đen = BK; Vân gỗ = PT***

Ví dụ: Đặt đèn ***SQ30A09*** *có viền trắng ta sẽ sử dụng mã* ***SQ30A09/WH***

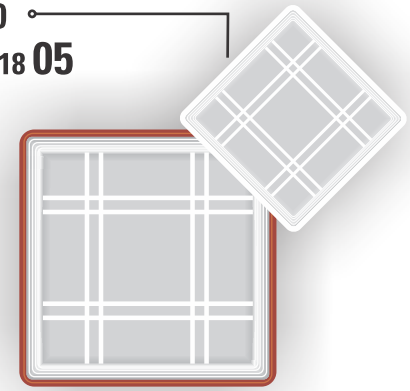
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997

ĐÈN GẮN TRẦN HÌNH VUÔNG LED - LED CITYLIGHT



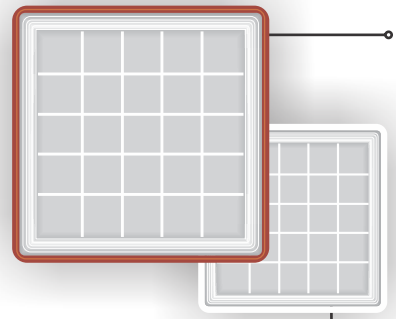
370.000
SQ40AL23 11

SQ30AL18 01
290.000



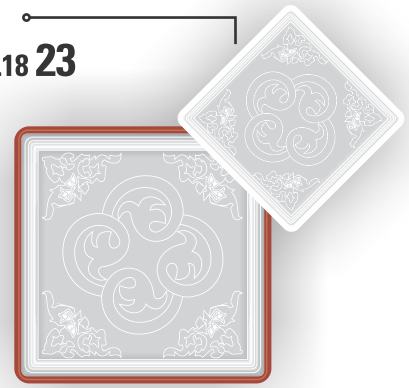
290.000
SQ30AL18 05

SQ40AL23 15
370.000



370.000
SQ40AL23 13

SQ30AL18 03
290.000



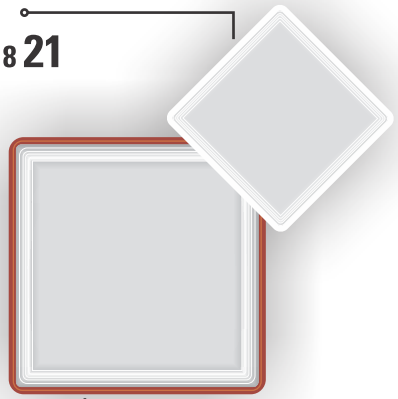
290.000
SQ-30AL18 23

SQ40AL23 33
370.000



370.000
SQ40AL23 17

SQ30AL18 07
290.000



290.000
SQ30AL18 21

SQ40AL23 31
370.000

Đóng gói:
SQ30AL18 *- 26 cái/thùng;* ***SQ40AL23*** *- 16 cái/thùng*

Lưu ý: Đơn giá đã bao gồm bóng đèn

Hướng dẫn đặt hàng:
Để đặt màu viền đèn thêm mã sau: ***Trắng = WH; Mận chín = RB; Ghi = GR; Đen = BK; Vân gỗ = PT***
Để đặt màu ánh sáng thêm mã sau: ***Ánh sáng trắng = 6500K, Ánh sáng vàng = 3000K, Ánh sáng trắng ấm = ASTA***
Ví dụ: Đặt đèn ***SQ40AL21*** *có viền trắng và ánh sáng vàng ta sẽ sử dụng mã* ***SQ40AL21/WH/ASV***
Sản phẩm thuộc tiêu chuẩn / Standard: IEC 60598-2-2:1997; BS EN 60598-2-2:1997